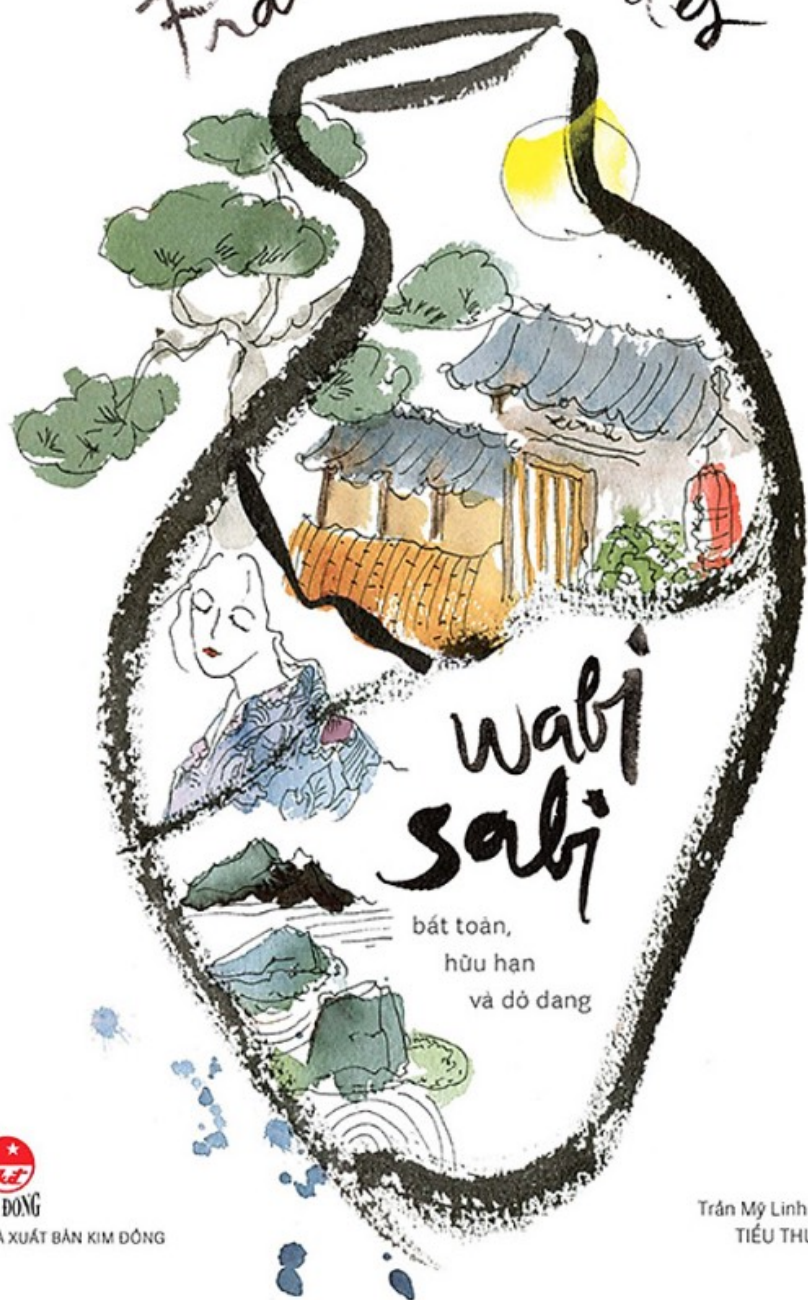


Francesc Miralles



wabi
sabi

bất toàn,
hữu hạn
và dỏ dăng

WABI SABI

(Phần tiếp theo của *Viết thường hai chữ tình yêu*)

Tác giả: Francesc Miralles

Người dịch: Trần Mỹ Linh

Phát hành: WingsBooks

Nhà xuất bản Kim Đồng 07/2020



ebook©vctvegroup

Samuel duy trì mối quan hệ từ tám năm trước với Gabriela, nhưng vẫn tiếp tục sống trong căn hộ dành cho người độc thân của mình, bận rộn với các giờ giảng tiếng Đức và thỉnh thoảng giúp đỡ ông hàng xóm Titus biên soạn sách.

Buổi sáng đầu tiên của tháng Sáu, anh nhận được một tấm bưu thiếp có dấu tem từ Nhật Bản với hình ảnh một con mèo giơ cao chân trước và dòng chữ bí ẩn: “WABI SABI”. Nhiều ngày sau, một tấm bưu thiếp khác lại tới, lần này có hình ảnh một ngôi đền.

Một sự kiện không ngờ tới thúc đẩy anh đi tới đất nước Đông Á kia, nơi anh học được vẻ đẹp của những điều bất toàn và mở ra một cơ hội không ngờ tới cho tình yêu.

“Nếu chúng ta coi tình yêu như một nghệ thuật nhân sinh, thì theo người Nhật nó sẽ tuân theo các nguyên tắc của Wabi Sabi. Tình yêu không hoàn hảo, bởi vì các cặp đôi đều là sự tổng hợp và xung đột của hai cá thể không hoàn hảo. Tình yêu dang dở vì các mối quan hệ không bao giờ ngừng phát triển, dù là theo hướng tốt hay xấu. Tình yêu tạm thời và dễ hỏng, đương nhiên rồi. Cần phải tận hưởng khi nó vẫn còn.”

Tác giả

Francesc Miralles là nhà văn Tây Ban Nha đã nhận được nhiều giải thưởng danh giá.

Sinh ra tại Barcelona, ông tốt nghiệp Khoa Văn học Đức của Đại học Barcelona và từng làm biên tập, viết báo, nghệ thuật trị liệu trước khi tập trung chính vào công việc viết lách.

Ông là tác giả của nhiều cuốn sách nổi tiếng như *Un haiku para Alicia* (Bài haiku cho Alicia); *El cuaderno de Aroha* (Cuốn sổ của Aroha); *Ojalá estuvieras aquí* (Ước gì em ở đây); *La última respuesta* (Lời đáp sau cuối) viết chung với Álex Rovira; *El mejor lugar del mundo es aquí mismo* (Nơi tuyệt vời nhất trên thế gian này chính là tại đây) viết chung với Care Santos; *Ikigai: Los secretos de Japón para una vida larga y feliz* (Ikigai: Bí mật sống trường thọ và hạnh phúc của người Nhật) viết chung với Hector Garcia...

Trong số các tác phẩm của ông, *Viết thường hai chữ “tình yêu”* đã được dịch ra hơn 28 thứ tiếng trên thế giới. *Wabi Sabi - Bất toàn, hữu hạn và dở dang* là phần tiếp theo rất được mong đợi của cuốn sách này.

“Đồng hành cùng hi vọng thì hơn là đến được tới nơi”.

NGẠN NGŨ NHẬT BẢN

Mở đầu

Chúng ta đến từ hư vô và sẽ trở về với hư vô. Ở giữa khoảng này, chúng ta là một thứ gì đó. Và chúng ta gọi đó là cuộc đời.

Một thời gian trước, tôi rất lo lắng về chuyện đánh lên tia lửa cuộc đời này trong bóng tối trước và sau chúng ta. Tôi nghĩ tới sự tồn tại như một cái túi chứa đầy giờ giấc, ngày, tháng và năm. Tôi thấy đau khổ khi nghĩ rằng mỗi phút trôi qua là thêm một phút đến gần hơn với nơi mà mình không hề biết tới, nhưng tôi cũng không vội gì để tới đấy cả.

Khi đó tôi vẫn chưa hiểu rằng một vài giây hạnh phúc mãnh liệt có thể để lại dấu ấn sâu đậm nơi một tâm hồn luôn trông đợi trong cả cuộc đời đơn điệu.

Cho tới năm ba mươi bảy tuổi, tôi sống khép kín trong một nhà tù của sự cô độc do chính tay mình dựng nên, từng viên gạch một. Sau khi đóng kín những bức tường xung quanh mình, tôi chôn chặt chìa khóa để không ai có thể vào.

Nhưng một con mèo hoang đã đào được chiếc chìa khóa đó lên với sự mưu mẹo của loài mèo, và khiến tôi mở cửa ra với thế giới. Kể từ đó, tôi sống cùng con mèo, tên thân mật là Mishima, và vài người bạn đồng hành kì lạ.

Ngay phía trên căn hộ của tôi tại quận Gracia ở Barcelona là Titus, một nhà biên soạn già chuyên viết những cuốn sách truyền cảm hứng, tôi hay giúp đỡ ông ấy khi không có lịch dạy ở trường đại học.

Mishima dẫn tôi đến với ông già và ông ấy đưa tôi trở lại với

Gabriela, người tôi yêu dù chẳng biết gì về quá khứ của cô ấy, hay cả những khi cô ấy không ở bên tôi. Có lẽ vì thế mà cô ấy không muốn chúng tôi sống chung, và tôi buộc phải thấy bản thân trở thành một người đàn ông hiện đại: một cặp đôi, hai căn hộ.

Trong một thời gian, tôi sống cùng Valdemar, một con người lập dị thích khám phá phía khuất của Mặt Trăng. Anh ta đã biến mất vào một ngày đẹp trời, bỏ lại cái kính viễn vọng trong căn bếp của Titus. Valdemar cũng để lại cho chúng tôi tập bản thảo những nghiên cứu của mình, và sự trống vắng không thể bù đắp mà những người quan trọng hay để lại trong chúng ta.

Mỗi khi buồn, tôi và Titus lại dựng kính viễn vọng lên và hướng về phía Mặt Trăng, như thể Valdemar đã tìm được cách tới đó và có thể truyền tín hiệu cho chúng tôi bất kì khi nào.

Một ngày nào đó anh ta sẽ trở lại, hoặc chúng tôi sẽ quay lại với anh ta, vì chúng ta đều là một phần của “cái nôi” vũ trụ luôn nóng sốt, nơi không một nguyên liệu nào bị bỏ phí cả.

Thời gian trôi qua, tôi nhận ra được rằng ta không thể hiểu rõ bản thân mình thông qua sự cô đơn, mà là qua những người khác. Một khi bạn từ bỏ mọi thứ, việc trèo lên ngọn núi và đợi ngày tháng trôi qua tương đối dễ dàng. Điều khó nhất, thứ nghệ thuật tối cao, là kết nối với ai đó khác bạn, vì khả năng của chúng ta trong chuyện này cho ta phương thức đúng đắn như một con người.

Tôi hẳn là một thợ học việc đơn giản, vì tôi chưa bao giờ hết bất ngờ trước quyết định của những người xung quanh. “Xung quanh” có thể là cách nói hơi rộng quá, như buổi sáng đầu tiên của tháng Sáu xác nhận, khi tôi xuống cầu thang và mở hòm thư...

Maneki neko

Con mèo vẫy chào

Vì đã ở giai đoạn cuối của năm học, nên tôi không chờ đợi thư từ nào khác ngoài thông báo triệu tập đến họp của trường đại học, chắc chắn là với những từ ngữ tồi tệ, hoặc chương trình nghiên cứu hèn.

Nhưng thay vì những giấy tờ học thuật, trong hòm thư chỉ có duy nhất một tấm bưu thiếp. Tôi đưa nó ra chỗ sáng để nhìn rõ hơn: Trên bưu thiếp có hình một con mèo sứ trắng đang giơ chân trái.

Lật mặt sau, tôi trông chờ địa chỉ của một cửa hàng Trung Quốc mới mở trong khu phố, chỗ mà ta thường thấy những mô hình nhỏ như thế này, nhưng kì lạ thay, tấm bưu thiếp có tem gửi từ Nhật Bản. Ngoại trừ địa chỉ của tôi, được viết tay bằng bút lông nhỏ, ở chỗ dành để viết nội dung thiếp chỉ có duy nhất một cụm từ:

WABI SABI

Tôi bối rối đứng yên trước hòm thư mất một lúc, nhìn hết bức ảnh rồi đến cái từ lạ thường kia. Không hiểu ai đã gửi bưu thiếp cho tôi từ một nơi xa như vậy, và vì lí do gì, nhưng trực giác mách bảo tôi rằng con mèo vô tội kia, nếu nó đúng là vô tội, sẽ mang đến biến động. Con mèo cuối cùng gọi cửa nhà tôi, Mishima, đã gây ra một cơn bão các sự việc, thế nên tốt hơn hết là không nên coi nhẹ chuyện này.

Hiện tại thì con mèo trên bưu thiếp đã thay đổi kế hoạch buổi sáng của tôi. Thay vì đi ra đường, tôi leo lên tầng áp mái và gõ cửa

nhà Titus.

Cửa mở ra với một tiếng rè rè, chứng tỏ là ông hàng xóm của tôi đang bận bịu với một cuốn sách được giao. Thật vậy, vừa mới đẩy cửa vào, tôi đã có thể nghe thấy tiếng gõ bàn phím lia lịa trên nền nhạc jazz. Trong không khí có vài làn khói nhẹ, càng khẳng định rằng ông ấy đang làm việc. Titus chỉ đốt nhang khi đang biên soạn.

Trước khi rời khỏi hành lang dẫn tới phòng khách kiêm phòng làm việc, tôi dừng chân trước *Kẻ lãng du trên biển sương mù*, bản sao bức họa của Caspar David Eriedrich mà Titus sở hữu. Mặc dù đã nhìn nó hàng chục lần, chàng trai lãng mạn leo lên đỉnh núi sương mù đó vẫn luôn gây ấn tượng với tôi.

“Anh định đứng đó suốt hả?” Titus đột ngột chào tôi.

Tôi vào căn phòng chỉ có bàn làm việc, Titus đã ngừng tay và tò mò xem xét tôi.

“Ông đang làm việc...”

“Có vẻ là vậy, nhỉ?” ông ấy mĩa mai. “Còn đúng bốn ngày nữa là đến hạn nộp cuốn *Một xu để cười* mà tôi vẫn còn thiếu bốn phần và đoạn mở đầu về liệu pháp tiếng cười.”

“Tiêu đề gì mà lố bịch vậy... Nó nói về gì thế?”

“Đây là phiên bản chuyển thể từ một cuốn sách của Mỹ: một hợp tuyển gồm một ngàn truyện cười được bán với giá mười euro, có nghĩa là một xu cho mỗi liều tiếng cười.”

“Thật là khéo léo.”

“Không phải ý của tôi đâu. Và tôi cũng không thể đảm bảo mấy truyện này sẽ gây cười. Tôi thấy những câu chuyện mình tìm được chẳng có gì buồn cười cả,” ông ấy chỉ cho tôi đồng giấy ghi chú ở một góc bàn.

“Vậy tôi để ông tiếp tục làm việc nhé.”

“Đợi đã, anh định nói gì với tôi?”

Sau khi đánh giá rủi ro của khả năng Titus sẽ bắt tôi tìm truyện cười phụ ông ấy, sự tò mò mà tấm bưu thiếp đem lại cho tôi lớn hơn, nên tôi thả nó xuống bàn. Rồi tôi ngồi xuống ghế sofa, chờ đợi lời bình luận của ông ấy.

“Thú vị đấy,” ông ấy cười. Ai gửi cho anh vậy?”

“Tôi không biết. Không có tên người gửi. Trên đó chỉ có một từ ghép thôi, ông có biết nghĩa của nó không?”

“*Wabi Sabi.*”

Titus đọc từ đó lên như thể nó là một câu thần chú. Ngay lúc đó, mô hình tàu hỏa trên cái bàn nhỏ sát tường bắt đầu chạy, vào và ra khỏi hầm trong khi phát tiếng còi nhẹ nhẹ.

“Nó làm tôi suýt chết khiếp đấy,” tôi nói. “Trên bàn ông có bao nhiêu công tắc vậy?”

“Có hai thôi: nút mở cửa và nút điều khiển mô hình tàu hỏa. Anh biết là nó giúp tôi tập trung mà... Nhưng hiện giờ tôi không thể cho anh câu trả lời, bởi vì tôi không biết khái niệm này. Hỏi Gabriela ấy. Cô ấy từng sống ở Nhật, đúng không?”

“Cô ấy đang ở Paris, phải tới tuần sau mới về. Trong lúc đó, có thể con mèo sứ sẽ cho ta manh mối nào đó.”

Titus lần ngón tay theo hình con mèo và nói: “Đây không phải bí ẩn gì cả. Đây là *maneki neko*, ở Nhật có hàng triệu con ấy.”

“*Maneki neko* là con gì?”

“Xem cuốn thứ ba ở trên kệ kia đi,” Titus chỉ cho tôi cái kệ sách ở cuối phòng khách. “Kì lạ là anh không nhớ đấy, chính anh đã giúp viết ra nó mà.”

“Cuối cùng thì người viết là Valdemar mà, ông không nhớ ư?” Tôi lấy bản sao cuốn *Khóa học nhỏ về phép lạ hằng ngày*.

Quả thật, trong chương “Triết lí loài mèo” có một phần dành cho nhân vật này:

MANEKI NEKO: CON MÈO MAY MẮN

Hình tượng phổ biến trong thương mại Nhật Bản này có nguồn gốc từ Trung Quốc. Vào thế kỉ 9, người ta tin rằng mỗi khi mèo dùng chân lau tai là nhà sẽ có khách. Sự bồn chồn của loài mèo trước khi có người lạ đến thể hiện qua hành động rửa mặt.

Những nguồn khác lại khẳng định nguồn gốc của con mèo này tới từ một câu chuyện có thật trong thời Edo (1603 - 1868). Người ta luôn thấy một con mèo tên Tama trên thềm của một ngôi chùa, xây trước một cái cây to, ở phía Tây Tokyo. Vào một ngày mưa nọ có vị lãnh chúa trú mưa dưới cái cây và Tama liên tục giơ chân lên như để gọi ông. Tò mò, ông rời khỏi chỗ trú và lại gần con mèo. Đúng lúc đó, một tia chớp giáng xuống cái cây và mọi thứ quanh nó. Cảm động trước hành động của con mèo, vị lãnh chúa này trở thành người bảo trợ cho ngôi chùa.

Một câu chuyện khác kể rằng, có một người phụ nữ nghèo khổ tên Imada đã bỏ mặc con mèo của mình vì bà còn chẳng thể chăm sóc nổi cho bản thân. Con vật sau đó xuất hiện trong giấc mơ của bà, hướng dẫn bà cách nặn hình nó bằng đất sét để đem lại may mắn. Người phụ nữ làm theo và sau khi hoàn thành, một người qua đường nhìn thấy tượng con mèo và nhất quyết hỏi mua. Kể từ hôm đó, Imada làm thật nhiều tượng và rất nhiều người đã mua giúp bà bớt khó khăn.

“Rất rõ ràng,” tôi nói, có chút nhạo báng, “nhưng chuyện này chẳng giải thích thêm gì cả. Tại sao lại có người gửi cho tôi con mèo may mắn? Tôi có quen ai ở Nhật đâu.”

“Có lẽ là để thông báo có người lạ sẽ tới... Hoặc có lẽ anh cần một chút may mắn cho cuộc phiêu lưu sắp tới.”

Tôi đón nhận hai khả năng như một nhà tiên tri độc ác. Kinh nghiệm cho tôi thấy việc người lạ đến bao giờ cũng cũng kéo theo một chuỗi các rắc rối. Mặt khác, tôi gọi những chuyến phiêu lưu cần tới may mắn với cái tên đơn giản là “tai họa”.

Điều chưa được khám phá chính là ý nghĩa của từ “WABI SABI”

kia, nhưng có điều gì đó mách bảo rằng tôi sẽ sớm biết thôi.

Động vật có nguy cơ tuyệt chủng

Năm học ở Khoa Văn học Đức đã kết thúc và thời gian của tôi được phân chia cho các cuộc họp soạn chương trình học, trông thi và vài giờ hướng dẫn mà hiếm khi có ai đến.

Sáng thứ Ba đó, tôi đang ngắm nhìn ánh nắng hè xuyên qua cửa sổ, chiếu rọi những vết nứt và bụi trên cái bàn làm việc cũ. Đột nhiên, tôi thở dài, khiến chính bản thân ngạc nhiên.

Từ khi tôi trở thành tiến sĩ Ngôn ngữ Đức và bắt đầu công việc giảng viên, tất cả đã thay đổi trong khuôn viên những bức tường của Khoa được dựng lên từ thế kỉ 19, mặc dù trông chúng có vẻ còn cổ hơn thế. Từ chính văn phòng này, nơi rất nhiều bài thi chờ đợi để được chấm, tôi thấy sự nghiệp mình từng bỏ công học hành đang dần biến mất.

Trong khóa gần nhất của Khoa Văn học Đức, chúng tôi chỉ có khoảng một tá sinh viên. Ít ỏi như một gia đình.

Rồi sau đó, bằng cấp này chính thức “tuyệt chủng”, như một con thú cổ xưa và không cần thiết, tôi được nhập vào Khoa Ngôn ngữ Anh.

Chính tôi đã trở thành một động vật có nguy cơ tuyệt chủng.

Các lớp văn học Đức của tôi bị cắt giảm xuống chỉ còn duy nhất một học phần tiến sĩ. Ngoài ra, giờ tôi còn dạy cả ngôn ngữ của Goethe cho các sinh viên vốn coi nó như một cơn ác mộng thực sự. Tiếng Đức giống như một người tình chỉ tôn trọng ta khi ta dành hết sự chú ý cho nàng. Nếu trở thành môn học phụ cho sinh viên Ngôn ngữ Anh, nó có thể trở thành địa ngục. Những

danh sách dài ngoằng các danh từ với thể số nhiều bất quy tắc và các cách thể^[1] là món ăn khó nuốt cho những ai chỉ học một hoặc hai lần một tuần.

Vì điều này, từ lúc sự nghiệp của tôi kết thúc, tôi đã trở thành giáo sư của một ngôn ngữ gây ra nhiều đau khổ cho sinh viên hơn là sự hài lòng.

Điều tốt đẹp duy nhất của việc không thường xuyên có sinh viên lớp văn học chính là sự đánh giá trở nên gần như không thể trong thời kì của Google. Chữa bài làm về một tác giả nào đó và tác phẩm của họ giờ là một cuộc điều tra toàn diện những gì có trong bài viết, để biết sinh viên đó đã chép từ đâu, theo phong cách “cắt và dán” thuần túy.

Nếu trông thi, tôi cần phải cực kì thận trọng để sinh viên không dùng điện thoại thông minh đã được biến thành một loại *phao* vô tận.

Khi tôi đang suy nghĩ về tất cả những chuyện này, cửa văn phòng mở ra và một cô gái tóc vàng loăn xoăn xin phép vào. Tỉnh giấc khỏi nỗi luyến tiếc của một giáo sư bốn mươi lăm tuổi, tôi nhìn cô gái với gương mặt nhợt làm tôi nhớ đến mặt mèo.

Cô gái đủ tuổi để học bằng tiến sĩ, nhưng tôi chưa nhìn thấy cô này bao giờ.

“Em tìm ai vậy?”

“Em không rõ.”

Cô gái tiến lại gần và đặt lên bàn tôi một cái đĩa nhạc. Trên bìa đĩa là một hình tròn được vẽ bằng nét bút lông, giống như các bậc thầy thư pháp Nhật Bản.

Sau tấm bưu thiếp bí ẩn với hình mèo *maneki neko*, giờ việc một cô gái với gương mặt giống mèo cho tôi xem một cái đĩa nhạc với dấu hiệu của Nhật Bản hẳn phải là một tín hiệu nào đó, nhưng tôi chưa biết là cho điều gì.

“Em muốn biết lời bài hát trong cái đĩa này có ý nghĩa gì,” cô gái bắt đầu nói với giọng nhẹ nhàng và du dương. “Thầy có thể nghe thử một chút không?”

Cô gái lấy ra cái máy nghe đĩa, một vật dụng lỗi thời trong thời đại kỹ thuật số này. Một giống loài sắp tuyệt chủng khác. Trong lúc cô gái đưa cái tai nghe với giọng nam đang hát, tôi sắm vai vị giáo sư tiếng Đức không thích phung phí thời gian.

“Em cần phải tới Trường Ngôn ngữ Chính thức^[2],” tôi đề nghị, “ở Khoa này không dạy tiếng Nhật.”

“Đây không phải là tiếng Nhật,” cô gái đính chính, “mà là một ngôn ngữ chết em muốn hiểu. Ha. Ít nhất thì biết đó là tiếng gì...”

Bị bất ngờ, tôi đeo tai nghe lên. Trên nền hợp âm guitar, một chàng trai ca một khúc hát u sầu lạ lùng. Tôi không thể nhận ra một từ nào mà anh ta hát. Ngay từ đầu, tôi thấy đó không giống một ngôn ngữ Semit^[3] nào cả. Cũng không giống ngôn ngữ cổ nào gốc German.

Cô gái tóc vàng sốt ruột chờ đợi phán quyết của tôi.

“Xin lỗi đã làm em thất vọng,” tôi trả lại máy nghe đĩa, “nhưng tôi không hề biết...”

“Lúc đầu em nghĩ nó là tiếng yêu tinh,” cô gái cắt ngang, “nhưng một người bạn của em từng làm luận văn về Tolkien^[4] đã nói rằng chúng không có liên quan gì cả.”

Điện thoại của cô gái mèo kia bắt đầu kêu đúng lúc đó. Việc này cho tôi cái cớ hoàn hảo để kết thúc buổi tư vấn lố bịch này. Tôi đứng dậy để chào tạm biệt, nhưng cô gái ngắt cuộc gọi và nói với tôi: “Em nghi ngờ nó là tiếng Atlantis^[5].”

Tôi cứng người. Tôi đã làm việc ở Khoa này mười bảy năm và chưa bao giờ gặp phải một buổi tư vấn khác thường đến vậy. Niềm yêu thích những điều kỳ quặc của tôi vượt qua sự thận trọng, nên tôi hỏi: “Điều gì khiến em nghĩ đó là tiếng Atlantis?”

Chỉ cần nói rõ câu đó thôi, tôi đã thấy nó vô lí và lỗ bịch thế nào khi phát ra từ miệng của một giảng viên đại học. Atlantis chỉ được Plato^[6] đề cập đến vài lần một cách mơ hồ. Tôi thậm chí còn chưa từng nghe nói tới có ngôn ngữ của nơi này.

Tôi chuẩn bị đưa trả máy nghe đĩa thì điện thoại của cô gái lại vang lên. Cô gái bực tức nhìn màn hình rồi cuối cùng cũng nghe máy, như thể đang ở nhà mình chứ không phải trong văn phòng của trường đại học.

“Tôi đã nói là không muốn biết thêm gì về anh nữa. Anh rõ chưa?”

Nhìn vẻ mặt khó chịu của cô gái mèo, tôi hiểu rằng người ở đầu dây kia vẫn giữ vững lập trường. Cô gái cố chấp trả lời lại trong khi đi lùi lại chỗ cửa ra vào. Khi đi ra đến hành lang, cô giơ tay lên chào rồi đóng cửa lại.

Bất ngờ vì những gì vừa xảy ra, tôi đứng trước cửa sổ một hồi lâu. Đúng lúc đó, một con hải âu kinh khủng vừa kêu vừa đang cánh bay qua.

Khi quay lại nhìn cái bàn, tôi hơi giật mình. Bên cạnh đồng bài thi chưa chấm là cái đĩa với thứ ngôn ngữ chưa biết. Tôi chạy ra cửa, nhưng cô gái tóc xoăn không còn ở đó nữa.

Hành lang lại trống trải như những bài luận văn về ngôn ngữ Atlantis.

Anh có nói tiếng Atlantis không?

Khi về nhà, vào buổi chiều ngày thứ Ba, tôi đã không ngờ rằng cuộc gặp gỡ trong văn phòng đó lại là món khai vị cho một ngày thất bại về mọi mặt.

Con mèo đã hất cái lọ hoa của bà Gabriela xuống sàn. Đó là món đồ duy nhất có giá trị tình cảm mà Gabriela để lại trong nhà tôi, cô ấy hẳn sẽ bức bối lắm khi quay về từ Paris. Tôi nhìn đồng hồ treo tường chỉ 18 giờ 12 phút. Có thể cô ấy vẫn đang làm việc tại Hội chợ Nghệ thuật đương đại và có wifi, nên tôi gửi một tin nhắn qua Whatsapp.

Anh có tin xấu, em à.

Mishima mới hất cái bình của bà em xuống đất.

Sứ có vẻ mỏng hơn ta nghĩ, vì nó đã thành trăm mảnh rồi.

Anh sợ là mình không cứu được nó.

Yêu em

SAM

Sau khi thông báo tin buồn, tôi đi tìm con mèo khắp nhà nhưng không thấy. Chắc chắn nó đã nhận thức được rằng mình vừa gây rắc rối.

Trong lúc chờ tin nhắn trả lời của người yêu - biểu tượng hai dấu tick có nghĩa là tin đã được gửi thành công - tôi ngồi ở ghế sofa với máy tính đặt trên đùi và cái cặp bên cạnh.

Tôi đang tìm danh thiếp của một giáo sư mà mình cần phải gửi

email thì lại thấy cái đĩa với vòng tròn Nhật Bản. Tôi đã mang nó theo, vì sợ rằng một giáo sư khác sẽ vứt đi và rồi cô gái điên kia quay lại đòi tôi. Vì bản chất tò mò, tôi không thể ngăn mình bỏ cái đĩa vào máy nghe nhạc cầm tay.

Giọng hát của ca sĩ bắt đầu với một giai điệu trầm bổng, giống như tàu lượn siêu tốc của cuộc đời. Tôi căng tai ra nghe lần nữa, để xem có thể nhận ra từ nào không, nhưng chẳng có từ ngữ nào quen thuộc cả. Cùng lúc đó, sự mãnh liệt và say mê của ca sĩ khiến tôi nghĩ rằng mình hoàn toàn hiểu hết lời ca.

Cảm thấy ngứa ngáy vì niềm đam mê giống như cô gái mặt mèo, tôi sầm soi cái bìa đĩa cho đến khi phát hiện một chữ kí nhỏ ở mặt sau: Daniel Lumberras.

Một cái tên thích hợp cho người duy nhất trên thế giới biết tiếng Atlantis, thấy thú vị nên tôi thử gõ tên anh ta vào Google và sau đó là Facebook. Có rất nhiều người mang tên này, mặc dù nó không phải là một cái tên phổ biến, nhưng bức ảnh mờ ảo của một chàng trai Barcelona với kiểu tóc vuốt ngược ra sau khiến tôi nghĩ rằng đấy chính là anh ta.

Đã đến nước này, tôi đành liều gửi một tin nhắn cho anh ta:

SAMUEL DE JUAN

Xin chào Daniel,

Có thể là tôi nhầm người, nhưng tôi mới nhận được một đĩa nhạc tự phát hành với hình tròn trên bìa và tôi muốn hỏi xem liệu nó có phải là của anh không.

Cô gái bỏ quên cái đĩa ở văn phòng của tôi nói rằng anh hát tiếng Atlantis.

Nếu đúng là vậy thì tôi có thể hỏi anh đã học ngôn ngữ đó ở đâu không?

Cảm ơn anh và xin lỗi vì sự đường đột này.

Sau khi nhấn ENTER để gửi tin nhắn đến người có thể không biết gì về chuyện này, tôi tự nhủ rằng bản thân chẳng thay đổi gì mấy kể từ khi đọc cuốn từ điển những từ không thể dịch để giải trí.

Mishima chọn đúng lúc đó để tái xuất với cái đuôi dựng đứng, như thể nó muốn thăm dò không khí trong phòng ăn sau vụ nghịch ngợm của mình. Nó nhìn tôi dò xét và kêu một tiếng meo gần như không thể nghe thấy.

“Lên đây đi, nào...” Tôi cho phép nó. “Tao đã dọn hết mảnh vỡ và báo cho Gabriela rồi.”

Mishima nhảy lên ghế sofa rồi dụi đầu vào người tôi. Ngay lúc đó, điện thoại của tôi kêu lên.

“Là cô ấy đấy,” tôi nói với con mèo. “Để xem cô ấy phản ứng ra sao nào.”

Samuel,

Đừng buồn vì cái bình. Chẳng có gì kéo dài mãi mãi cả mà.

Khoảng mười giờ tối anh có ở nhà không?

Chúng ta cần nói chuyện.

xxx GAB

Hãy chào vận may và vận may sẽ chào lại bạn

Vài tiếng trước thời điểm mười giờ, tôi đọc cuốn sách của Titus về *maneki neko*, con mèo may mắn đã đến với tôi qua tấm bưu thiếp bí ẩn từ Nhật Bản.

“Wabi Sabi,” tôi nhắc lại.

Chuyện anh chàng ca sĩ Atlantis đã làm tôi quên mất việc tìm ý nghĩa của từ được viết trên bưu thiếp. Giờ thì máy tính đã tắt mất rồi.

Cuốn *Con mèo may mắn* do một người Đức tên Christopher A. Weidner viết. Lúc đầu tôi nghĩ đó là bút danh, giống như những cái tên Titus dùng để viết những cuốn sách truyền cảm hứng, nhưng ở bìa gập bên phải có tiểu sử khá dài khiến tôi nghĩ đó thực sự là tên của anh ta.

Cuốn sách tổng hợp nhiều câu chuyện về việc loài mèo mang đến may mắn với tiên đề: “Hãy chào vận may và vận may sẽ chào lại bạn.”

Bị hấp dẫn vì không biết phải chào vận may thế nào. Tôi mở thẳng tới phần cuối của cuốn sách, nơi tác giả giải thích cách biến điều ước thành hiện thực. Theo Weidner, điều ước cần phải đạt được sáu yêu cầu sau:

1. Phải là một điều ước thực sự nhỏ.
2. Phải dễ để có thể thực hiện ngay lập tức hoặc muộn nhất là ngày mai.
3. Phải là sự khởi đầu cho thứ gì mới và không phải chuyện có

thể bỏ giữa chừng.

4. Phải là điều ta có thể thực hiện mà không phụ thuộc vào yếu tố bên ngoài, như thời gian hay sự trợ giúp của người khác.
5. Phải có thể tự thể hiện một cách rõ ràng.
6. Phải truyền được cảm giác rằng sự thay đổi là có thể.

Trong khi cố nghĩ một điều ước cho mình, tôi đứng dậy để hâm nóng bữa tối. Mishima đi theo tôi vào bếp, nơi tôi đổ một lon ravioli^[7] sốt cà chua ra đĩa và bỏ vào lò vi sóng.

Khi nhìn cái đĩa quay quay với món ăn phổ biến kia, tôi nghĩ đến một cảnh trong phim Seinfeld^[8]. Nhân vật chính cùng một người bạn đến cửa hàng giặt là tự phục vụ. Khi quần áo đã giặt sạch, trong lúc xem xét mấy chiếc tất và các món đồ quay trong máy sấy như thế nào, ông diễn viên hài thú nhận: “Tôi nghĩ đây là khoảnh khắc buồn chán nhất trong đời mình.”

Tôi không thể nói điều tương tự, vì tin nhắn của Gabriela làm tôi căng thẳng. Tôi không lo việc cô ấy muốn nói chuyện lúc mười giờ tối, vì chúng tôi nói chuyện bất cứ lúc nào có thể khi cô ấy đi xa. Điều khiến tôi bồn chồn chính là việc cô ấy không tức giận vì cái bình chứa linh hồn của bà cô ấy đã bị vỡ.

Với tính cách bốc đồng của Gabriela, tôi đã dự đoán một cơn thịnh nộ qua điện thoại, nhưng thay vào đó, cô ấy chỉ nói “Đừng buồn vì cái bình”. Có chuyện lớn gì đã xảy ra, đến mức cô ấy bàng quan trước chuyện này?

Tiếng chuông điện thoại bàn cho thấy tôi sẽ sớm biết chuyện đấy là gì.

Tôi chạy ra nghe máy. Giọng điệu không chắc chắn của Gabriela xác nhận rằng có gì đó không ổn. Sau khi bỏ lửng vài câu nói, cô ấy hỏi: “Anh đang làm gì vậy?”

“Đang đọc một cuốn sách về *maneki neko*,” tôi trả lời, che giấu sự lo lắng của mình. “Có sáu quy tắc để tập trung may mắn và

hoàn thành một điều ước.”

“Và anh đã ước rồi ư?”

“Không, thực ra thì, anh mới nhận ra điều ước duy nhất của mình là được nói chuyện với em và giờ thì anh đang thực hiện rồi. Ngay lúc này, ngay tại đây, anh không cần thêm gì cả.”

Sự yên lặng bên kia đầu dây kéo dài quá lâu.

“Gabriela, em nghe rõ chứ?”

“Em nghe rồi. Em chỉ đang nghĩ...”

“Em đang nghĩ chuyện gì vậy?”

Tôi nghe tiếng cô ấy thở, nhanh và rõ, ở đầu dây bên kia. Không rõ chuyện gì đang xảy ra, trong khi Gabriela quyết định nói điều cần nói với tôi, tôi tiếp tục: “A, anh quên mất! Trước khi đọc về con mèo may mắn, vì anh có nhận được một tấm bưu thiếp không rõ người gửi, anh đã làm một chuyện khác thường. Anh đã gửi tin nhắn cho một người đàn ông lạ mặt có vẻ biết hát tiếng Atlantis. Có lẽ là người duy nhất. Có phải...?”

“Samuel,” Gabriela cắt ngang. “Em nghĩ chúng ta cần tạm nghỉ.”

Giống như một lời tiên tri được thực hiện ngay lập tức, những điều đã nói ra như thế này gây nên sự tĩnh lặng kéo dài và nặng nề. Giờ tôi mới là người không nói nên lời. Tôi cảm thấy mồ hôi lạnh thấm sau gáy. Tay nắm chặt ống nghe như thể đó là phao cứu sinh, tôi đợi cô ấy nói nốt.

“Đừng nghĩ là em đang ở bên người đàn ông nào đó, hay em yêu ai khác. Em biết là mọi thứ thường diễn ra như vậy, nhưng chuyện này không phải thế. Em đang ở một mình.”

“Anh cũng vậy,” tôi trả lời, có chút nhẹ nhõm. “Chúng ta là hai tâm hồn cô đơn đã gặp được nhau giữa cơn bão. Đây không phải là điều ta luôn nói sao? Vì thế nên mỗi người vẫn sống riêng.”

“Và mọi thứ đã rất tốt đẹp, Samuel à.”

Đến lúc này, giọng cô ấy vỡ ra. Tôi có thể nghe tiếng nước nổ, dù cô ấy đã để ống nghe xa ra. Trong lúc sững sờ chờ đợi cô ấy quay lại, cái chữ “đã” kia nổ tung trong đầu tôi như một quả bom có sức công phá hạng nặng.

Lấy hết can đảm, tôi định gỡ rối vấn đề bằng cách tỏ ra lạnh lùng, mặc dù tôi đang sụp đổ trong chính những giây phút này.

“Đừng đau khổ vì anh, Gabriela. Chúng ta sẽ nói chuyện khi nào em về Barcelona. Bây giờ em đi ngủ đi.”

Một khoảng im lặng trước đòn đánh cuối cùng:

“Em sẽ không quay về đâu, Samuel.”

Âm nhạc tỏa sáng giúp chữa lành ta từ bên trong

Gửi bạn hữu,

Tôi cảm thấy hạnh diện vì một giảng viên đại học như anh (tôi cũng đã điều tra về anh và thấy email của khoa anh dạy, tôi thích nó hơn Facebook) đã nghe đĩa nhạc của tôi và thích nó.

Tôi biết là chất lượng âm thanh chưa được tốt. Tôi quyết định thu lại mấy bài hát này vì tôi đã bắt đầu quên chúng. Tôi có quá nhiều vấn đề phức tạp và đầu tôi thì không chứa nổi nữa. Rồi trong khi thu âm, tôi thấy là mình có thể làm bản demo đầu tiên.

Dù âm thanh như vậy, nhưng tôi nghĩ là chất lượng các ca khúc không bị mất đi. Ngoài ra, tôi cũng đi theo một khuôn mẫu thống nhất: luôn chỉ có giọng hát và tiếng guitar. Hoàn toàn trần trụi. Và thu trong một lần. Một sự đồng nhất có thể khiến việc nghe đơn điệu, đúng vậy.

Về câu hỏi liên quan đến ngôn ngữ, thì sự thật là chẳng có ngôn ngữ nào cả. Tôi chỉ đơn giản là dùng giọng ca như một nhạc cụ thôi. Hoàn toàn là ứng biến. Giai điệu vẫn giữ nguyên, nhưng giọng hát thay đổi. Không bao giờ lặp lại. Điều này cho phép tôi tạo ra thời điểm hiện tại chặt chẽ và thể hiện các xúc cảm trong chính khoảnh khắc đó. Kì lạ, nhưng tôi nghĩ rằng người nghe có thể cảm nhận được sự tức thì này bằng cách nào đó.

Từ kinh nghiệm cá nhân của mình, mỗi khi hát theo cách này, tôi thể hiện được những tình cảm không thể diễn tả bằng từ ngữ. Tôi luôn ngưỡng mộ sự tài hoa và sức mạnh (tinh thần) của các nhạc sĩ. Một thứ âm nhạc tỏa sáng có thể chữa lành cho ta từ bên

trong, mở ra một nơi chốn hạnh phúc, trao cho ta sức mạnh cùng sự can đảm, và mang đến hi vọng.

Nếu có ngày tôi có thể truyền tải được những giá trị này, tôi nhất định sẽ cảm thấy vô cùng mãn nguyện.

Tôi hay thích nói rằng dù không có quốc gia nào hiểu được ngôn ngữ tôi hát, nhưng đồng thời, cả thế giới cũng có thể hiểu được tôi. Có một bản chất phổ biến trong tất cả những điều này.

Mặt khác, bên cạnh đấy là một kiểu hòa tan. Tôi nghĩ rằng ngôn ngữ là một phần cơ bản trong việc xây dựng bản sắc riêng của mỗi chúng ta. Giúp chúng ta nghĩ tới chính bản thân mình.

Khi hát, tôi thực sự không cảm thấy rằng mình đang hát. Tôi cảm nhận một sự trống rỗng. Chẳng có ai ở đó. Hoặc là ngược lại: Tôi được là chính mình hơn bao giờ hết. Bằng cách tự tạo ra ngôn ngữ riêng, thay đổi theo từng khoảnh khắc, giống như đời thực vậy.

Tôi rất hâm mộ Nietzsche^[9], Wittgenstein^[10], Foucault^[11], cả những nghiên cứu của họ về ngôn ngữ nữa. Về cách mà ngôn ngữ quyết định việc chúng ta nhìn và hiểu thế giới như thế nào.

Nhưng tất cả chỉ là những từ ngữ mà thôi. Tôi biết mình đang tự làm mọi thứ phức tạp lên. Nhưng điều quan trọng là âm nhạc, và sự thôi thúc khiến tôi hát theo cách này là tự nhiên và tự phát. Tôi nghĩ rằng nó xuất phát từ một tinh thần ngây thơ và hồn nhiên.

Thật ra, tôi đã hát như vậy từ lúc còn nhỏ, khi ngủ cùng em trai trên giường tầng, trong cùng một căn phòng. Nó luôn ngủ được ngay lập tức. Thế nên tôi bắt đầu hát, trong bóng tối, ở giường trên. Tôi còn chẳng biết mình hát gì. Khi đó tôi còn nhỏ và không có một cái đĩa hay bài hát yêu thích nào. Chỉ đơn giản là hát thôi.

Nhưng vậy đấy, như tôi đã được nghe rất nhiều lần rồi, sự ngây thơ của con trẻ đến từ tiêu chuẩn. Sự ngây thơ của người lớn là kết quả của khoe mẽ. Tôi không biết liệu mình còn chút ngây

thơ này không, liệu mình có tìm lại được nó, hay liệu tôi có nó không và trên thực tế thì tôi không hề có nó.

Cuối cùng, như anh có thể thấy, tôi đam mê nói về những chủ đề này. Tôi mất kiểm chế. Và cuối cùng thì tôi không nói được mấy về âm nhạc.

Gửi anh một cái ôm thật chặt và hẹn gặp lại!

DANIEL LUMBRERAS

Khảo cổ tình cảm

Bây giờ là bốn giờ sáng và tôi vẫn chưa có phản ứng gì. Ngâm mình trong bồn nước đã lạnh ngắt, suy nghĩ của tôi xoay chuyển giữa cuộc gọi của Gabriela và bức thư điện tử dài dòng nhưng không kém phần sâu sắc kia.

Trong cuộc sống, mọi chuyện không diễn ra như mong muốn quá thường xuyên. Tôi đã dự đoán trước một cuộc cãi vã về cái bình vỡ, nhưng thay vào đó. Ít nhất là bây giờ, điều đổ vỡ lại là mối quan hệ của chúng tôi. Tôi đã nghĩ rằng câu hỏi của mình cho anh chàng ca sĩ Atlantis sẽ không được hồi đáp hay chỉ nhận được vài dòng, và rồi tôi nhận được một lá thư khiến tôi phải đọc lại nhiều lần trong những ngày sau đó.

Ta không thể đoán trước được điều gì sẽ diễn ra trên thế giới, nhưng những người khôn ngoan khẳng định rằng tất cả sẽ diễn ra vào đúng thời điểm. Và đây chính là điều đáng lo nhất. Tôi không hiểu tại sao, sau tám năm bên nhau, Gabriela lại đánh chìm Atlantis của chúng tôi xuống đáy biển.

Mặc kệ bản thân đang chết cứng, tôi xem xét lại mọi chuyện, để hiểu tại sao chúng tôi lại đi đến nước này. Đến mức cô ấy không quay trở lại từ chuyến công tác vốn chỉ kéo dài vài tuần.

Khởi đầu mối quan hệ của chúng tôi vừa kì lạ vừa thú vị. Tôi đã quen Gabriela khi còn nhỏ và chúng tôi gặp lại nhau vào năm ba mươi lăm tuổi. Sau vài tháng do dự, chúng tôi bắt đầu hẹn hò. Hai thập kỉ rưỡi không biết gì về nhau khơi nguồn cho rất nhiều cuộc trò chuyện, chúng thường đi theo một kịch bản đã định sẵn cho

các cặp đôi mới yêu nhau.

Sau giai đoạn làm tình như điên dại là đến lúc bắt đầu khảo cổ tình cảm. Mỗi người đều cảm thấy có nghĩa vụ phải ôn lại tình sử của mình và giải thích vì sao những mối quan hệ đó thất bại. Việc này có thể rất nhàm chán, đặc biệt là trong giai đoạn chớm nở, khi một người chỉ nghĩ tới chuyện lao vào người kia. Nhưng đó là một vấn đề an toàn để trò chuyện khi đi dạo trong công viên, ăn tối hay đùa giỡn trên giường sau một đêm tình tứ.

Có một “sức hút” nhất định trong việc biết điều gì ở ta kích thích bạn tình, vì họ rất khác chúng ta. Cũng theo cách đó, chúng ta muốn tìm hiểu “chuyện gì đã xảy ra” trong những mối quan hệ trước để không phạm phải những sai lầm đó nữa. Ta đang yêu và mong muốn điều hai người đang xây dựng sẽ tồn tại.

Trong giai đoạn đầu này, tôi không có nhiều thứ để kể, vì tôi có nhiều tình yêu thuần khiết hơn là thật. Kể từ năm ba mươi tuổi thì tôi thậm chí còn không có cả tình yêu thuần khiết: Tôi đã tự nhốt mình trong vỏ ốc, biến cả thế giới thành lãnh thổ thù địch.

Về phần mình, Gabriela đã giải thích cho tôi về ba mối tình mà cô ấy coi là quan trọng. Tôi nghĩ rằng đám còn lại đều chỉ là chơi bời. Cô ấy không đi vào chi tiết bởi vì cô ấy luôn muốn xóa đi quá khứ, như thể thay vì đất sét đã tạo nên con người chúng ta thì đó lại là một vật liệu không xứng đáng và cần phải chôn vùi.

Cô ấy đặc biệt khó khăn khi nói về những năm tháng sống ở Nhật Bản, nơi cô ấy từng dạy tiếng Anh. Cô ấy sống ở Osaka và khi không phải đi dạy, cô ấy đọc các tuyển tập truyện ngắn bằng tiếng Anh ở căn hộ đã thuê.

Có chuyện gì rất lớn đã xảy ra ở đó khiến cô ấy quay về nhà ngay lập tức. Cô ấy chưa bao giờ giải thích lí do cho tôi. Chỉ đơn giản là không muốn nói đến.

Quay lại với việc khảo cổ tình cảm, sau khi kết thúc giai đoạn này, khi các câu chuyện đã được bảo đảm, thách thức thật sự mới

bắt đầu. Cặp đôi không còn có thể ý lại vào quá khứ mà chỉ có hiện tại đang diễn ra, thường là không có bữa tiệc lớn nào cả, chỉ ngày này qua ngày khác.

Thay vì làm nóng không khí bằng việc kể chuyện bạn từng làm với một cô nàng cùng lớp ở giữa hai cái ô tô, bạn lại tóm tắt ngày làm việc của mình như thế nào. Ban đầu thì cũng vui đấy, vì bạn không biết các diễn viên của vở kịch hằng ngày sẽ diễn trong nhà hát lao động. Nhưng khi đã nghe một câu chuyện hàng trăm hàng nghìn lần, mọi thứ bắt đầu trở nên mệt mỏi.

Các vấn đề luôn là vậy và những lời khuyên bạn có thể đưa ra cho người yêu mình cũng chỉ có thế.

Đây chính là lúc sức hút đã nuôi dưỡng tình yêu bắt đầu chết dần.

Những lí do của thiên thần

Năm giờ sáng, vì chắc sắp viêm phổi đến nơi rồi, nên tôi đổi vị trí từ bồn tắm sang nằm ở sofa với tấm chăn mỏng. Tìm kiếm một chỗ neo nào đó cố níu kéo bản thân với hạnh phúc của quá khứ, tôi xem lại phim *Bầu trời Berlin*^[12] lần thứ không biết bao nhiêu nữa.

Thật thú vị khi xem xét việc thời gian đã ảnh hưởng như thế nào đến các tác phẩm kinh điển hiện đại, như với bộ phim này của Wenders. Thiên thần nhân vật chính của phim quyết định trở thành con người, anh ta duy trì vẻ đẹp của mình qua những thước phim phần lớn là đen trắng và những câu thoại truyền cảm hứng của Peter Hanke, người đã viết kịch bản cùng đạo diễn.

Tuy nhiên, nhịp phim lại chậm đến mức không chịu nổi trong thời đại của điện thoại thông minh và mạng xã hội. Chúng ta không còn biết cách ngồi yên trước một màn hình không có gì đang diễn ra. Hoặc gần như không có gì.

Mặc dù vậy, có lẽ do rối loạn vì cơn sốc, cái lạnh của bồn tắm và thiếu ngủ, tôi muốn xem lại một lần nữa những lí do để từ bỏ sự vĩnh cửu của thiên thần.

Sống trong tình thần, ngày này qua ngày khác, vĩnh viễn, trao niềm tin tâm linh cho mọi người thì tuyệt vời đấy. Nhưng thi thoảng tôi thấy chán ngán với sự tồn tại tinh thần vĩnh cửu của mình. Thế nên tôi muốn từ bỏ việc trôi nổi trên các tầng cao mãi mãi, muốn nhận ra mình cũng có sức nặng, phá bỏ sự thiếu vắng ranh giới và buộc mình vào Trái Đất.

Với mỗi bước chân, với mỗi cơn gió, tôi muốn khẳng định:

“Chính là bây giờ, bây giờ đây!”

Và không còn nói “luôn luôn” hay “mãi mãi” nữa.

Ngồi trên một cái ghế trống trong một ván bài. Người ta sẽ chào tôi... dù chỉ bằng một cái gật đầu nhẹ.

Tôi nhắm mắt lại, bằng cách nào đó, tôi đã cảm thấy như vậy khi hạ thế từ thiên đường của các tác giả Đức và những nhà soạn nhạc cổ điển để yêu Gabriela.

Người đàn ông đã tách khỏi thế giới nhờ đôi cánh của nghệ thuật và văn hóa, nơi nường nấu của tôi với hiện thực bên ngoài, đã quay trở lại Trái Đất để sống với những thú vui đơn giản.

... về nhà sau một ngày mệt mỏi và cho mèo ăn giống như những gì Philip Marlowe làm thật là dễ chịu. Bị sốt, tay lấm bẩn vì đọc báo, cảm thấy hào hứng không chỉ với những thứ tâm linh, mà còn với đồ ăn, đường cong nơi gáy hay một cái tai.

Nói dối. Như một tên trộm. Cảm nhận được khung xương di chuyển khi bước đi.

Giả định mọi việc, thay vì biết rõ mọi thứ. Có thể nói: “A! Ồ!” và “Ồi!” thay vì “Phải” và “Amen”.

“A!”, “Ồ!” và “Ồi!” là ba thứ mà tôi có thể nói và nhắc lại, đặc biệt là trong hoàn cảnh của mình. Đây là suy nghĩ cuối cùng của tôi trước khi chìm vào giấc ngủ.

Kim Cúc Tự

Tôi tỉnh dậy khi chưa tới chín giờ sáng. Một cảm giác còn cay đắng hơn lúc bình minh bao trùm lấy tôi.

Trong màn đêm rối loạn, thảm kịch của tôi có vẻ như là một phần của cơn ác mộng hay cơn say, mặc dù tôi thậm chí còn chẳng uống li nào. Tôi cảm thấy có quyền được hòa vào với thiên thần của bộ phim trong khi toàn bộ nhân loại đang say ngủ chờ đợi ngày mới đến.

Dưới ánh sáng chường mắt của ban ngày, tôi chỉ còn cách chấp nhận điều đã thay đổi mình: một người đàn ông đơn độc chống lại ý chí của mình.

Trong khi cạo râu để chuẩn bị đến Khoa, dù sáng hôm đó không có kì thi hay buổi hướng dẫn nào, tôi ngắm nhìn mái đầu sắc bạc đã chiếm ưu thế với những sợi đen. Cả quầng thâm dưới mắt tôi cũng rõ hơn, dù việc khóc trong đêm có thể mới là điều ảnh hưởng đến chuyện này.

Có lẽ mày nên gọi xem cô ấy thế nào. Tôi bôi kem dưỡng sau cạo râu lên mặt. *Người ta nói rằng người ra đi thường thấy tôi tệ hơn người ở lại.*

Tôi mặc toàn đồ đen, đồng điệu với tinh thần hiện tại, rồi lê bước đến cửa như một con thú mỗi mét. Tôi đang đi ra ngoài rồi mới nhận ra là có một tấm bưu thiếp khác ở dưới chân.

Tôi cho là bưu tá đã để nó ở đây từ sáng sớm, tranh thủ lúc đưa bưu kiện nào đó cho Titus.

Tấm bưu thiếp in hình một ngôi chùa phương Đông thanh

mảnh ở giữa khung cảnh núi non. Chẳng mất gì để đoán rằng nó có cùng xuất xứ với tấm bưu thiếp hình con mèo đã đem đến vận xấu cho tôi.

Con dấu và tem bằng tiếng Nhật, nhưng ở một góc tem có ghi rằng ảnh của ngôi chùa mang tên Kim Các Tự^[13] này được chụp ở Kyoto. Giống như tấm bưu thiếp trước, tên và địa chỉ của tôi được viết bằng bút máy với nét bút chẵn chu.

Tôi cảm thấy bối rối vì không biết ai đã gửi tấm bưu thiếp này, trên hết là vì tôi chưa bao giờ đến Nhật. Tuy nhiên, điều đáng lo nhất là khoảng trống dành để viết thư.

Nó hoàn toàn trống rỗng.

Umami

Quá hoang mang và buồn ngủ để làm việc gì có ích, tốt nhất là tôi nên thay đổi lịch trình ngày thứ Ba đó. Tôi lên nhà Titus để tìm chút hơi ấm con người.

Giống như mọi ngày trong tuần, kể cả thứ Bảy và Chủ Nhật, tôi bắt gặp ông ấy ngồi trước máy tính ở bàn làm việc, bao quanh bởi đồng sách. Nhà biên soạn già có khả năng làm việc không ngừng nghỉ, mặc dù cơ thể ông ngày càng nhỏ lại. Với cái đầu cạo trọc, ông khiến tôi nghĩ đến những nhà sư trong đền chùa như ở Kim Các Tự.

Vết thương lòng từ cú đâm tôi vừa nhận được còn quá mới, nên tôi bắt đầu từ phía khác: “Tắm bưu thiếp thứ hai vừa tới.”

Tôi đặt nó xuống bàn để buộc Titus rời mắt khỏi máy tính. Sau khi liếc nhìn một cái, ông ấy bỏ kính xuống để lau và xem xét cả hai mặt tắm bưu thiếp.

“Có vẻ anh có một người bạn trung thành ở Kyoto đấy. Tắm kia cũng được gửi từ thành phố này.”

“Người bạn trung thành? Tôi không quen ai ở Kyoto hay bất kì nơi nào ở Nhật hết. Chắc là nhầm lẫn rồi.”

“Chẳng có ai nhầm đến hai lần theo cùng một cách cả. Hơn nữa, tên và địa chỉ của anh được viết ở chỗ người nhận. Không thể là nhầm lẫn được.”

Tôi kéo ghế ngồi xuống cạnh ông ấy, giống như đứa trẻ cần lời khuyên và sự bảo bọc của người cha. Tôi cần cả hai vì cảm thấy tổn thương và lạc lối, giống như một con cún trên đường vậy.

Chắc Titus nhận ra điều gì đó. Vì thế ông ấy đặt tay lên vai tôi và nói: “Để tôi đi pha một ấm *kabusecha*^[14] và chúng ta sẽ bình tĩnh nói chuyện.”

Tôi ngồi đó, yên lặng, nhìn mô hình tàu hỏa Titus đã bật lên khi bản thân cần cảm hứng. Dưới cái bàn mà Mishima coi là chỗ nằm của nó, con mèo - nó đã theo tôi lên đây - ngồi nhìn khung cảnh với ánh mắt mong đợi.

Ông chủ nhà quay lại với ấm trà bằng gang và hai cái tách có hình dạng kì lạ.

“Đây là đồ Nhật, giống như bạn anh,” ông ấy nháy mắt. “Chúng ta uống vì sức khỏe của người đó với trà *kabusecha* này, nó ở giữa *sencha* và *gyokuro*^[15]. Tất cả là vấn đề về umami^[16] thôi.”

“Titus, tôi không hiểu một từ nào ông vừa nói cả.”

Nhà biên soạn già ngồi xuống gần bàn làm việc, quay ghế về phía tôi và rót trà ra hai tách. Mùi hương thảo mộc nhẹ nhàng và sáng khoái lan tỏa trong phòng.

“Gần đây tôi cảm thấy hứng thú với thế giới của trà,” ông ấy giải thích. “Cơ thể tôi không còn quá nhiều thời gian, thế nên tôi uống hết tất cả các loại chất chống oxy hóa có thể để trì hoãn thời điểm mà mọi thứ sẽ hỏng bét.”

Tôi nhớ đến cơn đau tim Titus trải qua vài năm trước khiến cho tôi phải thay thế ông ấy làm công việc biên soạn. Tôi đã thất bại ê chề.

“Ba loại mà tôi vừa kể chỉ khác nhau ở cách trồng của cùng một loại cây,” ông ấy nói tiếp, tự hào vì có thể kể cho ai đó về niềm đam mê mới nhất của mình. “Sencha là trà xanh tự nhiên, được trồng dưới nắng cho đến khi thu hoạch, ở đầu đối nghịch thì chúng ta có *gyokuro*, rượu champagne của các loại trà xanh. Lá của nó được cố tình che lại trước khi hái. Và ở giữa hai loại này là thứ chúng ta đang uống đây. Anh thử đi...”

Tôi đưa tách trà lên môi và thử một ngụm trà, nhẹ nhàng và có chút đắng.

“*Kabusecha* có một điểm rưỡi về độ *umami*, vì nó được hưởng ít ánh nắng mặt trời khi lá đang phát triển.”

“Nhưng... *Umami* là cái quái gì thế?”

“Đó là vị đắng của trà,” đôi mắt sâu của Titus xem xét nét mặt tôi. “Và bây giờ nghĩ đến nó thì, có tính biểu tượng giữa *umami* và các vấn đề của con người.”

Ông ấy đưa tách trà lên mũi và ngửi mùi hương *kabusecha* trước khi uống một ngụm. Tôi yên lặng cho ông ấy nói tiếp.

“Cây trà càng nhận ít ánh sáng khi lớn lên thì càng có nhiều *umami* hơn. Điều tương tự xảy ra với tình cảm của con người. Nếu không xả một mối lo thì nó sẽ tích tụ trong người anh cho đến khi anh trở nên cay đắng.”

“Ông nhận thấy điều đó trên gương mặt tôi ư?” Tôi nháy mắt lên.

“Phải. Kể đi, Samuel. Chuyện gì đã xảy ra với anh vậy?”

Vũ trụ luôn dịch chuyển

Tôi kể lại từng chút một cuộc điện thoại tối hôm trước trong khi Titus cho tàu chạy vòng vòng trên đường ray. Mỗi khi tàu chạy phía trên Mishima, con mèo lại phe phẩy đuôi đập vào mặt sàn gỗ. Khi tôi nói xong, Titus vẫn ngồi yên nhìn mọi chuyện với vẻ mặt tập trung. Rồi ông ấy từ từ quay về phía tôi và phán: “Giờ thì anh không thể làm gì cả. Chỉ có thể chấp nhận bản chất *Wabi Sabi* của mọi thứ, bao gồm cả tình yêu.”

“Đấy là cụm từ viết trên tấm bưu thiếp đầu tiên,” tôi hô lên ngạc nhiên, “ông tìm hiểu được *Wabi Sabi* là gì rồi ư?”

“Phải! Gottfried Kerstin đã viết hẳn một cuốn hướng dẫn về chủ đề này. Tôi có một nhà xuất bản muốn ra sách và hôm nay tôi đã viết phần mở đầu rồi.”

Tôi cảnh giác ngay lập tức. Tôi không thể quên được chuyện lúc Titus bắt đầu cuốn *Khóa học nhỏ về phép lạ hằng ngày*, và đã trút hết công việc lên tôi khi ông ấy bị bệnh.

“Đọc đi rồi anh sẽ hiểu tôi đang nói gì.”

Tôi click đúp vào văn bản trên màn hình máy tính. Ngay lập tức, Gottfried Kerstin giới thiệu cho tôi một khái niệm đã bám rễ sâu trong văn hóa Nhật Bản.

Có một quan niệm thẩm mỹ và đồng thời là một triết lý về cuộc sống trong cụm từ “Wabi Sabi”.

Wabi Sabi đề cập đến vẻ đẹp của những điều không hoàn hảo, tạm thời và chưa hoàn thiện. Khái niệm này giống như vô số điều khác

trong văn hóa Nhật Bản, được lấy cảm hứng từ việc quan sát thiên nhiên. Không có gì là hoàn hảo trong tự nhiên, hay ít nhất là không phải theo ý nghĩa của hình học Euclid chúng ta quan niệm sự hoàn hảo của phương Tây, vì tự nhiên có đầy nét bất đối xứng. Không có gì là vĩnh cửu trong tự nhiên, vì mọi thứ trong cuộc sống đều sinh ra và chết đi và luôn luôn thay đổi, không có gì trong tự nhiên là hoàn thiện hay kết thúc, vì tính đầy đủ chỉ là một khái niệm trừu tượng do trí óc con người tạo ra.

Triết lí của *Wabi Sabi* được sinh ra như để chống đối lại sự cầu toàn của Trung Hoa vào thế kỉ 16, và đã có mặt trong nghi thức trà đạo, nghệ thuật cắm hoa Nhật Bản (*ikebana*), thơ *haiku* và kịch *Noh*^[17].

“Không có gì là vĩnh cửu...” Tôi nhắc lại. “Đây là điều ông muốn nói về chuyện tình yêu ư?”

Nếu chúng ta coi tình yêu như một nghệ thuật nhân sinh, thì theo người Nhật, nó sẽ tuân theo các nguyên tắc của *Wabi Sabi*. Tình yêu không hoàn hảo, bởi vì các cặp đôi đều là sự tổng hợp và xung đột của hai cá thể không hoàn hảo. Tình yêu dang dở vì các mối quan hệ không bao giờ ngừng phát triển, dù là theo hướng tốt hay xấu. Tình yêu tạm thời và dễ hỏng, đương nhiên rồi. Cần phải tận hưởng khi nó vẫn còn.”

“Vậy, ông không tin rằng tình yêu có thể tồn tại vĩnh cửu, như trong sách truyện và những bộ phim tình cảm Hollywood.”

Titus ngừng đoàn tàu lại, như thể ý kiến của ông về chủ đề này đã quá rõ ràng, ông ấy khom người trước mặt tôi, nhìn tôi với ánh mắt mệt mỏi và tuyên bố: “Tình yêu không thể tồn tại vĩnh cửu dù theo bất kì cách nào. Một cặp đôi hợp nhau đến mấy thì đến lúc nào đó, tình yêu cũng sẽ chấm dứt, vì một người lìa đời trước,” ông ấy trầm ngâm một lúc. “Trừ phi họ cùng nhau làm điều gì đó điên rồ, đương nhiên.”

“Có thể ông có lí,” tôi thở dài, “nhưng cũng chẳng an ủi được gì khi ông bị giáng một đòn như vậy.”

“Giờ anh đang bị tổn thương, nhưng cảm xúc này sẽ qua thôi.”

Tôi không biết nói gì. Trong khi trò chuyện cùng nhà biên soạn già, tôi tự hỏi lần cuối Titus tận hưởng tình yêu là khi nào. Chúng tôi quen biết khi ông ấy đã chỉ còn một mình và gần đây tôi cũng mới biết rằng ông cũng từng có vợ, nhưng mọi chuyện đã kết thúc, theo ông ấy là bởi vì bà vợ khiến đầu óc ông ong ong trong khi điều ông ấy cần là sự yên tĩnh.

“Gabriela cũng không nói là mọi thứ đã kết thúc,” tôi biện minh cho bản thân. “Cô ấy chỉ nói là cần tạm nghỉ. Có lẽ cô ấy sẽ quay lại sau một thời gian sống cùng bạn.”

“Hoặc là sẽ không bao giờ quay về. Anh đừng kì vọng gì hết, không thì có nguy cơ vỡ mộng đấy.”

“Tôi đã nghĩ ông sẽ cổ vũ tôi đấy, Titus,” tôi phản đối, “thế mà ông lại làm tôi thấy mỗi lúc một tệ hơn. Tại sao chúng tôi không thể có cơ hội thứ hai? Tôi không cảm thấy chuyện đã chấm dứt mãi mãi.”

“Vũ trụ luôn dịch chuyển.”

Câu nói gây bối rối này kết thúc cuộc trò chuyện của chúng tôi. Vài phút trôi qua và Titus muốn tiếp tục với bản thảo của mình.

Tôi cảm ơn ông ấy vì tách trà và ý định giúp đỡ tôi, mặc dù tôi cảm thấy kinh khủng hơn cả trước lúc lên gặp ông ấy.

Tôi chuẩn bị đi thì Titus ngẩng đầu lên và nói thêm: “Nếu tôi là anh, tôi sẽ đi thăm bạn mình, tận dụng năm học vừa kết thúc. Sẽ tốt nếu anh rời xa không gian quen thuộc một thời gian.”

“Ông đang nói bạn nào cơ?”

“Người gửi bưu thiếp cho anh từ Kyoto ấy. Chẳng có gì xảy ra vì... anh biết tôi nghĩ thế nào rồi đấy. Nếu chúng đã dẫn anh tới thời điểm này thì là vì anh cần đi theo con đường đấy và khám phá

điều gì đó. Nếu tôi là anh thì tôi sẽ làm thế.”

Tình yêu Wabi Sabi

Tôi nằm trên giường, chờ đợi một cuộc gọi không bao giờ đến trong suốt phần còn lại của ngày thứ Ba. Tôi đã gửi vài tin nhắn cho Gabriela, và cô ấy trả lời lại rất ngắn gọn. Cô ấy rất kiên quyết và chỉ có Chúa mới biết bao giờ cô ấy mới phản ứng lại.

Với cái máy tính đặt trên đùi, tôi làm mình phân tâm bằng cách lục lọi trong vẻ đẹp của sự thiếu hoàn hảo mà giờ Titus sẽ viết. Lang thang trên Google, tôi tìm thấy một cuốn sách kỹ năng phát hành từ năm 2012 với tên gọi *Tình yêu Wabi Sabi*^[18], mĩa mai thay, với nội dung về nghệ thuật gìn giữ tình yêu, và một ca khúc với cùng tên được ra mắt hai năm trước đó^[19].

Tôi nghe bài hát trên Spotify. Một giọng ca khàn khàn trên nền vài hợp âm guitar bị bóp méo.

*Where is magic gone?
Clouds wrap your bright soul
Embrace me,
I'm a child now
begging for a smile.*^[20]

Như mọi thứ thường xảy ra trong những trường hợp thế này, ca khúc có vẻ như đang nói về câu chuyện không may của chúng tôi. Có lẽ đúng là vậy, vào một lúc nào đó trong tám năm bên nhau, phép màu đã biến mất mà cả tôi lẫn Gabriela đều không nhận ra vì quá đắm chìm trong cuộc sống hằng ngày.

Đó có thể chỉ đơn giản là một điều gì đấy khác với kì vọng.

Mặc dù chưa bao giờ sống chung, nhưng tôi thích những thói quen được đặt ra giữa chúng tôi. Vài lần trong tuần, tôi sẽ đợi cô ấy ở chỗ làm - Gabriela đã chuyển việc từ cửa hàng đĩa nhạc sang một phòng tranh - hoặc cô ấy sẽ tới tìm tôi. Chúng tôi đi xem phim, luôn là những bộ phim nước ngoài có phụ đề, rồi sau đó đi ăn tối. Cuối cùng chúng tôi về nhà một trong hai để làm tình. Tuần này sang tuần khác. Hầu như chúng tôi không đi chơi ngày cuối tuần; Gabriela nói rằng cô ấy cảm thấy chán nản nếu phải gia nhập vào đám đông và thích ở nhà đọc sách hơn.

*Stop complaining now,
life is pure imperfection.
Things are bumpy and rough
that's what's so funny about it.* ^[21]

Một lần nữa, tôi nhận ra trong lời bài hát *Tình yêu Wabi Sabi* điều mà Gabriela luôn chỉ trích. Cô ấy nói rằng tôi phản đối như một ông già vì thế giới không diễn ra theo ý mình, và rằng tôi không có khả năng ảnh hưởng đến cuộc sống như nó vốn vậy.

Theo quan điểm của tôi, mọi trở ngại thể hiện rằng con người đã bị ném vào một thế giới không có công lí vũ trụ. Mọi thứ diễn ra vì đúng như vậy - trong chuyện này tôi suy nghĩ khác với Titus - và không cần phải tìm lí do. Chúng ta là những người sống sót của số phận.

Gabriela không thích quan điểm của tôi về mọi thứ. Cô ấy tin vào một số mệnh dẫn dắt, và giờ thì nó khiến cô ấy cắt đứt với tôi. Có lẽ cô ấy nghĩ rằng tôi đã cho cô ấy mọi thứ có thể. Tôi đã trở nên dễ đoán. Liệu sau lần tạm nghỉ này, cô ấy có tìm thấy ai đó điên khùng hơn không? Một nghệ sĩ chẳng hạn, trong số những người phòng tranh của cô ấy quảng bá?

Chắc hẳn họ sẽ có nhiều điều để trò chuyện hơn một giảng viên tiếng Đức sống cùng một con mèo.

Nằm yên vị trên chân tôi, Mishima kêu meo một tiếng như thể có nghe thấy lời than vãn của tôi. Bài hát đã hết, giống như khép lại mối tình đầu - và có thể là cuối cùng - của tôi.

*Wabi Sabi love,
circles never close.
Let's crash
our unwise dream
against the world.* [\[22\]](#)

Cách chống lại nỗi cô đơn

Không thoát ra khỏi trạng thái thờ ơ kia, tôi chọn trên Spotify một album của Wilco^[23], một trong những ban nhạc mà tôi thích - có lẽ vì sự tương đồng với The Beatles - khi tôi không nghe nhạc cổ điển.

Tôi chưa bao giờ hiểu được tiêu đề của album *Summerteeth*, nhưng nó có một trong những bài hát tôi yêu thích nhất của nhóm nhạc từ Chicago này. Đặc biệt là *How to fight loneliness*^[24] mà tôi mới thuộc nằm lòng, mặc dù đó không phải là lời khuyên cho người như tôi.

Drag your blanket blindly

Fill your heart with smoke

And the first thing that you want

Will be the last thing you ever need^[25]

Tiểu sử của tôi giống một người đàn ông lỗi thời khóc khi nghe nhạc của Bach^[26] hơn là nhạc của ngôi sao nhạc rock lao đầu vào ma túy để quên đi những mối tình tồi tệ của anh ta.

Làm theo những gì một bác sĩ tâm lý sẽ nói trước tình trạng trầm hại của tôi, nếu muốn vượt lên thì cần phải hòa nhập xã hội. Ở nhà cùng với Mishima chỉ khiến tình yêu *Wabi Sabi* của tôi đi lòng vòng không lối thoát. Một mối quan hệ mà có lẽ đã không thể nào hồi sinh được, giống như một chiếc lá đã rơi.

Tuy nhiên, chẳng dễ dàng gì để có nhiều bạn bè khi ta trải qua

một cuộc đời không hẹn hò cùng ai - trừ Gabriela - và đời sống xã hội chỉ bó hẹp trong một con mèo và một nhà biên soạn già luôn bận rộn.

Số lượng bạn bè của tôi có thể khiến bất cứ ai chán nản.

Đột nhiên tôi nhớ tới Valdemar, người đàn ông lập dị nghiên cứu phía khuất của Mặt Trăng. Anh ta không phải người dễ dãi, nhưng thính thoảng tôi nhớ lại các cuộc trò chuyện đông dài của chúng tôi về những chủ đề lố bịch nhất. Tôi đã đón nhận anh ta vào nhà mình. Chính xác hơn thì là nhà của Titus khi ông ấy đang nằm viện.

Anh ta biến mất vào một ngày nọ như cái cách anh ta đã xuất hiện, để lại tập bản thảo về Mặt Trăng, và tôi chưa bao giờ biết thêm được điều gì về anh ta. Tôi không thấy bóng dáng của anh ta trên Facebook, hay ít nhất là Linkedin, vì Valdemar không có việc làm từ rất lâu rồi.

Mất tích khi chiến đấu.

Mọi thứ liệu có kết thúc tương tự với Gabriela không? Không sống chung cũng có cái lợi là cô ấy không có đồ đạc gì ở nhà tôi, ngoài cái lọ hoa không còn tồn tại nữa. Dù có trở lại từ Paris hay không, có lẽ rồi cô ấy cũng sẽ biến mất khỏi cuộc đời tôi.

Cố gắng thoát khỏi những suy nghĩ tệ hại này, ngay lúc đó tôi phản hồi bức thư dài ngoằng của Daniel Lumberras. Tinh thần của tôi không phù hợp để đông dài, nhưng tôi cho anh ta biết rằng tôi rất thích bức thư và muốn được một lần đến buổi hòa nhạc của anh ta.

Khi đã gửi email đi, cảm giác trống rỗng và sự cô đơn quay trở lại phòng với sức mạnh to lớn hơn.

Chính lúc đó tôi nghĩ tới Meritxell. Hơn cả một bác sĩ thú y cho Mishima kể từ khi gặp nhau - một nửa đời mèo đã trôi qua rồi - mối quan hệ của chúng tôi giống như một tình bạn với ít sự mãnh liệt.

Cũng đã gần một năm rồi chúng tôi không nói chuyện, nên tôi quyết định gọi đến số di động của cô ấy với bất kì lí do gì. Như thể đọc được số điện thoại mà tôi đang bấm, con mèo nhảy khỏi giường và phi ra khỏi phòng ngủ.

“Samuel, là anh ư?”

“Phải,” tôi không chắc rằng chuyện này sẽ tiếp diễn đúng. “Cũng lâu rồi tôi không đưa Mishima đi kiểm tra.”

“Nó bị làm sao à?”

“Không. Ít ra thì tôi không biết...” Tôi vội vàng ứng biến. “Thì, gần đây nó hay gãi tai lắm. Có lẽ chúng ta nên kiểm tra xem có kí sinh trùng không.”

“Nếu nó gãi tai nhiều, anh cứ đưa nó đến khám, mặc dù tôi không thể giúp anh,” cô ấy nói với giọng điệu thẳng thắn đặc trưng. “Vì vấn đề sức khỏe nên tôi sẽ không thể chạm vào mèo trong một thời gian.”

“Vậy là giờ cô không đi làm ư?”

“Hiện giờ thì không.”

Đến lúc này tôi mới nhận thấy cuộc trò chuyện vừa rồi ngớ ngẩn đến mức nào. Chắc là tôi đã quá chú tâm đến việc tìm hơi ấm con người nơi cô bác sĩ thú y, nhưng đột nhiên Meritxell nói: “Tôi đang ở rất gần nhà anh đấy. Tôi qua quận Gracia để mua ít đồ. Nếu anh muốn...”

“Chúng ta đi uống cà phê nhé?” Tôi nói luôn.

“Được. Gặp nhau ở quán Canigó nhé. Tôi có chuyện quan trọng cần nói cho anh.”

Một đề nghị bất ngờ

Tôi gặp Meritxell lúc năm giờ mười phút chiều tại cửa quán cà phê cổ của Gracia. Sau đó tôi biết ngay điều quan trọng mà cô ấy muốn nói cho tôi là gì.

Cái bụng to cho thấy cô ấy đang mang bầu ở giai đoạn sau của thai kì. Ngoài chuyện này ra thì cô ấy vẫn là cô gái trầm lặng với những đường nét đẹp mà tôi biết tám năm trước. Cô ấy cười với tôi như thể về ngạc nhiên của tôi trước tình trạng của cô ấy rất thú vị.

“Chúc mừng cô,” tôi cúi xuống, hôn lên mỗi bên má một cái. “Tôi không biết...”

“Cách đây một năm tôi cũng không biết. Nó cứ to dần lên như vậy, tuần này qua tuần khác.”

Trong khi ngồi trong quán cà phê trần cao có quạt trần, cô ấy nói rằng chắc hẳn tôi phải ngạc nhiên. Tôi không hiểu ý nghĩa điều cô ấy vừa nói. Bắt chước thói quen mới của Titus, tôi gọi một tách trà xanh trước khi đùa: “Tuần này qua tuần khác ư? Cô nói nhẹ nhàng như một người trồng nấm trong chậu ấy.”

Meritxell cười trước ý nghĩ dí dỏm của tôi, tôi tranh thủ nhìn ngắm sự hài hòa của đường nét trên mặt cô ấy, có gì đó đem lại sự an lành trong đó. Cô có giọng nói trầm ấm và không chói tai cũng góp phần cho điều đó.

“Tôi không có chồng hay người yêu,” cô ấy đột nhiên nói ra. “Đứa trẻ này sẽ phải lớn lên mà không có bố.”

Lời thú nhận thẳng thừng này làm tôi bất ngờ. Tôi rót trà ra

tách trong lúc thử hỏi: “Bố đứa bé đã bỏ cô ư?”

“Tôi không biết anh ta là ai.” Meritxell thú nhận với nét mặt vui vẻ trước sự ngạc nhiên của tôi. “Tôi đã làm thụ tinh nhân tạo.”

Tôi đưa tách trà lên môi - chất lượng tệ hơn hẳn so với trà của Titus - nghĩ rằng cô bác sĩ thú y còn dừng cảm hơn tôi nghĩ. Tôi cũng hiểu điều cô ấy muốn nói về chuyện nghỉ việc. Người ta thường khuyên phụ nữ mang thai không nên tiếp xúc với mèo.

Cô ấy uống một ngụm nước có ga của mình trước khi giải thích: “Tôi chuẩn bị bước sang tuổi bốn mươi rồi và đã chán phải chờ đợi một người đàn ông đến để xây dựng gia đình. Sau vài lần bị lừa dối, tôi quyết định thực hiện ước mơ của mình mà không phải phụ thuộc vào ai cả.”

“Cô sẽ là một người mẹ tuyệt vời,” tôi buột miệng nói.

“Ít nhất thì tôi cũng sẽ cố gắng. Tình yêu tôi cảm thấy với đứa trẻ tôi còn chưa biết mặt này sẽ giúp tôi chiến đấu.”

“Có lẽ ban đầu sẽ khó khăn...” Tôi nói ra suy nghĩ của mình. “Khi đứa bé được khoảng bốn tháng và cô phải quay lại làm việc. Cô có người thân nào ở gần không?”

“Chẳng có ai cả. Tôi không có anh chị em, và bố mẹ tôi thì mất lâu rồi. Họ sinh tôi ra khi tuổi cũng khá cao.”

“Nếu thế thì quyết định này của cô rất đáng ngưỡng mộ đấy. Có những ông bố bà mẹ tương lai rất hoảng sợ và vẫn có nhiều người thân ở xung quanh.”

Meritxell cảm ơn tôi vì lời nhận xét với một nụ cười khiến đôi mắt cô ấy bừng sáng. Sau đó cô ấy hỏi tình hình của tôi. Tôi không giấu điều gì, nhưng tôi cũng không đi sâu vào các chi tiết. Cô ấy cũng không tập trung vào lí do chia tay, điều mà tôi thấy biết ơn, bởi vì hiện tại tôi cũng không biết chúng là gì.

Tuy nhiên, như chuyện xảy ra với Titus, chủ đề về hai tấm bưu thiếp mê hoặc Meritxell và cô ấy cũng đưa ra lời khuyên y như

vậy: “Nếu là anh thì tôi sẽ đi tìm người bạn lạ hoắc này.”

“Tôi không biết ai là người gửi bưu thiếp. Chỉ biết là họ đến từ Kyoto.”

“Cố đô của Nhật Bản,” cô ấy thì thầm. “Tôi luôn muốn tới đó. Sẽ mất nhiều thời gian để tôi có thể thực hiện việc này. Vậy anh không có địa chỉ của người gửi ư?”

“Tôi nghĩ là không, mặc dù tôi có phát hiện ra rằng tấm bưu thiếp đầu tiên, tấm có hình con mèo vẫy chào ấy, có ghi địa chỉ của một xưởng ở đằng sau.”

“Xưởng làm *maneki neko* ư?”

“Tôi không nghĩ vậy... Mấy con mèo chắc chắn là của Trung Quốc. Họ ghi từ *atelier*^[27] bằng chữ Latinh thế nên tôi nghĩ nó có liên quan gì đó đến *Wabi Sabi*.” Tôi đã giải thích ý nghĩa của từ được viết bằng bút máy. “Hoặc là không, ai mà biết được.”

“Hãy đi và hỏi xem có ai trong cái xưởng này gửi nó cho anh không.”

“Điều đó thật lố bịch! Tôi không quen ai ở đó và không hiểu làm cách nào họ có được địa chỉ của tôi.”

“Càng thêm lí do để đi! Hơn nữa, không phải anh nói sẽ được nghỉ hè trong vài tuần nữa sao?”

“Cô nói như thể Kyoto chỉ ở ngay góc phố thôi ấy,” tôi gầm gừ, lần đầu tiên tính toán đến khả năng thực hiện cái việc điên rồ này. “Chắc phải mất mười lăm, mười sáu tiếng bay mất.”

“Cũng đâu có khác gì khi anh ở nhà đọc sách,” cô ấy khích tôi. “Thời gian trôi vào đấy mà. Chỉ cần đảm bảo là anh sẽ ở đây vào cuối tháng Bảy thôi.”

“Tôi cũng phải ở đây vì các vấn đề của Khoa nữa...” Tôi nói thêm, hoang mang. “Tại sao cô lại nói vậy?”

“Thực ra tôi thấy hơi xấu hổ nói với anh chuyện này.”

Đôi mắt khá nhỏ của cô ấy liếc về phía cửa kính, qua đó nhìn

được Plaza de la Revolución^[28] dưới ánh nắng chiều. Sau đó cô ấy nhìn thẳng vào tôi và hỏi:

“Anh có muốn làm cha đỡ đầu của đứa bé không?”

Chuẩn bị cho chuyến đi

Tâm trạng tôi những ngày sau đó nhảy ngẫu nhiên giữa nỗi buồn, hoang mang và hi vọng từng hồi. Cái cảm xúc sau cùng này được thôi thúc bởi lời đề nghị kì lạ của Meritxell, tôi đã chấp nhận nó dù không biết vì sao.

Hiện tại thì tôi biết điều này: Trong cái vực thăm sống còn mà tôi đã rơi vào - tôi đã thấy cánh cửa của trầm cảm - việc một người mẹ đơn thân coi tôi như cha đỡ đầu cho con cô ấy ít nhất cũng là một sự kiện tốt.

Chắc chắn cô ấy chỉ là bác sĩ cho con mèo của tôi và phải một năm rồi chúng tôi không gặp nhau, nhưng tôi cảm thấy được an ủi khi biết rằng, trong một vài tuần nữa, sẽ có người ở đâu đó chờ đợi tôi.

Mặt khác, khi chấp nhận việc Gabriela đã rời bỏ mình, tất cả những gì liên quan đến cô ấy đều khiến tôi bị tổn thương, bao gồm cả chính thành phố của mình. Là một sinh vật của thói quen, tuyến đường thông thường của tôi - với tư cách một người đàn ông độc thân một lần nữa - trở thành một bãi mìn, bởi vì tôi đã cùng cô ấy đi mọi nơi.

Gabriela đã cùng tôi đến Khoa rất nhiều lần sau khi qua đêm ở nhà tôi. Chúng tôi cùng nhau đi từ đầu đến cuối phố Verdi, uống rượu ở quán Baignoire, mày mò trong hiệu sách Taifa hay vào rạp Verdi xem một bộ phim *indie*^[29] nào đó.

Cả thế giới của tôi đều chỉ ra sự thiếu vắng cô ấy.

Cái suy nghĩ thoát khỏi nơi này, dù lí do có ngớ ngẩn đến mức

nào, đã bắt đầu hình thành trong đầu tôi. Kyoto, tại sao lại không? Titus và Meritxell đều kiên quyết là tôi nên đi, mặc dù tôi đã thử gửi email liên lạc xưởng *Wabi Sabi* kia nhưng không nhận được câu trả lời.

Ngay cả Daniel Lumbreras cũng biến mất sau bức thư dài ngoằng.

Độc thân và có cả một mùa hè dài phía trước, tôi chắc chắn cần thay đổi không khí, và Kyoto cổ kính sẽ là một địa điểm tuyệt vời như bất kì nơi nào khác.

Tâm lí Đức hóa của mình khiến tôi nghĩ ngay đến chuyện hậu cần của kế hoạch này. Lãnh sự quán Nhật Bản cho tôi biết là mình không cần bất kì loại visa nào, miễn là thời gian ở lại không quá chín mươi ngày.

Tôi liên lạc với một văn phòng du lịch Nhật Bản. Họ thuyết phục tôi mua thẻ đi tàu mười lăm ngày để đi lại quanh đất nước bằng tàu cao tốc *Shinkansen*, mặc dù tôi không có ý định tham quan gì cả. Họ cũng sắp xếp được bốn ngày lưu trú lại một nhà trọ truyền thống *ryokan*^[30] của Kyoto với cái giá khá cao.

Tôi đặt chuyến bay chưa có ngày về với Qatar Airways, chuyển tiếp qua Doha. Một cuốn cẩm nang về Nhật Bản của Lonely Planet hoàn thành bộ đồ nghề du lịch của tôi.

Khi đã có tất cả mọi thứ trên bàn làm việc ở nhà, tôi nhận ra là chỉ còn một việc chưa giải quyết được: Ai sẽ chăm sóc cho Mishima trong thời gian tôi ở đất nước là xuất xứ cái tên của nó?

Câu trả lời nằm ở tầng trên.

Đã sang ngày Chủ Nhật khi tôi quyết định lên tầng nói với Titus rằng tôi sắp đi và sẽ để con mèo lại dưới mô hình tàu hỏa trong vài tuần. Tôi nghi ngờ mình có thể chịu đựng được lâu hơn ở một đất nước quá khác biệt so với những gì tôi quen thuộc.

Cửa nhà ông ấy mở với một tiếng rè rè thông thường. Khi đi

qua hành lang treo bức tranh *Kẻ lãng du trên biển sương mù*, tiếng gõ bàn phím liên tục cho tôi biết là việc soạn cuốn *Wabi Sabi* đang có đà rất tốt.

“*Konnichiwa*,” tôi chào bằng từ đầu tiên học được từ cuốn cẩm nang.

“Chào! Tôi mừng khi biết là anh cuối cùng cũng đã quyết định.”

“Tôi cần biến mất khỏi Barcelona một thời gian.”

“Không cần phải giải thích đâu. Mọi thứ sẽ diễn ra tốt đẹp và anh sẽ khám phá ra điều gì đó quan trọng, tôi có cảm giác vậy.”

Tôi đẩy vài cuốn tuyển tập về hẹn hò khỏi ghế để ngồi xuống cạnh ông ấy. Với đồng giấy tờ bên cạnh máy tính - Titus có thói quen sửa chữa công việc hoàn thành trong ngày vào giấy mỗi ngày - tôi có thể xác nhận là bản thảo đang tiến triển với tốc độ tốt.

“Nếu ông cần thứ gì từ Nhật, tôi nghĩ mình sẽ có thừa thời gian để tìm nó.”

“Chuyện đó thì không biết được đâu. Thời gian ở Kyoto trôi qua thế nào là một bí ẩn. Einstein có nói thế này: Thời gian chỉ là tương đối, nhưng nó bị ảnh hưởng bởi chuyển động và không gian.”

“Ông nói cứ như tôi chuẩn bị lên tên lửa để sang hành tinh khác vậy.”

Nhà biên soạn già giơ kính lên và nhìn tôi nghiêm trọng trước khi kết luận: “Trong trường hợp của anh, tôi ngờ là sẽ chính xác như vậy đấy.”

Kyoto

Cái chết của Mishima Yukio

Khi chiếc Airbus 350 cất cánh, tôi có cảm giác như tất cả mọi thứ là một trò ma thuật. Không chỉ vì cục phế liệu nặng trĩu này đã chống lại được trọng lực. Việc một người đàn ông ít vận động như tôi, không có chút liên quan gì đến Nhật Bản, đã vướng vào chuyến đi này vì vài tấm bưu thiếp khiến tôi nghĩ rằng mình đã bị bỏ bùa.

Ngồi cạnh tôi là một cô gái đến từ vùng vịnh Ba Tư^[31], tôi đoán vậy do làn da ngăm và cách cô ấy kết hợp khăn chador^[32] với một đôi giày cao gót có giá phải lên đến năm trăm euro. Cô ấy đang chăm chú vào một trận golf trong cái màn hình ở phía trước ghế ngồi, trong khi tôi thay thế quyển sổ tay bằng một cuốn tiểu thuyết.

Titus giao tôi trách nhiệm mang về cho ông ấy ba loại trà ít ai biết đến, và nhờ tôi tìm hiểu tất cả những gì có thể về *Wabi Sabi* nữa. Ông ấy chỉ mới kiếm được ba hay bốn cuốn sách cung cấp thông tin ít ỏi về nét đẹp của sự không hoàn hảo này.

Dưới bút danh Gottfried Kerstin, nhà biên soạn già mong đợi đạt được một điều gì đó hơn cả việc hoàn thành hợp đồng với một nhà xuất bản nhỏ chuyên về sách phát triển bản thân.

“Tôi muốn xuất bản một cuốn sách về *Wabi Sabi* hoàn chỉnh hơn tất cả những gì từng được viết trước đây. Vì thế tôi cần anh thu thập các tài liệu gốc. Một khi được xuất bản và bán bản quyền dịch sang các ngôn ngữ khác, tôi sẽ chia phần lợi nhuận cho anh.”

Tôi đã nói với ông ấy việc đấy là không cần thiết, rằng tôi sẽ vui vẻ làm việc này để đổi lại việc ông ấy chăm sóc con mèo,

nhưng Titus kiên quyết rằng chúng tôi là đối tác trong vấn đề này. Thậm chí, ông ấy còn đưa cho tôi ba cuốn sách từ kho tư liệu của mình sau khi đã xem qua những chương mà ông ấy quan tâm.

Tuy nhiên, trên chuyến bay tới Doha, tôi vẫn chưa chuẩn bị để đắm mình vào thế giới của những điều bất toàn, phù du và dang dở. Đời tôi cũng đang khá bấp bênh rồi.

Thay vào đó tôi mở cuốn tiểu thuyết của Murakami^[33] mà tôi muốn đọc lại: *Cuộc săn cừu hoang*^[34].

Thỉnh thoảng tôi lại tức giận khi thấy cách tác giả này đã trở thành một ngôi sao ở châu Âu như thế nào. Murakami trở nên nổi tiếng với cuốn *Kafka bên biển*^[35] nhưng với tôi thì nó không phải là tác phẩm hay nhất của ông ấy, trong đó còn có một con mèo biết nói nữa chứ. Tôi cũng không bị *1Q84*^[36] thuyết phục. Mặc dù có lối kể chuyện gây nghiện với những nhân vật cuốn hút, nhưng tôi thấy thất vọng với kết cục của mọi thứ. Tôi ngờ rằng tác giả đã ứng biến sau khi làm mọi thứ phức tạp lên.

Với tôi, hai tiểu thuyết tình cảm lớn nhất của Murakami là *Phía Nam biên giới, phía Tây mặt trời*^[37] và *Rừng Na Uy*^[38], có vẻ hai cuốn này không có nhiều người đọc. Tiểu thuyết *Cuộc săn cừu hoang* mà tôi đang chuẩn bị đọc lại dù đã xuất bản ở Tây Ban Nha nhưng hoàn toàn chẳng được ai biết tới trong khi tôi lại coi đây là một tuyệt tác.

Câu chuyện mở ra bằng cách gọi lên cuộc sống của nhân vật chính vào đầu những năm 1970. Đọc lại đoạn này làm tôi nổi da gà:

Tôi vẫn nhớ như in buổi chiều định mệnh ngày 35 tháng Mười Một năm 1970 ấy, cái ngày Mishima Yukio tự sát. Lá bạch quả nhàu nát do mưa lớn, nhuộm vàng các con đường rừng, khiến chúng trông như một lòng sông khô cạn. Chúng tôi đi dạo lòng vòng qua những cung đường này, tay đút sâu trong túi áo khoác. Không có một tiếng

động nào, ngoài tiếng giấy đập trên lá rụng và tiếng hót sắc lạnh của những con chim.

Cặp đôi đi dạo đầy u sầu này bắt đầu tranh cãi về những điều ngớ ngẩn, như chuyện thường xảy ra khi một mối quan hệ ngưng hoạt động theo một cách bí ẩn nào đó.

Anh giải thích cho cô rằng mình liên tục gặp ác mộng, bị một cái máy bán hàng tự động nuốt hết tiền của mình.

Ngay trong cuộc nói chuyện nhỏ nhặt đó, Murakami đã đưa câu chuyện quay lại với phép màu thiết yếu của những câu chuyện cổ Nhật Bản, và đó chính là điều làm tác giả này vĩ đại. Ông ấy có khả năng pha trộn những chi tiết đời thường dường như không có chút liên quan nào với cảnh tượng hùng vĩ này.

Bằng một cái đập cánh, hai con chim bay lên từ mặt đất rồi biến mất, như thể bị bầu trời quang đãng kia nuốt mất. Chúng tôi đứng vài giây trong yên lặng, ngắm nhìn nơi những con chim vừa biến mất. Rồi cô ấy dùng cành cây khô vẽ nguệch ngoạc lên nền đất vài nét không ra hình thù gì.

“Khi ngủ với anh, thi thoảng em cảm thấy rất buồn.”

Câu này làm tôi rung động, vì nó khiến tôi nghĩ tới cảm xúc thường trực của mình khi ở cùng Gabriela: Cái cảm giác rằng cô ấy sắp xa rời tôi, dù không có một lí do rõ ràng nào. Tôi thường xuyên nhận thấy nó sau khi làm tình. Tất cả mọi thứ đều ổn, nhưng sau khi kết thúc, cô ấy sẽ nằm nhìn trần nhà.

Nếu tôi hỏi cô ấy đang nghĩ gì, cô ấy sẽ chỉ trả lời “Chẳng có gì cả”, và có lẽ đó là sự thật.

Sau khi nhận thấy sự tương đồng này, tôi quay lại với cuốn tiểu thuyết.

Vào ngày Mishima Yukio mất, có điều gì đó giữa hai người đã chết dù họ không thể hiểu được chuyện gì đã xảy ra.

Trận động đất cuối cùng ở Tokyo

Máy bay hạ cánh, xuống sân bay ở Doha khiến tôi bất ngờ vì mất cảnh giác. Tôi đã ngủ nhiều nhất là khoảng hai mươi phút, giờ giấc kinh khủng buổi sớm và bầu không khí hơn bốn mươi độ cuối cùng cũng đã hạ gục tôi.

Nơi đáng lẽ phải là một sân bay rộng rãi và hiện đại với hàng trăm chuyến bay lại chưa được hoàn thành, vì thế chúng tôi chen chúc trong một cái xe buýt để đi chuyển hành trình bất tận từ đường băng vào nhà ga hướng đến miền Viễn Đông.

Ở đó tôi bị kẹt giữa một đám đông những giám đốc, nạn nhân của thời trang và các du khách quần khăn để qua cửa an ninh. Tiếp theo, tôi tìm cổng cho chuyến bay tới Tokyo - sân bay Narita sẽ cất cánh trong vài tiếng nữa.

Đầu tôi lơ mơ buồn ngủ và tôi không thể chờ đến lúc được ngồi trên máy bay, dù chật chội đến mấy, để chớp mắt.

Tôi muốn gọi đồ uống gì đó ở quầy bar của nhà ga, nhưng có một hàng dài cả cây số trước duy nhất một cậu thanh niên đang pha cappuccino không xoay xở kịp. Ngược lại, trong các cửa hàng sang trọng, có hẳn hai nhân viên cho mỗi khách hàng.

Quá mệt để đọc sách, nên tôi tận dụng wifi miễn phí của sân bay để đọc tin tức trên điện thoại. Tôi tắt máy đi sau khi đọc tin một ngân hàng ở Nga đề nghị những khách hàng không có khả năng trả nợ thì hãy tự tử đi. Thông tin này gây nên làn sóng phẫn nộ và một trong những nhà quản lý đã tranh cãi rằng tờ rơi đó “chỉ là một trò đùa để dọa những khách hàng không trả nợ tín dụng và

không muốn liên lạc với ngân hàng”.

Tôi chuẩn bị quay lại với cuốn tiểu thuyết của Murakami thì được người đàn ông ngồi chờ bên cạnh bắt chuyện. Với làn da rám nắng và mái tóc nhuộm vàng, tôi thấy anh ta giống một gã vô tích sự điển hình của dân Anh - hay ít nhất thì giọng của anh ta giống vậy.

“Anh đi công tác hay đi chơi?”

Tôi suýt nói “Cả hai đều không phải”, nhưng như thế thì phải giải thích nhiều quá, nên tôi dùng nhiệm vụ của Titus để thoát khỏi tình huống này.

“Tìm tư liệu. Tôi cùng một người bạn đang viết một cuốn sách về *Wabi Sabi* và tôi cần thực hiện vài cuộc phỏng vấn để hoàn thành nó.”

“*Wasabi*^[39]...” Anh ta ngạc nhiên. “Rõ ràng là anh cần phải trộn nó với nước tương và chấm sushi rồi. Tôi chưa bao giờ tưởng tượng được người ta có thể viết sách về nó đấy.”

“Tôi đoán hẳn phải có cuốn sách nào đó về cải ngựa Nhật Bản đấy,” tôi sửa lời anh ta. “Nhưng *Wabi Sabi* là thứ khác.”

Anh chàng người Anh cũng không hỏi tôi nó có nghĩa là gì và cuộc trò chuyện dừng ở đó. Sau hai tuần quá cô đơn, đột nhiên tôi muốn giao tiếp, thế nên tôi hỏi chuyện anh ta.

“Còn anh thì sao? Anh đi làm gì vậy?”

“Tôi làm việc ở Tokyo, trong một trường ngôn ngữ. Anh không thể tưởng tượng việc dạy tiếng Anh trong môi trường văn hóa này khó khăn thế nào đâu. Họ cũng chậm chạp như người nước anh vậy.”

Tôi cảm thấy bị xúc phạm vì anh ta đã phát hiện ra phát âm tệ hại của tôi, mặc dù tôi là một giảng viên tiếng Đức. Dẫu vậy, tôi vẫn hỏi tiếp.

“Vậy cuộc sống ở Nhật thế nào?”

“Với một *gaijin*^[40] thì cũng khá là thoải mái. Các học sinh tôn trọng anh và những phụ nữ Nhật bị chúng ta cuốn hút, thế nên cuộc sống rất ngọt ngào nếu như anh không quá quan tâm đến ô nhiễm môi trường và phóng xạ ở Fukushima^[41].”

“Phải...” Tôi lo lắng nhớ lại thảm họa hạt nhân đó. “Vấn đề đấy thế nào rồi?”

“Cũng khá ổn. Bất chấp tất cả thì vận động viên của họ vẫn thắng được vài môn ở Olympic. Kể từ khi thua trận^[42], thì người Nhật đã biết cách sống chung với thiên tai rồi. Chính tôi đã trải qua một trận động đất mạnh bảy độ Richter khi vừa mới tới đó. Tôi bị kẹt trên tầng hai mươi của tòa nhà chỗ tôi dạy tiếng Anh cho các cán bộ cấp cao. Tôi thực sự đã nghĩ đó sẽ là kết thúc.”

Tôi nghĩ anh ta kể chuyện rất hay. Chắc học sinh đánh giá cao anh ta lắm.

“Tòa nhà lắc lư từ bên này sang bên kia như một cái máy đếm nhịp,” anh kể tiếp. “Tôi thì bị ở yên một chỗ, nhìn thấy được nhiều khu vực của Tokyo trong khi chờ tòa nhà tách ra làm đôi và tất cả chúng tôi xuống địa ngục.”

“Rồi chuyện gì xảy ra?” Tôi hỏi, cảm thấy bị ấn tượng.

“Tòa nhà đó vẫn chịu được. Người ta đã xây các tòa nhà rất linh hoạt với nền móng vững chắc. Họ có chuẩn bị hết rồi.” Anh ta nói với sự tự hào về đất nước đón nhận mình. “Phải đấy, trong nhiều ngày không hề có phương tiện đi lại. Người dân đi bộ hai mươi kilomet để tới chỗ làm. Hoặc họ ngủ lại văn phòng luôn để không mất thời gian làm việc.”

“Đáng ngưỡng mộ.”

“Đúng vậy! Nhưng anh sẽ không bao giờ tưởng tượng được những thiệt hại bên lề là gì đâu.”

Tôi im lặng trong khi anh chàng người Anh nhìn tôi chăm chăm với ánh mắt của sói già háo hức được kết thúc câu chuyện.

“Chỉ trong vài giờ, cả thành phố hết sạch giấy vệ sinh. Hoàn toàn không thể tìm được ở bất cứ cửa hàng nào ở Tokyo.”

“Tại sao lại vậy?”

“Không phải vì có nhiều phân đầu...” Anh ta đùa. “Lí do bất ngờ hơn thế. Mọi người đều nhớ điều xảy ra ở trận động đất trước, vì họ đã trải qua hoặc được kể lại. Những vấn đề về nguồn cung ứng kéo dài rất lâu sau đó và các cửa hàng không có giấy vệ sinh. Sự khó chịu này trong trí nhớ của tập thể khiến người dân vội vàng đi tích trữ giấy, mặc dù họ có thừa, và thế là mọi nơi đều cạn kiệt.”

Chờ đợi núi Phú Sĩ

Vượt qua cổng an ninh, tôi trải qua vài phút hoang mang ở sân bay cho đến khi có người chỉ cho tôi nhà ga ngầm của Narita Express^[43]. Tôi phát hiện ra rằng tiếng Anh là ngôn ngữ lạ với dân ở đây, giống như tiếng Nhật đối với người dân Tây Ban Nha vậy.

Tôi kích hoạt thẻ đi tàu của mình ở một văn phòng với sự im lặng ngự trị. Sau đó tôi lên chuyến tàu tới Kyoto, với một lần chuyển tàu ở giữa, và có đi qua thủ đô.

Ngồi gần cửa sổ, tôi lôi ra từ trong túi mấy cuốn sách về *Wabi Sabi* mà Titus đưa.

Tính thẩm mỹ của Wabi Sabi chứa trong nó rất nhiều sự chín chắn và sâu muộn. Đó là nét thẩm mỹ có liên quan tới các vật thể hữu cơ có thể lão hóa khi sử dụng và nói cách khác thì chúng có sự sống riêng. Gỗ, cây gai dầu, kim loại gỉ, vải thô, gốm. Bề mặt của những vật này không bóng bẩy, sạch sẽ hay bình thường, chúng thô ráp và không hoàn hảo.

Có nét u sầu đây lôi cuốn trong việc mọi thứ không phải vĩnh cửu, mà bị kết án phải biến mất hoặc thay đổi.

Thật khó để nghĩ về thế giới bất toàn tuyệt đẹp đó khi ngồi trên một đoàn tàu với các đường thẳng. Tuy nhiên, khi đi ra ngoài, tôi nhận ra rằng *Wabi Sabi* tồn tại cả trong sự hiện đại, mặc dù ở dạng ít thơ mộng hơn.

Khu vực giữa sân bay Narita và vùng ngoại ô rộng lớn của

Tokyo - dân số ba mươi lăm triệu người - là một chuỗi các khu dân cư không bị chia cắt, chẳng tòa nhà nào có liên hệ với tòa bên cạnh. Phần lớn là những khối vuông với ăng ten ở bên ngoài như những con côn trùng kì lạ bằng kim loại.

Xa hơn dãy các tòa nhà liên tục này là bóng hình những cánh đồng với các ngọn núi ở sau.

Tôi từng đọc được một vài lần rằng có sự thay đổi rõ rệt khi ta đi từ thành phố về miền quê ít dân cư ở đất nước này. Dân Nhật là những người sống thành tập thể và thích ở cùng nhau. Rất ít người bị thu hút bởi cuộc sống đơn độc giữa thiên nhiên. Với họ, đó chắc là một ý nghĩ đáng lo ngại.

Khi tàu *Shinkansen* chạy qua khỏi vành đai của các thành phố, một Nhật Bản bắt đầu với các cánh đồng hoa màu và những địa điểm chưa được khai phá không làm người ta nghĩ đến một quốc gia với 130 triệu dân.

Sau khi đổi tàu, tôi chờ đợi sự xuất hiện, của Phú Sĩ với đỉnh tuyết phủ quanh năm. Theo sách hướng dẫn du lịch, chúng tôi sẽ đi qua rất gần nó trên đường đến cố đô Kyoto. Đó là hình ảnh mà tôi lưu lại trong những bức vẽ thuở nhỏ, và tôi mong có thể thấy nó trước khi hoàng hôn phủ kín cảnh vật.

Dự tính thời gian tới nơi là 9 giờ 15 phút tối.

Mặc dù chỉ ngủ một chút trên máy bay, nhưng tôi quá phấn khích để gà gât trên tàu. Tôi phân chia sự chú ý của mình giữa cảnh vật qua cửa sổ, cuốn sách của Titus và hành khách trong toa.

Tất cả mọi người đều đang gõ gì đó trên điện thoại hoặc xem phim trên máy tính bảng. Đàn ông ăn mặc không tì vết, còn phụ nữ thì tóc tai như thể vừa mới đi ra từ hiệu làm tóc. Hình ảnh đầu tiên về Nhật Bản là sự sạch sẽ cực điểm và sự dè dặt.

Mặc dù là người nước ngoài - *gaijin* - duy nhất trong toa, chưa lần nào tôi thấy có ánh mắt nhìn mình. Tất cả mọi người đều có vẻ chú tâm vào việc của họ, như thể thế giới xung quanh không tồn

tại.

Ráng chiều chiếu một cách u buồn xuống các tòa nhà, khu nhà ở mỗi lúc một thưa thớt hơn, bị bao quanh bởi các cánh đồng và núi non chuẩn bị cho sự xuất hiện của đỉnh núi huyền thoại.

Bớt cảnh giác một chút, đột nhiên tôi mong rằng Gabriela đang ngồi cạnh mình, ngắm nhìn cảnh sắc mà có thể sẽ không bao giờ thấy được lần nữa. Chia sẻ vẻ đẹp của những điều sẽ rời khỏi chúng ta và biến mất. Giống như cô ấy vậy.

Đột nhiên, những hành khách trên *Shinkansen* rời bỏ màn hình và dán mình vào cửa sổ. Họ điều chỉnh máy ảnh và điện thoại để chụp được sự xuất hiện đáng mong đợi của ngọn núi.

Một giọt nước mắt chảy xuống khi tôi chiêm ngưỡng sự tồn tại vĩnh cửu của núi Phú Sĩ. Nó truyền cho tôi cảm giác thanh bình của một người khổng lồ nhìn thấy và thấu hiểu mọi thứ trong yên lặng.

Kyoto

Khi tới nơi, Kyoto rất khác so với những gì tôi mong đợi. 1.600 ngôi chùa ở đây, số lượng theo Lonely Planet, có vẻ ở rất xa nhà ga với kiến trúc kim loại phi thường này. Trần nhà cao vút là một đường cong tuyệt hảo mà ta có thể lên tới bằng những thang cuốn dài bất tận, kết nối với tuyến đường trên cao với rất nhiều cửa hàng.

Chóng mặt với kích thước của nhà ga đã bị biến thành một cái lò sưởi vào giờ tối muộn này, tôi mất vài phút để ra tới đường. Đối diện với điểm dừng taxi, cái ăng ten tivi retro hiện đại khiến tôi nghĩ tới Đông Berlin nhiều hơn là thành phố Nhật Bản của những tinh hoa cổ này.

Tôi đưa cho tài xế taxi tờ giấy đặt phòng ở lữ quán Ēch Lam - tên dịch ra đúng như vậy đấy - và ông ấy gật đầu một cách kính cẩn, rồi khởi động xe một cách cực kì nhẹ nhàng. Chiếc xe nhìn hoàn hảo cả bên ngoài lẫn bên trong, với vải sợi móc che phủ ghế ngồi và cả vô lăng.

Thật thất vọng, đường phố trung tâm là một dãy các công trình hiện đại như những gì tôi thấy trên tàu. Đó là những khối nhà chức năng với nhiều nhất là mười hoặc mười một tầng. Nếu không vì những bảng hiệu sáng lóa viết bằng kanji^[44] thì đây hoàn toàn có thể là một thành phố nhỏ ở Mỹ.

Trên thực tế thì cố đô này còn ít dân cư hơn cả Barcelona.

Về ngoài cực đoan của vài thanh niên trên phố thu hút sự chú ý của tôi, cũng như những thiết kế lòe loẹt của các tiệm trò chơi, nơi

chiếu đèn cùng với các giai điệu nhạc điện tử điếc tai.

Tối thứ Tư đó, ở Kyoto không có chút chất thiền nào cả.

Chiếc taxi rẽ từ phố chính vào một con ngõ, nơi mở ra một không gian thành phố khác.

Giống như thể chúng ta đã quay ngược trở lại năm thế kỉ, các tòa nhà hai tầng sáng ánh đèn lồng trên con đường lát gạch nơi các cặp đôi cùng đi dạo. Vài người mặc đồ truyền thống: các cô gái mặc kimono thanh nhã và đi guốc gỗ, các chàng trai để búi tóc samurai và bộ đồ bằng lụa vừa vặn với cơ thể cùng chiếc thắt lưng.

Một chiếc xe hơi sang trọng dừng lại ngay trước mặt, chắn đường chúng tôi. Một cô *geisha*^[45] bước ra khỏi xe và đi vào quán trà chỉ trong vòng một phần mười giây. Tôi há hốc miệng, có ấn tượng như mình vừa mới gặp ảo giác.

Ngay sau đó chúng tôi tới *ryokan*.

Lữ quán này có nhiều nhất là bảy hoặc tám phòng được chia ra ở hai tầng lầu của một căn nhà bằng gỗ với rèm tre. Bảng hiệu cũng được làm bằng gỗ, với cái tên được viết bằng chữ Nhật. Tôi biết mình đã đến nơi vì hình ảnh những con ếch màu xanh lam được vẽ trên tấm bảng.

Tôi trả 3.000 yên - khoảng hai mươi euro - cho người tài xế thăm lạng, ông ấy mở cửa xe bằng một thiết bị ở gần vô lăng.

Tại cửa lữ quán, một phụ nữ cao khoảng một mét rưỡi nhòm tôi từ sau tấm rèm. Khi thấy tôi đi về phía nhà trọ, bà ấy lùi lại đứng chỗ cái bàn gỗ được dùng làm quầy lễ tân.

Bà ấy cúi thấp đầu chào trong khi nói: “*Irasshaimase...*”

Tôi hiểu từ này có nghĩa là chào buổi tối.

Sau đó, tôi đưa hộ chiếu và giấy đặt phòng. Trong lúc bà ấy viết tên tôi một cách chậm rãi và cẩn thận vào cuốn sổ bìa vải, tôi hỏi liệu mình có thể dùng bữa tối không.

Nhìn vẻ mặt hốt hoảng của bà ấy thì tôi đoán là bà chủ không hiểu tiếng Anh.

Bà ấy dẫn tôi đi qua tầng một, một cánh cửa trượt, và rồi tôi đã thấy phòng của mình. Căn phòng khá mộc mạc. Một cái đệm futon đặt trên sàn với cái bàn nhỏ cũng thấp tương ứng. Có cả tủ quần áo và một phòng tắm nhỏ.

Tôi thấy giá 180 euro một đêm thật vớ vẩn so với tiện nghi ít ỏi thế này, nhưng tôi nghĩ là có lẽ mình đang trả giá cho vị trí của quán trọ tại Kyoto cổ kính.

Giờ là mười rưỡi tối và tôi vẫn chưa ăn gì kể từ khi hạ cánh xuống sân bay Narita lúc trưa nay. Sau khi tắm nhanh với nước ấm, tôi thay đồ, chuẩn bị kiểm gì đó để ăn trong con ngõ mộng mơ kia.

Tiếng đàn dây và tiếng hát của một cô gái vọng lại từ xa khiến tôi nghĩ tới nàng geisha tôi đã nhìn thấy. Đắm chìm trong hình ảnh đó vài giây, tôi tự hỏi liệu mình có nhìn thấy cô nào nữa không hay đó chỉ là may mắn.

Lần đầu tiên kể từ khi rơi xuống hố, tôi tự làm bản thân bất ngờ vì mong muốn điều gì đó. Và đó là tin tốt lành.

Đừng kể chuyện này với trời xanh

Các cặp đôi người Nhật tôi nhìn thấy lúc trên taxi đã đi khỏi con ngõ, giờ chỉ còn các hàng quán đã đóng cửa, một vài lữ quán và mấy đèn lồng được thắp sáng mờ mờ.

Trong khi đi qua thế giới nhà cửa nhỏ xinh này, tôi có thể nhìn thoáng thấy bóng người ở các tầng thấp. Qua lớp rèm hay các tấm chắn bằng giấy hiện rõ lên bóng người di chuyển một cách hài hòa. Có lẽ một trong số đó là bóng của nàng *geisha* giờ đang trở tài ở quán trà tư nhân.

Tuy nhiên, tiếng hát và tiếng đàn mà tôi mới nghe cách đây vài phút đã không còn.

Tôi đang sợ phải quay về đêm với cái bụng rỗng thì chợt nhìn thấy đằng sau một cái đèn tông vàng, một tấm bảng sắt với các chữ cái Latinh không thể nhầm lẫn: BAR.

Tôi đẩy cánh cửa màu đen.

Ở bên trong là một không gian chưa tới mười mét vuông. Quán nhỏ này có một quầy bar hình chữ L, nếu đông khách thì có thể có chỗ cho bốn người ngồi thoải mái ở đây.

Đằng sau quầy bar, một phụ nữ gầy gò hơn bảy mươi tuổi cúi chào tôi. Bà ấy đưa tay ra mời tôi ngồi lên một cái ghế đầu. Ở đầu kia của chữ L, một người đàn ông lớn tuổi nhìn chằm chằm một chai rượu sake gần cạn.

Như thể muốn lôi ông ta khỏi tư thế tê liệt của bản thân, bà chủ rót đầy cái li sứ với chỗ rượu còn lại. Người đàn ông gật đầu. Có lẽ là do ngoại hình kì lạ, thật khó để xác định tuổi của ông ta.

Ông ta mặc một bộ com-lê và đeo cà-vạt, với mái tóc bạc bù xù và mắt kính trầy xước.

Ông ta dò xét tôi trong giây lát, như thể cố gắng suy nghĩ xem tôi làm gì ở đây, trước khi quay trở lại với cái li của mình.

Cái tivi cổ với màn hình khoảng hai mươi inch treo ở một góc trên trần đang chiếu một video ca nhạc với giọng hát chói tai và hình ảnh có vẻ cợt nhả, nhưng không phải kiểu đen tối.

Tôi nhận thực đơn món đặc biệt với một cái cúi đầu nữa.

Nhẹ nhõm là có phần dịch tiếng Anh phía dưới mỗi món, chủ yếu là các loại sake, bia và cocktail. Không có gì để ăn ngoại trừ các loại hạt để nhắm rượu.

Chấp nhận nguy cơ bị say khi bụng đang đói, tôi gọi một bia Asahi với cái giá đắt đỏ: 900 yên, gần bảy euro. Bà chủ đang rót bia lạnh vào một cái cốc to cho tôi, thì đột nhiên, người đàn ông đeo kính trầy xước bắt đầu hát.

Tôi kinh ngạc nhìn ông ta cầm cái micro không dây lên và bắt đầu hát ca khúc có chữ hiện trên màn hình tivi, cảnh nền là trẻ em mặc đồ hình nấm đang nhảy múa.

Bà lão phục vụ tăng âm lượng để người đàn ông có thể hát thỏa thích trên nền hợp âm gợi nhớ đến nhạc dân gian Nga. Giai điệu thanh nhạc lặp đi lặp lại và rất *kitsch*^[46], thậm chí càng đậm chất hơn khi phát ra từ người nhìn như vừa mới chạy khỏi một trận ẩu đả với mèo.

dokonoko no kinoko kono kinoko dokono

dokonoko no kinoko morino kinoko

morino kinoko wa rappa ni natte

onpu ga knmo made tondetta

puppuru pappa~ purupappa

puppuru pappa~ purupappa
sora niwa naisho no hanasi dayo^[47]

Vài nốt quá cao với người đàn ông kì lạ kia, ông ta hát sai nhạc nhưng không có chút xấu hổ nào. Tay khoanh lại trên bộ kimono dài tay, bà chủ có vẻ hài lòng trước buổi trình diễn cho hai người, tính cả bà ấy.

Kinh hoàng, tôi nhận ra rằng dù không muốn, tôi đã vào quán karaoke dành cho những người cô đơn.

Sau màn kết thúc đặc biệt lố bịch với nhịp điệu polka, người đàn ông tóc bạc quay về ghế ngồi một cách đĩnh đạc. Ông ta lại trưng ra vẻ mặt đắm chìm trong suy nghĩ u ám.

Tôi lấy một ít hạt nhấm để chống đói trước khi uống bia. Tôi cảm thấy thực sự lạc lõng.

Ngay lúc đó, người đàn ông nói tiếng Anh một cách khá dễ hiểu: “Anh không biết bài hát này ư?”

Okamura

Như đã sớm kiểm chứng, thật bất thường khi thấy ai đó nói tiếng Anh ở Nhật nên tôi lịch sự trả lời lại. Tôi không thể ngờ rằng, từ đó về sau, ngôi sao karaoke cô đơn này sẽ trở thành cái bóng của tôi vào mỗi tối.

“Tôi không biết,” tôi thừa nhận mà không rời khỏi cái góc của mình ở quầy bar chữ L. “Tôi vừa mới tới đây thôi.”

“Vậy là đủ hiểu,” ông ta cười. “Không có ai ở đây không biết bài *Dokonoko no Kinoko* cả.”

“Nghe cứ như thử thách xoắn lười^[48] vậy.”

“Đó là một ca khúc thiếu nhi, nhưng lại khá nổi tiếng với người lớn nhờ sự đa âm sắc. Rất nhiều người lưu bài này trong điện thoại, và nghe nhiều đến mức làm nó lọt được vào bảng xếp hạng các bài *hit*. Có cả điệu nhảy cho nó và mọi thứ.”

Tôi uống nốt cốc bia, cảm ơn trời đất rằng người đàn ông này không đứng lên để nhảy, vì tôi sẽ không thể nhịn cười được.

Chỉ để nói gì đó, tôi kể: “Tôi chưa bao giờ vào quán karaoke, tôi là người thích nghe nhạc cổ điển.”

“Tôi cũng vậy,” ông ta nhú mày như thể bị xúc phạm, “đặc biệt là Tchaikovsky và những nhà soạn nhạc người Nga sau đó, cho tới Prokofiev. Tôi không có hứng thú với những người thế hệ sau đó.”

Ngưỡng mộ người đàn ông hát karaoke yêu thích những nhà soạn nhạc Nga vĩ đại, tôi không thể ngăn bản thân hỏi: “Vậy thì tại sao ông lại quyết định hát một ca khúc thiếu nhi hiện đại?”

“Tôi làm điều này như để trị liệu,” ông ta cười ngại ngùng trong khi mở một chai sake mới. “Chống lại chứng trầm cảm, anh biết chứ? Vợ tôi mất cách đây gần một năm và bác sĩ nói tôi cần phải bị phân tâm. Khi từ chỗ làm về, tôi đi qua đây và muốn hát bài gì đó. Rũ bỏ nỗi sợ bị chế giễu rất tốt cho đầu óc. Tôi thực sự khuyến khích anh làm điều này đấy.”

“Tôi không thể dù có muốn đi nữa,” tôi nói, sợ rằng ông ta sẽ yêu cầu bà lão phục vụ mở bài nào đó. “Kiến thức tiếng Nhật của tôi là con số 0, ngoại trừ một vài từ.”

“Cháu gái tôi sẽ viết phiên âm để anh đọc được. Giai điệu cũng dễ nhớ và dễ thuộc, giống như bài về cây nấm này.”

“Nấm ư?” Sau đó tôi nhớ ra trong video karaoke có những đĩa trẻ mặc đồ hình nấm nhảy múa. “À, bài *Kino* gì đó...”

“*Dokonoko no Kinoko.*” Ông ta nhắc lại. “Lời bài hát kể về những cuộc phiêu lưu của cây nấm trong rừng. Nhân tiện, tôi tên là Okamura. Xin lỗi vì không mang theo danh thiếp.”

Ông ta trịnh trọng cúi chào, và tôi làm theo mà không rời khỏi chỗ của mình. Bà chủ nhìn chăm chăm vào cái cốc rỗng của tôi, chờ đợi tôi gọi cốc thứ hai nhưng đột nhiên tôi cảm thấy mệt mỏi quá sức.

Khi đặt 900 yên lên bàn, người phụ nữ lùi lại một bước, nhìn tôi hoảng hốt và lắc đầu. Sau đó, bà ấy tìm bút và viết một con số lớn lên giấy: 1.400.

Phần nộ, tôi cầm menu lên và chỉ vào cái giá ghi trên đó. Bà lão vừa lắc đầu vừa xua tay theo cái cách mà tôi không thể hiểu cho đến khi Okamura xen vào.

“Bà ấy tính giá cố định cho đồ uống đầu tiên. Các quán bar nhỏ mở cửa buổi tối đều làm việc này.”

Tôi rút ra trong túi một tờ 500 yên với hình núi Phú Sĩ rồi giận dữ đặt lên quầy. Hơn mười euro cho một cốc bia là một sự ngớ

ngắn với một quán bar tệ hại và một gã say hát về nấm trong rừng.

Okamura nhìn thấy sự tức giận trên nét mặt tôi và hạ giọng: “Đây là điều đầu tiên anh nên nhớ khi đi uống gì đó: Ở Nhật, quán rượu càng nhỏ, giá cả lại càng cao.”

Ít chính là nhiều, tôi nhớ tới một câu châm ngôn thường xuất hiện trong những cuốn sách của Titus.

“Việc đấy cũng có lí,” ông ta nói tiếp. “Bà chủ đây cần phải tính tiền cho khách hàng của mình một khoảng bằng với những người có quán lớn hơn. Chi phí cho cuộc sống là giống nhau cho tất cả mọi người.”

Tôi cảm thấy xấu hổ bởi đã tức giận như vậy chỉ vì mười euro. Sau tất cả thì hộp đựng tiền tối thứ Tư này sẽ rất ít ỏi cho bà chủ hiện đang lau cái cốc của tôi. Nếu không phải vì cơn buồn ngủ khiến tôi mơ màng, chắc tôi sẽ uống thêm một cốc nữa.

“Cảm ơn đã cho tôi biết, ông Okamura,” tôi chào tạm biệt.

“Đừng bận tâm. Phần lớn người ta sẽ ra các quán lớn để tránh phải trả nhiều tiền hơn, nhưng họ sẽ không thấy được những gì có ở đây.”

“Ý ông là quán karaoke?”

“Không! Quán karaoke có ở khắp nơi, nhưng ở đây tôi và anh lại gặp nhau, đó mới là một phước lành. Lần tới tôi sẽ dẫn theo cháu gái. Con bé nói tiếng Anh hoàn hảo và chắc sẽ muốn gặp anh. Chính nó là người dạy tiếng cho tôi hai lần một tuần.”

Tôi cúi chào trước khi rời khỏi quầy bar, thuyết phục bản thân một cách sai lầm rằng sẽ không có lần thứ hai.

“Có phải... Quán này tên là gì vậy?” Tôi chỉ hỏi vì lịch sự. “Có thể đêm nào đó tôi lại phải tìm nơi này.”

“Hiện tại nơi này chưa có tên. Bà chủ mới nhận nó sau khi được chuyển nhượng cách đây một tuần và bà ấy không thích cái tên cũ. Anh có gợi ý gì không?”

Tôi nhún vai như để trả lời trước khi bước ra ngoài với sự tĩnh lặng của màn đêm. Mặt Trăng phản chiếu xuống con đường lát đá của Kyoto cổ kính, hứa hẹn rằng cuộc gặp gỡ trong quán bar không tên chỉ là khúc dạo đầu cho những cuộc phiêu lưu.

Có tồn tại sự u sầu toàn thể gian không?

Mặc dù đã đặt lưng xuống đệm sau mười hai giờ với sự mệt mỏi của chuyến đi dài, việc chênh lệch múi giờ khiến tôi mở mắt lúc bốn giờ sáng. Tôi đã hoàn toàn tỉnh ngủ rồi.

Trong đồng hồ sinh học của tôi chắc phải có một giờ hoàn toàn tỉnh táo và tôi không thể thuyết phục cơ thể mình tiếp tục ngủ được. Tôi đấu tranh trong vài giây trên cái đệm quá cứng cho xương của mình.

Cuối cùng tôi bỏ cuộc và ngồi dậy.

Còn mười lăm phút nữa mới đến năm giờ vào lúc tôi đụng tới những cuốn sách của Titus. Tôi nghĩ đến chuyện đọc nó khi ngâm mình trong *onsen*, bể tắm nước nóng mà lữ quán nào cũng có, phần nào biện minh được cho giá cả của chúng.

Tôi mặc áo choàng tắm và đi dép, mang theo khăn tắm và cuốn sách xuống bể tắm ở tầng dưới.

Như đã đoán trước, vì giờ giấc nên chẳng có ai ở trong không gian như được đào vào đá ngầm này. Trong đó có một bể tắm tự nhiên dựa vào cửa kính dẫn ra một khu vườn hoang dại và lộn xộn. Trước lối vào, ở bên tường có hai cái vòi nước với xô bằng kim loại ở phía dưới.

Tôi hiểu rằng cần phải tráng người trước khi ngâm mình trong suối nước nóng lưu huỳnh. Quyết định thoát khỏi cơn buồn ngủ mà bản thân không cảm thấy nữa, tôi cởi đồ trong khi lấy nước vào xô. Tôi đổ nước từ trên đầu xuống, dòng nước lạnh xả xuống như một cú sốc điện.

Tôi nhanh chóng vào bể nước với cuốn sách trên tay. Nước ấm một cách dễ chịu.

Ngồi trên một tảng đá phẳng dưới nước, tôi chuyển sự quan tâm đến cái khái niệm đã chiếm lĩnh công sức của nhà biên soạn già ở cách nơi đây hơn mười nghìn kilomet.

Với tư cách là nhà ngôn ngữ, tôi luôn cảm thấy hứng thú với nguồn gốc của từ ngữ, nên tôi bắt đầu từ chỗ đó.

Có vẻ khái niệm *Sabi* vốn được dùng để miêu tả vẻ đẹp tinh tế của thơ ca Nhật Bản thế kỉ 12 và 13, khá buồn và ảm đạm. Tác giả của nghiên cứu đảm bảo rằng từ này gợi ra cảm xúc u buồn, “giống như chim sẻ tìm đồ ăn giữa đồng lá thu rụng”.

Theo cuốn sách - không có tác giả, chỉ là tập hợp của nhiều đoạn văn đã được biên tập - từ *Wabi* ở về kia của phương trình gợi ra sự khiêm nhường và khổ hạnh, cái nghèo tao nhã sinh ra từ cách biệt đối với sự giàu có và phô trương.

Bị thu hút bởi cảm giác tinh tế đó, tôi tìm trong các trang sách sự diễn tả riêng biệt cho từng khái niệm. Kamo no Chomei, một nhà sư ẩn sĩ đã sống trên ngựa giữa thế kỉ 12 và 13, khẳng định:

Wabi là cảm giác mà trời đất gợi nên vào lúc chiều tà mùa thu, nét u buồn của màu sắc, khi tất cả âm thanh đã lặng yên. Trong những giây phút như vậy vì lí do nào đó mà tâm trí không thể giải thích, nước mắt không ngừng rơi.

Ngâm mình trong nước nóng, tôi nghĩ nhiều đến bức họa của David Friedrich được treo trong phòng làm việc của Titus. Tất cả những cảnh sắc đó đều thể hiện sự u buồn.

Tôi tự hỏi có phải chính những cảm xúc này đã truyền cảm hứng cho thơ *haiku* và tranh màu nước của các họa sĩ Nhật Bản. Có lẽ đất nước này có cách khác để trải nghiệm vẻ đẹp của những gì

chúng ta không thể giữ lại.

Có tồn tại nỗi u sầu chung cho toàn thể gian không?

Vẫn ngâm mình trong dòng nước lưu huỳnh, tôi đang khôi phục lại bản chất của mình về người đàn ông lãng mạn giúp xua tan nỗi cô đơn bằng những câu hỏi kiểu đó. Một cách giải trí như bao cách khác.

Có một định nghĩa thứ hai về *Wabi* của một tác giả đương đại, Ueda Makoto, giáo sư Văn học Nhật Bản ở Stanford:

Wabi là sự thể hiện của cái đẹp như một cách biểu hiện của năng lượng sáng tạo chảy qua các vật sống và vật vô tri. Đó là một vẻ đẹp giống như chính thiên nhiên, vừa tối vừa sáng, vừa vui vừa buồn, vừa cứng rắn vừa ngoan hiền, vẻ đẹp của sức mạnh thiên nhiên này không hoàn hảo mà luôn luôn thay đổi và ngoài tầm với của chúng ta.

Trước khi có thể phân tích đoạn này, một người đàn ông cao so với hình thể của người Nhật bước vào *onsen* và dội nước lên người mà không kêu tiếng nào. Sau đó anh ta đi tới bể tắm, giống như một con thú nặng nề, với khăn tắm quấn quanh cổ.

“Ohayougozaimasu.”

Anh ta lẩm bẩm câu chào mà tôi hiểu là chào buổi sáng. Lúc đó là năm rưỡi và khách đi công tác trọ tại lữ quán bắt đầu hồi hả.

Như thế nước nóng đã chữa lành những vết thương hằng ngày, người đàn ông thở dài thỏa mãn vài lần.

Người Nhật quen với việc tắm chung ở nơi công cộng như thế ở nhà, nhưng tôi cảm thấy không thoải mái khi ở trong bể tắm với anh chàng to cao này. Một lần nữa, cuốn sách nhỏ lại giải vây cho tôi. Chính giáo sư Ueda kia kết nối hai từ, *Wabi* và *Sabi*, để giải thích điều sau:

Wabi có nghĩa gốc là “nỗi buồn của sự nghèo đói”. Nhưng dần dần nó đã trở thành từ để gọi tên một thái độ với cuộc sống, khi mà một người cố cam chịu điều kiện khắc nghiệt của mình và học cách tìm kiếm sự bình yên và thanh thản trong tâm ngay cả trong những hoàn cảnh đó. Sabi, chủ yếu là một khái niệm thẩm mỹ, có liên quan mật thiết với Wabi, một ý niệm triết học.

Bộ não học thuật của tôi, vừa mới tận hưởng những khoa học về thẩm mỹ và lịch sử của tư tưởng, không thể nào bỏ qua sự kết hợp đầy khiêu khích mà tôi còn lâu mới hiểu.

Tôi không ra khỏi bể tắm nước nóng cho đến khi cảm thấy toàn thân nóng rực lên. Một xô nước lạnh lo liệu được hết.

Tôi đã sẵn sàng cho buổi sáng đầu tiên ở Kyoto, bất kể điều này nghĩa là gì đi chăng nữa.

Quãng thời gian hạnh phúc với những chú chó già

Bữa sáng ở lữ quán gồm cơm và cá, được phục vụ tại mấy cái bàn thấp đến nỗi tôi phải là bậc thầy yoga để có thể ngồi được. Nếu không phải vì chưa ăn tối, thì cái thực đơn buổi sáng này sẽ làm tôi thấy kì lạ lắm.

Tôi đứng dậy với cơn đau lưng. Trước khi ra thăm thú Kyoto ban ngày, tôi dừng lại ở phòng đọc. Tôi sẽ tìm trong cuốn *Lonely Planet* địa chỉ của cái xưởng kia, mặc dù tôi không thực sự tin rằng nó sẽ dẫn được tôi tới chỗ người gửi bí ẩn đã kéo mình đến tận đây. Đúng hơn thì tôi cho rằng người đó đã mua bưu thiếp ở cái xưởng đấy, và thế thì cũng chẳng giúp ích được gì cả.

Hơn nữa, con mèo sứ được sản xuất hàng loạt thì có liên quan gì đến triết lí *Wabi Sabi* chứ?

Câu trả lời là chẳng có gì cả.

Tôi đặt lưng xuống một cái ghế sofa vải kiểu Tây. Ở bên cạnh ghế có giá để tạp chí tiếng Nhật, còn ở phía bên kia là ba kệ sách đa dạng chủ đề và ngôn ngữ.

Tôi đoán chúng được các du khách để lại đấy vì không muốn mang theo những cuốn sách mình đã đọc. Chỉ có đúng một cuốn sách bằng tiếng Anh và tiêu đề của nó kì quặc đến mức tôi phải lôi nó xuống khỏi kệ để xem thử.

QUẢNG THỜI GIAN HẠNH PHÚC

VỚI NHỮNG CHÚ CHÓ GIÀ^[49]

Bìa sách là hình hai chú chó lông đã bạc, vẻ mặt mệt mỏi và nhả nài. Tôi gần như có thể nghe thấy tiếng sủa yếu ớt của chúng

khi cố đe dọa hàng xóm nào đó đi ngang qua nhưng không thành.

Tôi tìm ở bìa sau xem cuốn sách dành cho độc giả Mỹ này nói đến điều gì. Nội dung sách là về lợi ích của việc sống cùng với những chú chó cao tuổi sau nhiều năm chung sống với nhau. Những chú chó này có ít năng lượng đi và cần được quan tâm hơn, nhưng bù lại chúng hiểu được tâm tính thay đổi của chủ.

Tất cả những điều này đều rất *Wabi Sabi*.

Tôi trộm nghĩ, nếu chủ của con chó cũng là người cao tuổi, thì sẽ có một giai đoạn bí ẩn khi chủ và chó hợp nhất và cả hai trở nên giống nhau, không chỉ là về cách đi đứng, mà cả về biểu cảm nữa.

Tôi đặt cuốn sách trở lại kệ, nghĩ ngợi về việc tuổi già của mình sẽ còn tệ hơn những con chó câm lặng này. Ít nhất thì chúng còn có ai đó để đi theo và yêu thương. Ngoại trừ một con mèo thích làm việc riêng của mình và không thể sống quá mười năm, tôi chẳng còn ai trên thế giới này.

Suy nghĩ đau khổ kia khiến tôi kết nối điện thoại với mạng của quây lễ tân, phủ sóng tới tận thư viện.

Vòng tròn với số ba bên trong liền xuất hiện ở trên biểu tượng ứng dụng Whatsapp: Số người đã gửi tin nhắn cho tôi kể từ lần kết nối gần nhất ở Doha.

Tôi mở ngay tin nhắn đầu tiên, chị tôi trách móc chuyện tôi quên tới nhà chị ấy ăn tối vào hôm trước. “Em xin lỗi vì đã quên mất, hiện giờ em đang đi du lịch Nhật Bản,” tôi xin lỗi ngắn gọn rồi chuyển sang tin nhắn tiếp theo.

Trái với tất cả dự đoán, đó là của Daniel Lumberras. Tôi quên mất là đã cho anh ta số điện thoại di động của mình ở bức thư trước để anh ta có thể thông báo về buổi biểu diễn tiếp theo.

Tin nhắn lần này được viết theo phong cách thẳng thắn và hiệu quả.

Hiện giờ tôi đang ở Gracia.

Chúng ta gặp nhau uống cà phê nhé?

DANIEL

Tôi trả lời lại rằng tôi rất muốn đi uống với anh ta, nhưng hiện giờ tôi đang ở rất xa để có thể quay trở lại đó vào thời gian hợp lí. Tôi chào tạm biệt với lời hứa sẽ liên lạc với anh ta khi quay về, trước khi mở tin nhắn thứ ba và cũng là cuối cùng.

Đó là tin nhắn từ Gabriela và nó làm tôi xúc động suốt cả ngày hôm đó.

Gửi Samuel,

Em nghe từ Titus rằng anh đã đi Kyoto. Đó là quyết định đúng. Nếu là anh thì em sẽ không bận tâm đến chuyện tìm người đã gửi mấy tấm bưu thiếp đâu.

Nếu muốn thì anh ta đã tìm ra anh rồi.

xxxx

GABRIELA

Địa chỉ cấm kỵ

Cuộc dạo chơi đầu tiên ở Kyoto vào ban ngày đưa tôi qua những con phố truyền thống của khu Gion, nơi có nhà trọ tôi đang ở. Vài cửa hàng đã mở cửa, có những hàng bán cổ vật hay quần áo, quán cà phê và nhà hàng nhỏ đến mức bạn có thể nghĩ thấy mọi hoạt động.

Đi qua những con phố địa phận của các *geisha* và *maiko* - những người học việc - tôi tới với Pontocho nhỏ hẹp, con phố đi bộ chạy song song với sông Kamo. Trong khi đi bộ giữa các quán trà và câu lạc bộ bí mật, ngay cả vào ban ngày, tôi tự hỏi liệu có thể tìm được xưởng *Wabi Sabi* ở đâu đó quanh thành phố này không.

Vẫn còn quá choáng váng bởi cuộc hành trình, tôi đã quên không hỏi han luôn ở lữ quán, nhưng tôi có đem theo bằng chứng tội phạm: những tấm bưu thiếp.

Tôi dựa vào một cái cây mọc lên trên vỉa hè như một cây nấm. Đằng sau tấm bưu thiếp con mèo, tôi thấy toàn màu mực xanh biển của chữ *Wabi Sabi* sáng lên một cách đặc biệt.

Tôi xem xét kĩ dòng chữ nhỏ “Atelier”, sau đó là vài kí tự *kanji* và con số 27.

Chắc chắn đó là địa chỉ của xưởng rồi, tôi nhìn đi nhìn lại tấm bưu thiếp Kim Các Tự. Ngoài điều này, manh mối duy nhất về nguồn gốc của chúng là dấu bưu điện. Con dấu trên hai tấm bưu thiếp giống hệt nhau: Một phần tư đường tròn với những kí tự *kanji* giống nhau và con số 4032 ở phía sau.

Điều này có thể có nghĩa là chúng đã đi qua bưu điện của cùng

một quận.

Mặc dù có dấu mực giống nhau, mấy con tem lại khác nhau và rất kì lạ. Một con tem có hình chó Akita - tôi biết giống chó này qua bộ phim của Richard Gere^[50] - với cái đuôi cuộn tròn và hào quang phát sáng xung quanh. Con tem kia là hình bốn người phụ nữ mặc áo choàng dài màu tím với một cái kính viễn vọng kiểu cổ. Một trong số họ đang chăm chú nhìn qua kính ngắm trong khi những người còn lại thích thú xem xét. Người thứ tư nhìn thẳng lên trời, như thể tin tưởng đôi mắt của mình còn hơn cả dụng cụ kia.

Ở góc trái bên dưới của hai con tem đều có dòng chữ NIPPON 820. Tôi đồ rằng đây là giá bưu chính của chúng: khoảng hơn sáu euro.

Trong khi nghĩ xem liệu giá đó là đắt hay rẻ cho một lần vận chuyển xuyên đại dương, một người phụ nữ khoảng bảy mươi tuổi dừng lại trước mặt tôi. Người phụ nữ mặc áo vest cúi chào nhẹ, rồi chìa tay về phía tấm bưu thiếp tôi đang nhìn: tấm có địa chỉ của cái xương.

Tôi hiểu rằng bà ấy muốn giúp tôi. Lòng tràn đầy biết ơn, tôi vừa cúi chào vừa đưa tấm bưu thiếp cho bà ấy. Đôi mắt được phóng to qua lớp kính quá dày của bà ấy mở to đầy kinh ngạc khi đọc dòng chữ.

Như thể vừa mới thấy hiện thân của quỷ dữ trong địa chỉ đó, bà ấy liền trả lại tấm bưu thiếp cho tôi và đi nhanh xuống đường sau khi cúi chào.

Đứng trơ như phỗng ở đó. Tôi tự hỏi đây là nơi như thế nào mà lại có thể khiến một người phụ nữ bỏ chạy trong kinh hoàng như vậy. Sự tò mò khiến tôi dò xét đám đông người Nhật đi dạo qua Pontocho trong buổi sáng đẹp trời này, háo hức để phát hiện ra ai đó có thể nói tiếng Anh.

Người được chọn là một cậu trai tóc dài cầm theo tập tài liệu

với hình nhóm Sex Pistols^[51] ở bìa.

Tôi dùng ngôn ngữ của Sid Vicious và Johnny Rotten^[52] để tiếp cận cậu ta: “Xin lỗi, cậu có thể cho tôi biết địa chỉ này nằm ở khu nào không?”

Cậu ta cầm lấy tấm bưu thiếp, theo tôi nghĩ là vì cậu ta hiểu tôi nói gì, nhưng rồi trả lại ngay sau đó với một nụ cười lo lắng.

“Địa điểm này có vấn đề gì vậy?” Tôi hỏi, càng lúc càng hoang mang.

“Xin lỗi, tôi không thể nói cho anh biết được,” cậu ta đáp, nhún vai và rảo bước đi cùng tập tài liệu của mình.

Không có gì tồn tại mãi mãi

Tôi nghĩ phản ứng kì lạ từ hai con người hoàn toàn khác biệt có thể mang nghĩa là người Nhật rất thận trọng khi chỉ đường cho người ngoại quốc. Họ không muốn mạo hiểm để bạn bị lạc khi bạn không biết đường. Có thể cái xướng này nằm trong một con hẻm ít người biết đến ở Kyoto, hay thậm chí là tại khu vực ngoại thành. Sự lịch sự của người Nhật khiến họ tránh cung cấp dịch vụ tồi cho người nước ngoài.

Đó là giả thuyết có lí nhất mà tôi nghĩ ra được, nhưng việc xe taxi dừng lại ngay lúc vừa mới chỉ ra khỏi Pontocho khiến cho chuyện này càng thêm phần kì lạ. Tài xế thò đầu ra khỏi xe để cầm tấm bưu thiếp có ghi địa chỉ. Sau đó, ông ấy đeo kính lên để đọc dòng chữ nhỏ.

Hai giây sau, tấm bưu thiếp được đặt lại vào tay tôi và bác tài ra dấu từ chối bằng tay một cách rõ ràng. Trước khi tôi có thể hỏi tại sao ông ấy không muốn chở tôi đến đó. Ông ấy đã phóng xe đi, bỏ mặc tôi ở lại, càng lúc càng kinh ngạc hơn.

Đó không phải là một địa chỉ lạ. Tôi suy nghĩ khi quay trở lại lữ quán với tay đút trong túi. *Đó là nơi mà tất cả mọi người đều biết đến và biết chuyện gì xảy ra ở đó. Chắc phải rất kinh khủng để dọa được một tài xế taxi và một người nghe nhạc của Sex Pistols.*

Cơn buồn ngủ nặng nề bao trùm lấy tôi trong khi tôi suy đoán đủ kiểu về địa điểm cấm kị kia. Một nhà thổ tai tiếng. Một *onsen* là nơi tụ tập của những tay sát thủ xuất sắc trong giới *yakuza*^[53]. Một nơi lưu trữ chất thải hạt nhân với nghi vấn về độ an toàn.

Đó là những khả năng cực đoan, thậm chí là ngớ ngẩn, và chúng còn chẳng giải thích được gì thêm cho việc tôi đã nhận được những tấm bưu thiếp.

Như thể từng đó là chưa đủ, ngay khi vừa bước qua cửa lữ quán, một con mèo đen chạy hết tốc lực ngang qua trước mặt tôi. Tôi tự nhắc một câu của Groucho Marx^[54] để không nghĩ đến vận rủi mới rơi xuống đầu mình: *Một con mèo đi ngang qua bạn nghĩa là nó đang đi đâu đó*. Tôi lặp đi lặp lại như một câu thần chú.

Khi tới gần quầy lễ tân, tôi chuẩn bị đưa cho người phụ nữ nhỏ bé xem địa chỉ trên tấm bưu thiếp, nhưng cuối cùng lại thôi. Nếu cái xướng đó là một nơi đòi bại, thì có lẽ họ sẽ báo cho chính quyền và tôi sẽ gặp vấn đề để giải thích tại sao mấy tấm bưu thiếp đó lại đến được tay mình.

Tốt hơn hết là không nên hỏi. Buổi trưa đầu tiên ở Kyoto và tôi chỉ muốn ngủ.

Tôi cởi đồ trong nháy mắt trước khi lao vào đệm, giờ tôi không thấy nó quá cứng nữa. Để thoát khỏi những rung cảm xấu mà mấy tấm bưu thiếp đem đến cho mình, tôi tiếp tục đọc tuyển tập về *Wabi Sabi*.

Một đoạn văn khác giải thích nghệ thuật của sự bất toàn, dang dở và phù du:

Tất cả những gì tồn tại trong vũ trụ đều liên tục chuyển động và thay đổi. Không có gì là trường tồn, không có gì tồn tại mãi mãi, tất cả đều có khởi đầu và kết thúc. Nghệ thuật Wabi Sabi có khả năng thể hiện hoặc gợi lên sự thật thiết yếu và hiển nhiên của sự vô thường và vì thế giải phóng trong người nhìn sự chiêm nghiệm thanh thản cùng với hiểu biết về tính phù du của tất cả những gì tồn tại. Khi đã nhận thức được sự phù du này, ta sẽ ngắm nhìn cuộc đời từ một góc nhìn khác.

Ai đó có thể trở nên xúc động khi chiêm ngưỡng một bông hoa giản

dị trong chiếc bình cổ bằng tre, thể hiện trong đó phản ánh của sự tồn tại và vận mệnh của chúng ta với tư cách con người.

Xác nhận rằng mọi thứ đều có khởi đầu và kết thúc chính là trải nghiệm khá đau đớn của tôi với Gabriela, nhưng chính ở nơi đây và chính lúc này, trong căn phòng mộc mạc này, tôi ăn mừng sự vô thường.

Đi thăm vài ngôi chùa, đề phòng trường hợp có ai đó hỏi Kyoto ra sao, rồi bắt chuyến bay về nhà. Tôi tự khuyên bản thân trong khi nhắm mắt lại. Cho tới giờ thì việc đến đây là một sai lầm, nhưng ở lại sẽ là một sai lầm to lớn hơn.

Chỉ có thần mới biết câu trả lời

Khi tôi mở mắt ra thì đã là hơn chín giờ tối. Tôi đặt tay lên trán để chắc chắn là mình không bị sốt. Tôi không quen ngủ trưa hơn sáu tiếng. Tôi thấy lạnh, rất lạnh.

Khi ra khỏi đệm, tôi thấy xương kêu răng rắc như thể vừa mới bị đánh vậy. Trần truồng trong phòng, tôi phân vân giữa việc xuống bể nước nóng hay đi tắm để quay lại với thế giới tỉnh táo. Tôi chọn phương án sau để tránh cho dòng nước ấm khiến tôi đắm chìm vào trạng thái buồn ngủ hơn nữa.

Sau cú sốc với làn nước âm ấm, tôi đi giày, mặc quần Âu màu kem và cái áo sơ mi đen đẹp nhất của mình. Trông có vẻ như tôi chuẩn bị đi đâu đó, mặc dù tình hình lại như mọi khi.

Một nắm tóc lại ra đi khi tôi chải đầu, điều rất *Wabi Sabi*, vì việc mất mát này không bao giờ là câu trả lời.

Trong khi bước xuống cầu thang gỗ, tôi nghĩ rằng có thể mình đang ốm. Tôi không thấy đói, mặc dù chưa ăn gì ngoài món cơm và cá từ bữa sáng.

Việc người yêu ra đi có phải là nguyên nhân không? Nó sẽ ăn mòn tôi cho tới khi chỉ còn da bọc xương giống như những người trẻ tuổi trong tiểu thuyết lãng mạn ư?

Để xảy ra chuyện này ở tuổi bốn mươi lăm thật là thảm hại, tôi tự nhủ khi giơ tay chào nhân viên lễ tân. Tôi đã để mấy tấm bưu thiếp trong túi và không biết tại sao mình lại làm vậy. Tất cả chuyện này đã trở thành một nỗi ám ảnh đối với tôi.

Có lẽ vì tôi là người đàn ông của thói quen, tôi lại lần theo con

đường đã đi tối hôm qua.

Chiếc đèn lồng của quán karaoke đơn độc tỏa ánh sáng vàng trong con ngõ của *geisha* đó. Tôi không hề có ý định quay lại, nhưng khi tới gần cửa, tôi cứng đờ người. Tấm bảng sắt cho thấy quán karaoke vô danh đã tìm được cái tên cho mình.

BAR SAMUEL

Tôi há hốc miệng, chắc chắn chính ông người Nhật dờ hơi kia đã gợi ý cái tên này cho bà chủ quán.

Tôi đẩy cửa vào để yêu cầu lời giải thích cho trò đùa xấu tính này, nghĩ rằng có thể gặp được người đầu tiên trong quán với một chai sake.

Trái ngược với điều mình mong đợi, trong cái quán nhỏ đó không có một ai ngoài bà chủ đang chào đón tôi với một nụ cười hiểu biết. Bà ấy biết tôi là ai. Tôi nghĩ điều tối thiểu bà ấy có thể làm là mời tôi một li, sau khi đã lấy tên của tôi để đặt cho một quán bar tệ hại.

Tuy nhiên, cái cách mà bà ấy đưa tôi tờ menu cho thấy tôi không tránh được chuyện trả tiền cho li đầu tiên.

Tôi gọi một chai Asahi trong khi ngồi xuống chỗ đã ngồi tối hôm trước. Giống như một cơn ác mộng sốt sắng lặp lại theo cùng một cách, vài hợp âm của điệu nhạc Nga cất lên, bắt đầu giai điệu của ca khúc *Dokonoko no Kinoko* quái quỷ.

Điều khác biệt là vị trí của Okamura đang trống không. Cái micro nổi bật trên quầy bar như một người đàn ông bị đắm tàu trên biển gổ.

Tôi trở nên cảnh giác, nhớ bà chủ quán định bắt tôi hát thì sao. Sự nghi ngờ của tôi càng được củng cố khi người phụ nữ đặt một tờ giấy có chữ viết lên bàn. Tôi liếc nhìn, không dám cầm lên, chẳng may đó là phiên âm chữ Latinh của bài hát kia.

Tuy nhiên, trái ngược với dự đoán của tôi, đó là lời dịch tiếng

Anh mà ai đó đã viết bằng một cái bút bi không đều mực. *Wabi Sabi*. Nhìn nét chữ thì có vẻ là một cô gái đã viết cho tôi.

Giai điệu của bài hát thiếu nhi kia chiếm lĩnh không gian nhỏ bé trong lúc tôi cầm tờ giấy lên và bắt đầu đọc:

*Này năm, bạn đến từ đâu thế?
Cây năm xinh đẹp, bạn đến từ đâu thế?
Một cây năm trong rừng.
Một cây năm trong rừng biến thành kèn trumpet.
Các nốt nhạc bay tới mây xanh.
Puppu-Lu Papa-Pulu Pappa...
Đừng kể chuyện này với trời xanh nhé.*

*Này năm, bạn đến từ đâu thế?
Một cây năm trên trời.
Một cây năm trên trời biến thành chiếc dù
Và đáp xuống sóng nước xanh biếc.
Sulusulu-Lala. Sulu-Lala...
Đừng kể chuyện này với đại dương nhé.*

*Này năm, bạn đến từ đâu thế?
Cây năm xinh đẹp, bạn đến từ đâu thế?
Một cây năm dưới biển cả.
Một cây năm dưới biển cả biến thành con sứa
Và mộng mơ trong rừng xanh thẳm.
Yurayura-Lu Lu Lu Lu-Yura...
Đừng kể chuyện này với trời xanh nhé.*

*Này năm, bạn đến từ đâu thế?
Cây năm xinh đẹp, bạn đến từ đâu thế?*

*Một cây nấm trong rừng.
Chỉ có Thần mới biết câu trả lời.*

Tôi vẫn chưa đọc dòng cuối của lời bài hát kì quặc kia, thì cánh cửa đen mở ra và Okamura đi vào với bước chân chiến thắng. Trông ông ta ăn diện hơn hôm trước, dù cặp kính vẫn dày cộp và trầy xước, tôi nhìn mắt ông ta và có thể thấy rằng ông ta vẫn chưa uống giọt rượu nào.

Ông ta ngồi xuống ghế của mình và nhìn cái micro bị bỏ quên, như thể đang nói chuyện với nó chứ không phải với tôi: “Hôm nay có vài chuyện xảy ra.”

Bức ảnh cuối cùng mà chúng tôi cùng cười

Tôi đợi Okamura yêu cầu một ca khúc và cầm lấy micro bất cứ lúc nào, nhưng ông ta không làm vậy. Có lẽ ông ta chỉ hứng lên khi đã uống một chai sake.

Trong khi rót ra cốc loại bia khác với tôi, ông ta nhìn tôi chăm chú, như thể không hiểu tại sao tôi quay trở lại quán này. Nhưng tôi thì biết lí do.

“Ông có thể giải thích tại sao lại đặt tên tôi cho quán bar này không?”

“Chỉ là một cái tên thôi mà,” ông ta bình thản đáp lại. “Tối hôm qua, tôi đang giúp bà chủ sắp xếp lại danh mục video thì nhận ra là có thể đặt tên cho nơi này như vậy. Bà ấy cũng thấy hay. Chỉ là tạm thời thôi, giống như cuộc đời ấy. Ngày mai có thể lại mang một tên gọi khác.”

Người đàn ông này là một kẻ gậy rối khéo léo, kể cả khi dùng ngoại ngữ, thế nên tôi gạt câu hỏi đó sang một bên. Sau tất cả, họ chỉ đơn giản là vẽ lên tấm biển một cái tên mà hàng triệu người trên thế giới có.

“Ngày hôm nay của ông thế nào? Tôi chuyển chủ đề. “Ông mặc đồ đẹp quá.”

“Cảm ơn anh, tôi đang đợi cháu gái. Chúng tôi hẹn gặp nhau uống một li trước khi nó đi leo núi mười ngày. Tôi không muốn Mizuki thấy mình say khướt rồi đem hình ảnh đấy theo đến đỉnh núi nào đó.”

“Cô ấy đang định leo ngọn núi nào? Phú Sĩ à?”

Okamura bỏ kính và kinh ngạc nhìn tôi, đôi mắt trông như chìm sâu trong một thung lũng.

“Đừng nói vớ vẩn. Cháu gái tôi là dân leo núi chính hiệu đấy. Phú Sĩ chỉ là một dòng hàng nghìn người đi từ trạm nghỉ này sang trạm nghỉ khác thôi. Đường đi giữa năm trạm đầu tiên đều được trải nhựa, thế là đủ biết rồi. Đến trạm thứ mười thì mọi thứ khó hơn, nhưng cũng chỉ như ở trong siêu thị vào ngày giảm giá thôi, chẳng qua là phải leo lên và trên cao thì không khí loãng.”

Tôi tưởng tượng ra đám đông chen chúc trông chẳng phù hợp gì với hình ảnh thuần khiết và bình dị mình đã thấy trên tàu. Chắc chắn có những điều nhìn từ xa sẽ tốt hơn.

Trong lúc một khúc hát hoài cổ vang lên ở quán bar mang tên tôi, Okamura nheo mắt lại, như thể đang cố lục tìm một kỉ niệm nào đó trong quá khứ.

“Lần cuối tôi leo lên đó là khi vợ tôi đang bị bệnh. Bà ấy vẫn còn sức để đi bộ, nên chúng tôi bắt xe buýt từ Kawaguchiko, thị trấn gần nhất ấy. Xe đưa chúng tôi đến trạm nghỉ thứ năm. Chúng tôi mất gần cả ngày để leo lên đến đỉnh, mỗi người chống hai cái gậy, vì chênh lệch độ cao là 1.400 mét trong quãng đường dài sáu kilomet.”

“Vây đỉnh núi thế nào?” Tôi đột nhiên cảm thấy xúc động.

“Một cái miệng núi lửa đầy tuyết. Anh có thể đi vòng quanh cho đến khi lên được điểm cao nhất. Ngay lúc đó tôi đặt chế độ hẹn giờ của máy ảnh để chụp bức ảnh cuối cùng mà chúng tôi cùng cười bên nhau. Một khi đã xuống khỏi núi Phú Sĩ, thì cuộc sống của chúng tôi cũng đi xuống.”

Bài hát hoài cổ đã kết thúc và bà chủ không bật thêm ca khúc nào, như thể bà ấy cũng nhận ra chúng tôi đang nói về chuyện gì đó nghiêm trọng dù chúng tôi đang dùng ngoại ngữ.

Một giọt nước mắt chuẩn bị rời khỏi khóe mắt sâu của Okamura. Ông ta thở dài: “Những gì tốt đẹp của cuộc đời rồi cũng

kết thúc thôi.”

“Nhưng ông vẫn làm việc,” tôi cố gắng chuyển hướng câu chuyện sang chủ đề vui vẻ hơn. “Ông có thích những gì mình làm không?”

“Công ty tôi đang trong thời kì thấp điểm, giống như tôi vậy. Tôi là nhân viên kinh doanh và kế toán của một công ty in. Với tất cả những thứ kĩ thuật số này... lượng công việc giảm xuống còn một phần tư. Chúng tôi vẫn còn trả được tiền giấy đã là một điều kì diệu đấy.”

Ông ấy nói đến “giấy” như thể người ta nói tới một loại vật liệu từ thời kim cổ, như giấy papyrus của người Ai Cập vậy. Điều này khiến tôi nghĩ tới mấy tấm bưu thiếp tôi mang theo trong túi quần.

Tôi rút chúng ra, nhớ lại rằng chúng đã khiến tôi bị đảo lộn cả buổi sáng. Người đàn ông kia và quán bar Samuel có vẻ khá điên khùng, nên tôi không sợ họ sẽ nghĩ gì về mình.

“Vì ông làm việc liên quan đến in ấn và quen đọc chữ nhỏ rồi...” Tôi mở lời. “Ông có thể cho tôi biết địa chỉ này là nơi nào không?”

Okamura chỉnh lại cái kính trầy xước và nhìn gần vào địa chỉ với con số 27. Ông ta lắc đầu, lo lắng. Sau đó ông ta hướng mắt nhìn lên con tem với hình bốn phụ nữ và cái kính viễn vọng. Móng tay của ngón trỏ cào nhẹ lên con dấu bưu điện và nó bong ra dễ dàng đáng ngạc nhiên. Rồi ông ta ném cho tôi một cái nhìn cáo buộc và chớp lấy tôi: “Tôi già rồi nhưng không phải là thằng ngốc, anh biết chứ? Trêu chọc một ông già làm ngành in đang cô đơn và mệt mỏi khiến anh vui lắm hả?”

“Tôi không hiểu ông muốn nói gì. Tôi không biết địa chỉ ghi ở đây, nhưng nếu nó khiến ông thấy bị xúc phạm thì tôi thề rằng...”

“Ở đây không có chữ nào đọc được cả.”

“Nhưng nó được viết bằng *kanji*...”

“Những kí tự này chẳng có ý nghĩa gì dù đứng một mình hay kết hợp với nhau, cả cái dấu bưu điện nữa...” Ông ta nhìn tôi chăm chăm qua lớp kính.

“Không có nghĩa gì ư?” Tôi kêu lên, không hiểu chuyện gì đang xảy ra.

Okamura uống một ngụm bia, cố bình tĩnh lại. Sau khi đặt cái cốc xuống quầy, ông ta nhìn tôi với sự ngờ vực và nói thêm: “Đây không phải tiếng Nhật, cũng chẳng phải ngôn ngữ nào cả. Ngoài con số 27 và *atelier* thì những thứ còn lại là những kí tự do một người không biết chút gì về tiếng Nhật kết hợp lại không theo tiêu chí nào. Nó không có ý nghĩa gì hết.”

“Nhưng... Khoan đã,” tôi cầm lại cái bưu thiếp hình con mèo, hoàn toàn hoang mang. “Làm sao có thể...”

“Cái này được làm bằng máy in tại nhà,” ông ta cắt ngang. “Ai đó đã tạo ra cái này bằng Photoshop. Thậm chí còn in cả tem với dấu bưu điện. Tất cả đều là giả.”

Tôi ngòai trơ ra vì sửng sốt. Đến mức tôi thậm chí còn không nhận ra là cửa mới mở và người vừa bước vào là một cô gái mà tôi sẽ không bao giờ có thể quên được.

Những tấm bưu thiếp du hành mười bốn bậc thang

Điều đầu tiên tôi nghĩ khi nhìn thấy Mizuki chính là nàng là hiện thân của vẻ đẹp tuyệt đối. Nàng không mặc váy mỏng nhẹ hay trang điểm như một *geisha* hiện đại. Nàng mang giày thể thao và quần jeans, cùng áo sơ mi trắng dài tay, và buộc tóc đuôi ngựa đơn giản. Tuy nhiên, cả người nàng đều toát lên sự gợi cảm và thanh lịch.

Vì hình thể khá cao và khuôn mặt có hơi vuông, tôi đoán cháu gái của Okamura là con lai Mỹ - Nhật. Những đường nét Á Đông vẫn trội hơn, nhưng ánh nhìn táo bạo đó đích thực là của một cô gái Mỹ đã quen với việc không cúi đầu.

Trong chốc lát, tôi quên mất cái bưu thiếp để cúi chào nhẹ với người mới tới, nàng phá vỡ giao thức bằng cách chìa tay ra để tôi bắt. Đó là sự giao thoa giữa cái cúi chào truyền thống của Nhật và hai nụ hôn mà chúng tôi sẽ trao nhau nếu như đang ở Nam Âu.

Khi đã hồi phục khỏi tác động của sự xuất hiện này, ánh mắt tôi quay lại với tấm bưu thiếp. Hiểu ra thực sự mọi chuyện, tôi thật sự muốn bóp cổ Titus.

Tôi có thể hình dung ra ông ấy in các tấm bưu thiếp trước rồi sau đó dùng Photoshop chuẩn bị cái địa chỉ vô nghĩa kia. Bao gồm cả việc in và cắt hai con tem cùng với dấu bưu điện.

Bị bề mặt, giờ thì tôi hiểu tại sao chẳng có ai, kể cả người lái taxi, thèm để ý khi tôi cho họ xem mặt sau tấm bưu thiếp.

Mizuki kéo tôi ra khỏi cơn thịnh nộ khi gọi rượu sake cho ba người. Trong lúc nàng rót rượu ra li sứ, tôi vội vã giải thích cho

ông nhân viên công ty in rằng mình là nạn nhân của một trò đùa đã đưa tôi đi hơn mười nghìn kilomet xa khỏi nhà mình.

Cảm thấy rất hứng thú, ông ta hỏi tôi về người biên soạn với bút danh Francis Amalfi và giờ là Gottfried Kerstin kia. Dưới ánh nhìn chăm chú của cô cháu gái ông, tôi giải thích công việc của Titus cũng như việc ông ấy mới bắt đầu viết một cuốn sách về *Wabi Sabi* và mong đợi sự cộng tác của tôi.

“Đây là cách rất nên thơ để thúc đẩy anh đi du lịch đấy,” Mizuki chen vào. “Việc in bưu thiếp để trông giống như chúng đến từ Nhật hẳn phải vất vả lắm.”

“Ông ấy muốn viết một cuốn sách thành công về *Wabi Sabi*, chỉ vậy thôi. Vì ông ấy không còn khỏe, không còn có thể đi tới tận đây nên mới lôi tôi vào việc này để tôi đi thay.”

Tôi cảm thấy hối hận ngay lập tức khi vừa nói xong. Ông già Titus đã chăm sóc cho tôi khi tôi cần ông ấy nhất. Tôi nghĩ là sau thất bại về tình cảm, có lẽ ông ấy chỉ muốn tôi bay đi xa để tỉnh táo lại. Và chắc chắn Gabriela biết hết kế hoạch này. Nếu không thì cô ấy đã không nói câu “Anh ta đã tìm ra anh” kia.

Titus chết tiệt, tôi rửa thềm trong bụng, ông sẽ phải trả giá đắt vì chuyện này. Mấy tấm bưu thiếp bí ẩn mà tôi nghĩ đã tới từ phía bên kia của thế giới hóa ra chỉ cần đi xuống mười bốn bậc thang để đến với người nhận.

“Cháu đói sắp chết rồi,” Mizuki bất ngờ nhảy lên. “Chúng ta đi ăn thịt nướng không chú?”

Nàng nói tiếng Anh bằng giọng Mỹ bản địa. Tôi nhớ Okamura có nói là nàng dạy ngoại ngữ. Như thể đang ở trong lớp học giao tiếp, ông ta điều chỉnh lại phát âm của mình khi trả lời: “Chú không có tâm trạng, cháu gái à. Tối nay chú muốn về nhà hơn. Nhưng cậu *gaijin* này sẽ đi cùng cháu. Đúng không, Samuel?”

Khó có thể từ chối mà không tỏ ra thô lỗ, và thực sự thì tôi muốn đồng ý. Ngoài vẻ đẹp lai của cô gái hẳn đã ba mươi tuổi này,

tôi muốn biết thêm về một người phụ nữ Nhật ở giữa hai thế giới.

“Tôi không biết Nhật Bản có thịt nướng đấy,” tôi trả lời một cách ngu ngốc, “nhưng tôi rất vui được đi cùng cô.”

Vòng tròn tơ bụi

Đã là mười một giờ đêm khi tôi đi theo Mizuki qua những con ngõ càng ngày càng tối tăm. Nói là “đi theo” vì nàng đi trước tôi vài bước rõ ràng. Có vẻ nàng không quan trọng chuyện tôi đi theo gần hay xa. Như thể đang rất tập trung tìm đường, nàng chưa nói một câu nào từ lúc chúng tôi ra khỏi quán bar.

Vị trí phía sau cho phép tôi ngắm nhìn cử động của nàng trong bóng tối. Dù mặc trang phục đơn giản, nhưng nàng lắc hông với một sự gợi cảm tinh tế theo mỗi bước đi. Ngay cả tóc buộc đuôi ngựa trên lưng nàng cũng lắc lư theo vũ điệu huyền bí và cổ xưa nào đó.

Chúng tôi ra khỏi khu nhà cổ rồi đi qua một khu vực hiện đại và lộn xộn hơn của thành phố, mặc dù các tòa nhà thì vẫn thấp như vậy.

Người dẫn đường của tôi dừng lại trước một cánh cửa gỗ có tấm lưới lọc qua ánh sáng nhẹ màu cam.

Vài giây sau khi nhấn chuông, cánh cửa gỗ chạy sang ngang. Chỉ vừa đủ cho một người đi qua. Từ phía trong có hình bóng một người đàn ông gầy gò đang nói chuyện với Mizuki bằng tiếng Nhật.

Cuối cùng người đàn ông lách khỏi cánh cửa để chúng tôi đi vào bên trong nơi có bốn thùng rượu gỗ lớn làm bàn với ghế đẩu ở xung quanh. Vài cái đèn treo tường chiếu sáng nơi trông có vẻ là hầm rượu đã vắng vẻ vào giờ khuya này.

Ông chủ đưa cả hai tay chỉ vào một thùng rượu rồi biến mất

sau tấm rèm ngăn. Tôi đoán nó dùng để ngăn cách với khu bếp.

“Tôi nghĩ ông ấy đang chuẩn bị đóng cửa và chúng ta đang làm phiền ông ấy nghỉ ngơi,” tôi nói.

“Kệ ông.”

“Cô nói chuyện như một gái hư đến từ Los Angeles vậy,” tôi quở trách nàng trong khi nghĩ tới bộ phim của Sofia Coppola^[55] mình đã xem tháng trước.

“Cũng gần đúng... Nếu như không phải vì tôi đến từ San Francisco và tôi không còn là một cô gái nhỏ nữa. Một tuần nữa, tôi sẽ tròn ba mươi tuổi.”

“Chúc mừng cô trước. Chúc cô có nói là cô sẽ đi leo núi.”

“Đó là một cách nói. Lao mình xuống vách đá từ một ngọn núi rất cao có được coi là leo núi không?”

“Tôi nghĩ là có,” tôi trả lời, không nhượng bộ trước sự khiêu khích của nàng. “Ít nhất thì những người bị thương khi leo núi là nhà leo núi.”

“Vậy thì đây sẽ là cách tôi ăn mừng tuổi ba mươi mà không ai muốn này, dù họ nói nhiều đến thế nào.”

Ông chủ, kiêm đầu bếp và người phục vụ mang ra hai bát canh miso^[56], kết thúc cuộc trò chuyện hoài nghi và nham hiểm kia. Mizuki gọi hai cốc bia và chống cằm lên những ngón tay đan chéo.

“Kể cho tôi nghe về anh đi. Điều gì khiến anh đến Kyoto một mình?” Trước khi tôi kịp trả lời, nàng thêm vào. “Và đừng nói là anh ở đây vì người ta gửi tấm bưu thiếp qua khe cửa của anh đấy nhé. Tôi không tin là anh lại gốc đến vậy đâu!”

Tôi uống một ngụm bia Asahi lạnh để kiềm chế mong muốn tát nàng. Nhưng khi nhìn ngắm nàng trong quán rượu trống trải, đột nhiên tôi thấy tiếc cho nàng. Mizuki là con quỷ tội nghiệp lạc lõng giữa phương Đông và phương Tây. Vì đây hoàn toàn có thể là đêm cuối cùng chúng tôi gặp nhau, tôi không ngại nói thật: “Một mặt

thì tôi giúp đỡ ông bạn biên soạn của tôi tìm kiếm tài liệu về *Wabi Sabi*. Giờ tôi đang đọc về chủ đề này rồi và mong có thể phỏng vấn vài nghệ sĩ hay triết gia nào đó có thể giải thích thêm cho tôi.”

Đúng lúc này, ông chủ mang ra một cái nồi bốc khói nghi ngút và một cái kẹp. Ông ấy đặt chúng xuống cái ghế đầu để có thể nhắc nắp của cái thùng lên, để lộ phần cát. Sau đó ông ấy đặt lên một vòng tròn với những viên than nóng đỏ và cuối cùng là vỉ nướng.

“Giờ ông ấy sẽ đem ra rau tươi và ba loại thịt để chúng ta tự nướng theo ý thích.” Mizuki giải thích trước khi quay lại chủ đề chính. “Vậy thì cụ thể là anh đến học về nghệ thuật của sự bất toàn ư?”

“Đó là cái cớ của tôi để không mất thời gian ở đây. Tôi muốn nghĩ rằng mình có làm điều gì đó.”

“Anh luôn luôn làm gì đó mà,” nàng nói, đôi mắt hơi to nhìn chăm chăm vào tôi. “Giờ anh đang ở trong quán thịt nướng với tôi này.”

Thay vì trả lời “Ý tôi là việc gì đó hữu ích”, thì tôi nói bằng giọng điệu bí mật. Đó là hậu quả của sự chệnh choáng do lệch múi giờ và cảm giác kì lạ khi tôi ở đây với một người đẹp không quen biết.

“Thực sự thì tôi cần phải tránh Barcelona một thời gian. Người yêu tám năm đã đá tôi và giờ tôi đang tìm chỗ đứng của mình trên thế giới này, cô hiểu chứ?”

“Hiểu rõ luôn,” nàng nói, bàn tay lạnh và mềm mại đặt lên tay tôi. “Tôi cũng ở trong hoàn cảnh giống anh, nhưng mà ngược lại. Tôi mới là kẻ bỏ người đàn ông của đời mình lại San Francisco, và giờ tôi thấy như bản thân đã phạm một sai lầm không thể tha thứ.”

“Ở vị trí của cô vẫn tốt hơn tôi. Cô luôn có thể quay lại với anh ta. Tôi chắc rằng anh ta vẫn còn yêu cô.”

Mizuki kéo khỏi tai một lọn tóc đen, nhỏ và tròn, như thể muốn nghe rõ điều mà tôi nói. Rồi nàng đáp lại: “Tôi vẫn còn yêu anh ấy, nhưng không thể nào quay lại được nữa. Đã xảy ra những chuyện không thể đảo ngược. Thế nên tôi muốn biến mất. Mỗi mỗi.”

Đã quá quen với việc xử lý khủng hoảng của sinh viên sụp đổ trước độ khó của tiếng Đức, tôi gõ hai cái lên tay nàng trước khi nhấc tay ra và nói thêm: “Luôn luôn có chuyện xảy ra. Chú cô đã nói điều tương tự khi vừa bước vào quán tối nay.”

Đôi môi đầy đặn của Mizuki lẩm bẩm điều gì đó gần như không thể nghe ra bằng tiếng Nhật, trước khi quay lại dùng tiếng Anh.

“Có những chuyện không xảy ra vẫn tốt hơn. Thế nên tôi rời bỏ nước Mỹ để sống ba tháng với chú của mình. Chú ấy là người tôi yêu thương nhất trên đời và tôi muốn từ biệt chú ấy.”

“Từ biệt?”

“Phải, trước khi kết thúc mọi chuyện,” nàng hít một hơi sâu. “Tôi không phải là người leo núi giỏi như chú tôi nghĩ đâu. Tôi chưa bao giờ một mình leo lên đỉnh núi nào cao hơn ba nghìn mét. Tôi quyết định đi đến vùng núi Hokkaido chỉ vì ở đó có nhiều nơi không người ở. Tôi đã tính hết rồi.”

“Cô đã suy tính điều gì?” Tôi giật mình.

Người đầu bếp đặt xuống cạnh chúng tôi một cái khay với những lát cắt thịt khác nhau và một cái nồi nhỏ với các lớp nấm, hành tây một nửa lõi ngô.

Không rời mắt khỏi vòng than hồng đang chiếu sáng làn da trắng của mình, Mizuki nói tiếp: “Trước chuyến leo núi cuối cùng, tôi sẽ hủy hết giấy tờ và vứt bỏ bất kì đồ vật nào có thể dùng để nhận dạng tôi. Tôi sẽ lên đỉnh núi cao nhất có thể tìm thấy, hát một bài rồi nhảy xuống vách đá. Chấm hết.”

“Đừng nói nhảm nữa, ăn thôi,” tôi nói trong khi gắp rau và thịt lên vỉ nướng.

Mizuki chụp mạnh lấy tay kia của tôi để cố cho tôi hiểu rằng nàng đang nghiêm túc. Trên nét mặt căng thẳng của nàng có sự đau khổ và quyết tâm.

“Chú tôi sẽ không bao giờ biết là tôi đã chết. Tôi sẽ chỉ là một trong những nhà leo núi đã biến mất không để lại dấu vết và không một ai biết gì về họ nữa... Ai mà biết được, có thể chú sẽ nghĩ rằng tôi đã ở lại và sống trong một căn nhà nhỏ trên núi. Hay tôi quen được người đàn ông nào đó và bỏ trốn cùng anh ta mà không để lại lời nào. Những điều này đều rất giống tôi.”

“Tất cả đều có thể.” Tôi lật miếng thịt để nó không cháy. “Nhưng tự tử vào ngày sinh nhật tuổi ba mươi sẽ là một điều ngu ngốc. Trong một tuần nữa, đúng không?”

“Phải, tôi thấy đó là một thời điểm tốt để đi khỏi đây. Tại sao nó lại là một điều ngu ngốc?”

Tôi cố gắng suy nghĩ trong khi xếp lại rau củ trên vỉ nướng để không cháy.

“Một người có thể ra đi bất kì khi nào họ muốn, nhưng trước hết nên đảm bảo cho mọi thứ ổn thỏa đã. Không thể để những người yêu thương cô vào thế kẹt được.”

“Ý anh là sao?”

“Chú cô nói rằng ông ấy nói tiếng Anh khá lên rất nhiều nhờ có cô. Học ngoại ngữ là ước mơ của ông ấy kể từ khi góa vợ,” tôi ứng biến. “Cô nhảy xuống vách núi trước khi kết thúc bài học sẽ là thiếu tôn trọng với học sinh của mình đấy.”

Nói xong, tôi dùng đũa gấp một miếng nấm nhỏ, chấm vào nước tương và đưa lên miệng. Món nấm vừa mềm vừa giòn.

Mizuki cắn môi nghĩ ngợi. Không cần phải là một thiên tài để hiểu rằng, dù rất đẹp nhưng nàng đang mất cân bằng.

“Được rồi,” cuối cùng nàng nói. “Tôi sẽ dạy chú ấy thêm ba hoặc bốn buổi nữa... nhưng với một điều kiện.”

“Điều kiện gì?”

“Anh phải hứa với tôi rằng anh sẽ không đi khỏi đây cho đến khi tôi trở về từ Hokkaido.”

Tôi giơ tay lên để gọi thêm một cốc bia. Tôi đã tự rơi vào cái bẫy của chính mình. Kế hoạch về nhà sau khi thăm thú vài ngôi chùa chuẩn bị đổ bể, nhưng tôi đã tỉnh táo lại.

“Tôi không thể ở lại đây mười ngày để đợi cô quay về được, Mizuki.”

“Không ư?”

Nàng nói ra những từ này với vẻ mặt khó chịu của một đứa trẻ. Tung hứng các kế hoạch mà mình không có, tôi đề nghị: “Tôi có thể nhượng bộ việc đợi cô trở lại vào đúng ngày sinh nhật. Tôi sẽ tận dụng tuần này để đi thăm thú và tìm thông tin cho bạn tôi.”

“Đồng ý.”

Tôi bất ngờ vì nàng chấp nhận thỏa thuận nhanh đến vậy. Thêm một bằng chứng rằng nàng không hoàn toàn ổn định và suy nghĩ của nàng xoay chuyển không kiểm soát. Tôi nhúng một miếng thịt nướng vào nước chấm, trong khi nàng lại bị những hòn than hút hồn. Nàng thậm chí còn chưa ăn chút rau nào.

“Chúng ta sẽ làm thế này...” Tôi nói đầy kiên nhẫn. “Chúng ta sẽ gặp nhau ở quán bar Samuel vào thứ Sáu tuần tới và ăn mừng sinh nhật tuổi ba mươi cùng chú cô. Sau đó ta có thể quay lại đây, nếu cô muốn.”

“Tôi chỉ dạy chú ấy thêm một vài buổi nữa thôi, chuyện này phải rõ ràng,” nàng nhấn mạnh với một sự lạnh lùng không ngờ tới. “Tôi giống như mấy hòn than này, sớm muộn cũng sẽ trở thành cát bụi. Người tôi vẫn còn nóng ấm, nhưng ngọn lửa tâm hồn tôi đã lụi tàn từ rất lâu rồi.”

Quán cà phê của những khúc hát buồn

Người đàn ông cô độc ở Tokyo

Tôi dành tuần cuối cùng của mùa xuân tận dụng nốt thẻ tàu để đi du lịch quanh Nhật Bản. Từ Kyoto, tôi tới Nara, nổi tiếng với tượng Phật khổng lồ bảo vệ một ngôi chùa bằng gỗ cũng vĩ đại không kém. Để đến được với tượng Phật, cần phải băng qua một công viên có những con nai cắn vào móng du khách để họ cho ăn bánh quy đã mua sẵn cho chúng.

Địa điểm tiếp theo là Osaka, một thành phố hoàn toàn vô hồn vào ban ngày đến mức vào ban đêm, nơi đây trở thành một khung cảnh tương lai, với các cô gái mặc váy và trang điểm kì quặc đi lại dưới ánh đèn neon.

Tôi chỉ lưu lại hai ngày ngắn ngủi ở Tokyo, vì nơi này quá rộng lớn với tôi. Thời gian chỉ đủ cho tôi thăm chợ cá, không gian riêng biệt của Ginza, tượng Hachiko - chú chó Akita trung thành đã truyền cảm hứng cho bộ phim - và tầng thứ năm mươi hai của khách sạn Park Hyatt.

Từ tòa tháp cao có quán New York Bar nổi tiếng từ phim *Lạc lối ở Tokyo*^[57], ngày thứ Ba đó chào đón sự khởi đầu của mùa hè. Lấy cảm hứng từ nhân vật chính thờ ơ của bộ phim, tôi gọi một li whisky Suntory mười bảy năm tuổi trong khi ngắm hoàng hôn chiếu xuống thành phố.

Để khung cảnh thêm phần sống động - và biện minh cho cái giá cắt cổ của đồ uống - một bản sao của Diana Krall^[58] cất tiếng hát bên đàn piano đúng chuẩn Mỹ, mà theo tôi thì không khác gì nhạc phát trong thang máy. Tôi ngồi ở quầy bar cạnh cửa sổ, cùng

khung cảnh chóng mặt của thành phố và cuốn Lonely Planet trong khi rượu mạch nha Nhật đốt cháy cổ họng.

Tôi tính toán rằng mỗi một ngụm sẽ làm thâm hụt hai euro trong ngân sách của tôi.

Có điều gì đó vừa bí ẩn vừa buồn bã về hình ảnh một người cô độc trong kì nghỉ. Tôi đã nghĩ đến điều này nhiều lần trong những lần nghỉ ngơi cuối tuần cùng với Gabriela. Khi thấy một người đàn ông ăn trong yên lặng tại khu phố Tàu ở Soho, London, hay một cô gái ngoại quốc đi lại tùy ý mình trong bảo tàng Louvre, tôi tự hỏi liệu sự cô đơn ấy là do mong muốn hay bị hoàn cảnh áp đặt.

Không dễ gì để phân biệt hai tình huống này. Có những người rời bỏ bạn đời của mình vì muốn ở một mình, quá chán ngán với những chuyện cãi vã trong nhà đã trở thành bản nhạc nền ngày qua ngày. Cũng có những người, sau khi bị bỏ lại, đã khám phá những lợi ích của sự cô đơn - trường hợp của tôi thì không phải vậy - và tìm ra các kho báu cá nhân đã bị bỏ quên trong khi cố gắng phù hợp với ai đó giờ đã ở rất xa, theo góc nhìn của cuộc chia tay.

Như mọi chuyện thường xảy ra, trong khi suy nghĩ về tất cả những chuyện này dưới sự mê hoặc của rượu Suntory, nghệ sĩ piano ca một khúc ballad, do Stevie Nicks^[59] sáng tác về câu hỏi này ở độ tuổi trưởng thành.

Đến khi nào chúng ta mới có khả năng chấp nhận các giai đoạn khác nhau trong cuộc đời?

*Well, I've been afraid of changing
'Cause I built my life around you
But time makes you bolder
Even children get older
And I'm getting older, too^[60]*

Nhưng, ta đừng tự lừa dối mình, sự cô đơn gây nên nỗi sợ và rất ít người phá vỡ một mối quan hệ để đến với cuộc sống tu hành. Điều thường thấy nhất là đến với một người mới mà họ nghĩ rằng sẽ phù hợp hơn.

Đây cũng không phải trường hợp của tôi hay của Gabriela, nếu tôi phải tin tưởng vào phiên bản những sự kiện của cô ấy mà giờ vẫn còn là bí ẩn đối với tôi.

Trong khi tôi ngẫm nghĩ tất cả chuyện này, ánh sáng mặt trời đã rời bỏ những tòa nhà cao tầng đang dần thấp lên ánh đèn điện.

Tôi không khỏi nghĩ tới một ông bạn cũ ở trong Khoa, có lẽ là người bạn duy nhất mà tôi có. Cách đây nhiều năm rồi, anh ấy chuyển tới Bồ Đào Nha sau khi kết hôn với một tiếp viên hàng không. Anh ấy nói với tôi rằng không thể tưởng tượng ra sự cô đơn nào lớn hơn một người đàn ông một mình ở Tokyo. Hàng triệu người bao quanh nhưng chẳng có ai để nói chuyện.

Giờ tôi chính là người đàn ông cô độc ở Tokyo.

Hóa thân thành hoa

Ngày cuối cùng trong chuyến tour Nhật Bản ngắn ngày, tôi đi thăm Nikko, một thị trấn đồi núi được bao quanh bởi các đền chùa, nằm cách thủ đô một trăm bốn mươi kilomet về phía Bắc.

Mặc dù khoảng cách đây là không đáng kể ở đất nước của *Shinkansen*, đến được nơi này cũng là cả một chuyến phiêu lưu. Tôi phải đi tới thành phố công nghiệp Utsunomiya để rồi bắt chuyến tàu địa phương có vẻ được nâng cấp lần cuối là vào những năm 70.

Ngồi trên băng ghế nhung đỏ, hình ảnh cây cối thúc đẩy tôi quay lại với mấy bài viết của Titus. Tôi đã có cuộc tranh cãi dài với ông ấy trên Whatsapp lúc ở Osaka. Tôi buộc tội ông ấy chính là tác giả của mấy tấm bưu thiếp đưa tôi đến nơi xa tít tắp này, mãi ông ấy mới chịu thừa nhận.

Mặc dù không thể nhìn được vẻ mặt của Titus khi ở xa thế này, tôi cảm thấy sự ăn năn của ông ấy là thật. Thậm chí ông ấy còn đề nghị sẽ trả lại tôi tiền vé máy bay vào hai thời điểm khác nhau sau tháng Chín. “Tiền trọ và tiền ăn thì tôi không trả đâu, vì anh là người đã ăn, ngủ và uống,” ông ấy nói vậy. “Chúng ta sẽ nói chuyện này sau” là câu trả lời cuối cùng của tôi.

Với Gabriela, thì tôi chưa bao giờ vượt quá một vài tin nhắn. Tôi hỏi cô ấy có biết về phi vụ lừa dối của Titus không, và cô ấy thừa nhận, nhưng nói đó không phải là ý tưởng của cô ấy. Cô ấy tiếp tục ở Paris và có những dấu hiệu mới chớm của bệnh trầm cảm.

Mình không quan tâm, tôi tự nhủ khi đoàn tàu tiếp tục đi về phía trước. Trời bắt đầu đổ mưa và những đỉnh núi màu xanh trông như một phần của giấc mơ mà tôi đi ngang qua trong toa tàu của thời điểm khác.

Gióng như một sự *giác ngộ*, tôi đột ngột cảm thấy cảnh vật đó là hình ảnh đại diện hoàn hảo cho tâm hồn tôi, với những nốt trầm và bổng không quá rõ ràng.

Điều tốt đẹp duy nhất của việc là một người đàn ông điều độ chính là những thảm họa cũng chỉ loanh quanh trong nhà.

Tôi tìm trong tuyển tập bài viết một đoạn văn của D. T. Suzuki, người giới thiệu chất thiền cho phương Tây, có đề cập tới chủ đề này. Ông ấy nói rằng thiền định tìm kiếm, giống như một đích đến cuối cùng, sự tổng hòa của chủ thể và đối tượng, của người quan sát và điều được quan sát.

Chỉ khi chạm tới bản chất của mọi sự, chúng ta mới có thể hiểu được chúng ở tất cả chiều sâu. Suzuki giải thích điều này theo một cách đẹp để thông qua mối quan hệ giữa thiền giả và một bông hoa:

Hiểu một bông hoa chính là hóa thân thành hoa, trở thành bông hoa, khoe sắc như bông hoa và, tận hưởng ánh nắng mặt trời cùng mưa gió. Khi làm điều này, bông hoa nói chuyện với tôi và tôi biết được những bí mật của nó, tất cả những niềm vui, nỗi thống khổ, hay nói cách khác, toàn bộ cuộc đời rục rờ của nó ở trong chính bản thân tôi. Và không chỉ có vậy: Cùng với hiểu biết của mình về bông hoa, tôi hiểu được những bí mật của vũ trụ, bao gồm cả những bí mật về chính bản ngã của mình, những bí mật đã tránh được sự truy đuổi của tôi trong suốt cuộc đời cho tới thời điểm này, vì tôi đã chia bản thân thành hai mặt, kẻ săn đuổi và kẻ bị săn đuổi, chủ thể và cái bóng.

Tuy nhiên, hiện tại, khi hiểu được bông hoa, tôi hiểu được chính bản thân mình. Hay là, khi đánh mất mình vào bông hoa, tôi hiểu được

bản ngã của mình cũng như bông hoa đó.

Đó là một suy nghĩ đơn giản nhưng siêu việt. Tôi cần phải đọc lại vài lần để hiểu đầy đủ những gì người viết muốn nói. Vậy thì điều mà bông hoa dạy cho chúng ta là gì? Nó dạy chúng ta cách nhìn, và thế thôi sao? Có lẽ chỉ khi chúng ta học được cách nhìn ngắm những điều nhỏ nhất mà không cần bộ lọc, chúng ta sẽ có khả năng nhìn vào trong chính mình.

Nói chung là không có vật đẹp hay xấu, chẳng qua là ánh nhìn đẹp hay xấu.

Suy nghĩ này dẫn tôi quay lại với Mizuki. Buổi tối mà tôi ngồi cùng nàng trong quán bar và hàng thịt nướng chỉ cách đây năm ngày, nhưng chuyến đi của tôi có vẻ đã kéo dài khoảng thời gian đó ra.

Tôi tưởng tượng ra hình ảnh nàng leo lên những ngọn núi hùng vĩ ở hòn đảo phía Bắc Nhật Bản. Nơi đó từng tổ chức Olympic vào năm 1972 tại Sapporo, và có cả những con suối tắm nước nóng giữa mùa đông nữa. Tôi biết được điều này nhờ một số của tạp chí National Geographic. Không biết Mizuki đã thấy chúng chưa?

Chúng tôi hẹn gặp nhau vào buổi tối ngày nàng trở về tại quán bar mang tên tôi, nhưng đột nhiên nỗi sợ ào tới: Nhờ Mizuki thực hiện lời đe dọa của mình và không bao giờ quay về nữa thì sao?

Tôi bình tĩnh lại, người thực sự muốn tự sát thì sẽ không thông báo cho người khác về hành vi của mình, họ chỉ thực hiện nó thôi.

Cảnh quan trong tinh thần tôi mù mịt và dễ thay đổi không khác gì khung cảnh thực xung quanh, và đoàn tàu dừng lại tại Nikko.

Không nhìn, không nghe, không nói

Tôi thức giấc tại một nhà trọ ở Nikko với năm người bạn cùng phòng khác. Buổi đêm hôm trước y hệt một buổi hòa nhạc không có hồi kết của tiếng ngáy, tiếng thở và độc thoại buổi đêm bằng tiếng Nhật. Dù tỉnh giấc rất nhiều lần, những cây linh sam bị ánh trăng lấp mắt khiến tôi cảm thấy thanh bình. Sau khi ngủ thiếp đi với hình bóng cây bên cửa sổ ở phía chân giường, tôi chìm sâu hơn vào giấc ngủ.

Tôi đi xuống ăn sáng với cảm giác đã được nghỉ ngơi nhiều ngày rồi. Tôi nghĩ có lẽ tâm hồn tôi muốn được bao quanh bởi rừng núi và tôi đã giam cầm nó một cách bất công trong thành phố.

Trong nhà ăn chung có ba cô gái người Nhật với mũ của hướng đạo sinh, đang thì thầm với nhau khi thấy tôi xuống, và một người nước ngoài khoảng năm mươi tuổi. Đầu tròn và để râu, đeo niềng răng, mặc quần cộc và mang giày leo núi chắc chắn.

Anh ta giơ tay lên chào tôi. Ngay phút sau đó chúng tôi đã ngồi nói chuyện trước món trứng rán và đậu. Hai du khách đi một mình sẽ nói chuyện và đi cùng nhau, đó là luật bất thành văn.

Anh ta tự giới thiệu mình là Hans Martin, đến từ thành phố St. Gallen của Thụy Sĩ. Sau nhiều năm mong muốn hiểu thêm về Nhật Bản, anh ta đã vượt qua chứng sợ máy bay để một mình bắt đầu cuộc hành trình này. Tôi chỉ giải thích cho anh ta chuyện về *Wabi Sabi* và nói rằng chiều hôm đó tôi sẽ quay lại Kyoto.

“Tôi chắc chắn ba chú khỉ thông thái sẽ là cảm hứng hay cho

cuốn sách của anh đấy,” anh ta nói tiếng Anh rất chuẩn.

Tôi đã đọc qua về bộ ba tượng gỗ hình một con khỉ dùng tay bịt tai, một con che miệng và một con bịt mắt này nhưng không biết chúng thì có liên quan gì ở Nikko.

Hans Martin có vẻ là chuyên gia về lĩnh vực này: “Chúng được khắc trên chuồng ngựa ở đền Toshogu, từ thế kỉ 17. Cũng không quá xa nơi này đâu, tôi có thể đi cùng nếu anh không phiền.”

“Ngược lại chứ,” tôi trả lời, bất ngờ vì độ lịch sự của anh ta. “Tôi mừng lắm, mà tôi chỉ còn vài tiếng để đi thăm thú thôi. Tôi cần phải lên tàu sau bữa trưa.”

“Vậy nếu anh cần phải thăm đúng một nơi, thì đó sẽ là Toshogu.”

Ngay sau đó chúng tôi lên đường, băng qua những cánh rừng hoang sơ lấp lánh dưới ánh sáng ban ngày. Sự thanh tịnh kì lạ xâm chiếm lấy tôi vào buổi tối càng nhân lên theo từng bước chân. Vào giờ này thì trong rừng chưa có ai ngoài chúng tôi và những con chim đang hót trên các cành cao nhất.

“Nghiên cứu về nét đẹp của những điều bất toàn tuyệt vời nhỉ,” Hans Martin nói trong khi dẫn tôi sang một con đường dưới bóng cây. “Có khá nhiều người cố làm mọi thứ đồng đều và đồng nhất. Thế giới này gồ ghề và thô ráp. Chẳng có cái gì xảy ra đúng như dự đoán hay đẹp đẽ như vậy, bởi vì như thế thì sẽ nhàm chán khủng khiếp. Anh có biết Tagore^[61] nói gì không?”

“Rất nhiều, tôi cho là vậy. Ông ấy cũng có nói tới *Wabi Sabi* ư?”

“Theo cách của riêng mình, ông ấy nói rằng khu rừng sẽ rất buồn nếu chỉ có tiếng của những con chim hót hay.”

Câu nói này gây ấn tượng sâu sắc với tôi. Trong khi tiếp tục đi trong yên lặng, tôi nghĩ rằng câu cách ngôn này hẳn phải có giá trị trong chuyện tình yêu nữa. Sẽ rất buồn nếu tình yêu chỉ dành riêng cho những người hấp dẫn, tốt bụng và quyến rũ nhất, vì công

bằng thì những người này không cần tới tình yêu. Họ có quá đủ sự ngưỡng mộ đến từ những người xung quanh rồi.

Những trái tim tan vỡ hay đang khao khát mới là những người cần được yêu. Nếu như họ không hiểu rõ bài ca của cuộc đời, thì hát cùng với những con chim đã biết có lẽ sẽ giúp họ bắt được âm điệu.

Ngón ngang suy nghĩ, đột nhiên chúng tôi đến trước một *torii*, cổng vào đền được tạo nên từ hai cây cột và một thanh ngang cong.

Hans Martin trông rất hạnh phúc với việc đến Toshogu, mặc dù đây đã là lần thứ ba anh ta tới thăm ngôi đền trong vòng hai ngày.

“Chúng ta sẽ đi gặp Mizaru, Kikarazu và Iwarazu,” anh ta nói với nhiệt huyết của một đứa trẻ.

“Họ là ai vậy?”

“Là ba con khỉ đó, anh bạn! Đó là tên của chúng, có nghĩa là ‘không nhìn’, ‘không nghe’ và ‘không nói’.”

Sau đó anh ta dẫn tôi tới các đền nhỏ và bệ thờ bằng gỗ, được trang hoàng phong phú với các hình nộm người và con vật. Điều thu hút sự chú ý của tôi là tượng con mèo đen trắng nằm ngủ giữa một bông sen, nhưng chắc chắn những ngôi sao lớn của Toshogu chính là San Saru, cách gọi ba con khỉ trong tiếng Nhật.

Tôi đứng trước những con khỉ đang thể hiện rõ ràng sự chối từ ba giác quan.

“Anh có biết tại sao chúng lại làm vậy không, Hans?” Tôi hỏi anh ta.

“Có nhiều cách diễn giải khác nhau lắm. Một cách nói là để giữ cho tâm trong sáng thì không cần nghe, nhìn hay nói, vì như vậy sẽ làm vấy bẩn tâm trí.”

“Vậy là chúng ta không nên tiếp nhận các tin tức.”

“Còn tùy thuộc vào đó là tin tức gì.”

Với câu trả lời mơ hồ này, cuộc trò chuyện về những con khỉ đã kết thúc.

Hòn đảo luôn dẫn đến đâu?

Chuyến trở về Kyoto khá dài, vì tôi cần phải đi tàu chậm tới Utsunomiya và hai chuyến tàu cao tốc khác. Lúc tôi trở về với cố đô thì trời đã tối rồi.

Mặc dù kiến trúc tương lai của ga tàu lại khiến tôi bất ngờ, quay trở lại sau một tuần có cảm giác như được về nhà. Nikko là một ngôi làng giữa rừng cây, còn thủ đô lại là một khu rừng xi măng không có điểm kết thúc, khiến ta cảm thấy như đang lạc lối.

Kyoto có kích thước hoàn hảo cho một thành phố, tôi nghĩ vậy trong khi leo lên taxi để đến lữ quánẾch Lam. Giá cả của nhà trọ này là thảm họa với túi tiền của tôi, nhưng tôi thích sống ở con đường có quán karaoke đơn độc, vì thế cuối cùng tôi cũng không đổi chỗ nghỉ.

Người lễ tân nhỏ bé cúi chào và đi cùng tôi tới căn phòng mà tôi đã ở sáu đêm trước.

Dưới vòi nước ấm, tôi cảm giác chuyến đi vừa rồi dường như chỉ là một giấc mơ. Tất cả mọi thứ có vẻ đều hội tụ tại cùng một nơi, bao gồm cả tôi.

Trong khi lau khô người và mặc quần áo, tôi đã nghĩ tới chuyện lên giường. Tôi cần phải nghỉ ngơi sau một ngày dài, nhưng tôi sợ mình sẽ ngủ quên và lỡ mất cuộc hẹn. Tôi đã hứa với cháu gái Okamura rằng sẽ gặp nhau vào tối nay, với điều kiện là nàng không làm chuyện gì ngu ngốc.

Tôi đã hoàn thành phần thỏa thuận của mình. Nàng cũng sẽ hoàn thành phần của mình nếu xuất hiện ở quán bar Samuel hay

bất kì tên gì hiện tại nơi đây mang.

Lúc chín rưỡi, tôi xác nhận được rằng quán vẫn mang tên tôi. Điều mà ban đầu tôi thấy xúc phạm và sau đó là lố bịch, giờ lại giống như một dấu hiệu rằng tôi vẫn giữ được sự cân bằng ở vũ trụ nhỏ bé của mình tại Kyoto này.

Tôi đẩy cánh cửa màu đen đi vào, và như một vở kịch được phát lại, bà chủ chỉ vào cái ghế tôi đã ngồi trong những đêm đầu tiên.

Tôi lại tiếp tục là vị khách duy nhất, nhưng nhạc được mở rất to, một ca khúc còn chói tai và ít thân thiện hơn bài hát về nấm.

*Hyoutan-jima wa doko he iku
bokura wo nosete doko he iku
Marui chikyuu no suiheisen ni
nanika ga kitto matteiru
Kurushii koto mo arudaro sa
Kanashii koto mo arudaro sa
Dakedo bokura wa kujikenai
Naku no haiyada waraohaou
Susume hyokkori hyoutan-jima^[62]*

Nếu có biết một chút tiếng Nhật, ngoài bốn câu chào, thì tôi đã yêu cầu bà chủ giảm âm lượng của thứ nhạc đáng sợ này rồi. Tuy nhiên, thay vì vậy, tôi lại ngồi yên nhìn bà ấy phục vụ một li bia Asahi.

Sau đó, cánh cửa mở ra và Okamura đi vào với tư thế chiến thắng, ông ta mặc áo khoác kẻ màu xanh hải quân và đeo cà vạt xanh da trời. Mái tóc bạc lại được chải gọn gàng, có lẽ ông ta đã chiến đấu lại kí ức về vợ mình cùng với rượu và cái micro vào hôm đầu tiên chúng tôi gặp nhau.

“Konbanwa^[63]. Ông có thể bảo bà ấy giảm âm lượng nhạc được không?”

“Tại sao? Bài hát cũng sắp hết rồi... Anh không thích lươn ư?”

“Bài hát này về lươn ư?” Tôi ngạc nhiên hỏi.

“Phải, về lươn và về hi vọng. Bài này cũng nhiều người biết lắm đấy.”

Tôi không bình luận gì thêm. Trong danh sách các bài hát thịnh hành lại có một ca khúc về nấm hoang dã và một bài khác về lươn, có nghĩa là hình ảnh khác thường về người Nhật mà chúng ta vẫn hình dung không phải là quá hoang đường.

Cánh cửa màu đen mở ra lần thứ ba sau vài phút và cô cháu gái xuất hiện. Nàng không chỉ quay trở về từ trên núi an toàn và ổn định, mà còn đến buổi hẹn với một bộ trang phục rất quyến rũ.

Niềm hạnh phúc của người Ainu

Tôi bước đi trên con đường cũ giữa Kyoto cổ kính và khu hiện đại hơn với những căn nhà thấp cùng cô Mizuki khác lạ này. Nàng mặc váy ngắn màu đen với quần tất lưới và giày cao gót, như thể thay vì một tuần ở trên núi, nàng đã ở trong các cửa tiệm của Shibuya, khu thời trang cho giới trẻ.

Tôi tiếp tục đi khoảng nửa mét phía sau nàng và có thể chiêm ngưỡng đôi chân dài miên man cùng lỗ hở sau lưng áo phong đồ, để lộ dây áo lót màu đen. Mái tóc đen của nàng không buộc đuôi ngựa nữa, mà được tết lại quanh một búi tóc cao.

Việc cô gái người Nhật xuất thân San Francisco từ một người muốn tự tử biến thành một nạn nhân thời trang khiến tôi bối rối.

Mizuki cũng không giải thích gì trong lúc đi tới quán nướng. Nàng bỏ mặc tôi suốt quãng đường cho đến khi tới cánh cửa bằng gỗ có lưới. Sau khi bấm chuông, nàng quay lại nháy mắt với tôi. Môi nàng tô son và mắt thì chuốt khá nhiều mascara.

Người đàn ông xương xẩu quản lí nhà hàng mở hết cánh cửa trượt ra khi nhìn thấy chúng tôi. Mặc dù lần này tới khá sớm, chúng tôi vẫn là những vị khách duy nhất của nhà hàng.

Chúng tôi ngồi xuống cái bàn lần trước. Ngoài sự thay đổi hoàn toàn về ngoại hình của Mizuki, tôi nghĩ rằng tất cả đã diễn ra theo đúng như tối hôm trước. Tuy nhiên, nàng lại chứng minh điều ngược lại.

Một chai sake lạnh khá lớn được đặt xuống nắp bàn, đúng lúc nàng nói: “Ăn mừng sự trở về của cả hai ta nào.”

“Cô có nghi ngờ việc đấy sao?”

“Tôi biết là anh sẽ tới,” nàng đáp với ánh mắt chắc chắn đầy lạ lùng. “Về phần mình thì tôi không dám chắc.”

Tôi uống nửa li sake, loại chưa được lọc^[64], và phân tích câu khẳng định đầu tiên kia. Việc chắc chắn rằng tôi sẽ tới có nghĩa là nàng nhận thức được sự hấp dẫn của bản thân mình, hoặc là nàng phát hiện trong tôi là một tâm hồn sợ sệt không muốn cảm thấy tội lỗi vì một vụ tự tử.

Từ phía bàn của mình, tôi ngắm ánh đèn lồng chiếu lên khuôn mặt với vẻ đẹp phương Đông của Mizuki. Cần cổ dài nối liền đôi vai thẳng. Ánh mắt tôi hướng xuống dưới một chút cho đến khi bắt gặp bộ ngực hứa hẹn một kích thước đáng kể ở dưới áo.

“Kể cho tôi nghe những gì cô làm ở Hokkaido đi,” tôi nói, lấy lại bình tĩnh. “Có đúng là lũ khỉ ở đó tắm suối nước nóng không?”

“Lũ khỉ ư? Để thấy chúng tắm nước nóng thì anh phải đi vào mùa đông, khi nhiệt độ đã xuống dưới âm mười lăm độ.”

“Ừ nhỉ... Tôi quên mất là mới bắt đầu vào hè.”

“Tôi ở cả tuần vừa rồi với một cộng đồng người Ainu,” nàng vừa giải thích vừa ngửi chén rượu sake.

“Ainu...” Tôi nhắc lại. “Tôi chưa từng nghe thấy từ này. Tôi thậm chí còn không biết là ở Nhật có người bản địa đấy.”

“Giờ chỉ còn vài nghìn người thôi. Họ theo thuyết vật linh, tin rằng mọi thứ trên Trái Đất này đều có *kamui*, một linh hồn thần thánh. Họ cảm tạ thần của rượu và lương thực trước khi ăn và sống trong những căn nhà bằng sậy được gọi là *cise*.”

“Ngoài chuyện đó ra thì họ có giống với những người Nhật khác không? Những cô gái ăn vận... như cô vậy?”

“Chắc chắn rồi!” Mizuki nhìn như thể tôi đang trêu chọc nàng. “Tôi ăn mặc thế này vì nhiều ngày qua tôi đã ngủ trên nền đất của chòi lá như một người Ainu, mặc dù tôi có nói là họ khác với

chúng ta về mọi thứ. Ví dụ như họ không có đồ đạc gì trong nhà.”

Hai bát canh miso được mang ra khi người bạn đồng hành của tôi hào hứng kể thêm về những gì nàng thấy trong bộ tộc.

“Đàn ông để râu ria dài. Phụ nữ thì xăm miệng như thể họ có một nụ cười rộng màu đen vậy, họ xăm cả bộ phận sinh dục nữa. Họ đeo rất nhiều khuyên tai và dây chuyền. Họ dùng cung tên tẩm độc để săn bắn trong rừng,” nàng húp bát canh trước khi kết luận. “Đàn ông chỉ dùng đũa khi ăn để gạt râu ra thôi. Còn phụ nữ thì dùng thìa.”

“Tôi mừng vì cô đã quay về với tâm trạng khá hơn.”

Tôi nói trước khi uống canh miso. “Họ có dạy cho cô ngôn ngữ của họ không, người Ainu ấy?”

“Tiếng nói của họ rất khó và chẳng liên quan gì tới tiếng Nhật cả. Tôi chỉ học được một từ: *anekuroro*. Có nghĩa là ‘hạnh phúc’. Bà lão trong chòi nói với tôi từ này mỗi khi tôi cảm ơn bữa ăn ngon.”

“*Anekuroro*... Tôi không biết mình sẽ ở lại Kyoto bao lâu nữa, nhưng tôi mừng khi thấy cô đã vui vẻ.”

Mizuki chậm rãi húp canh, mí mắt hạ xuống. Rồi nàng cười khi nói một điều mà tôi không hiểu: “Tối nay anh sẽ có cơ hội thể hiện cho tôi xem điều đó có phải là thật hay không.”

Namida no Café

Sau khi ăn tối, Mizuki dẫn tôi tới đường Shyo-dori. Đó là một tuyến đường qua khu trung tâm, toàn người là người, dẫn từ đền Yasaka tới cây cầu nổi tiếng trên sông Kamu.

Nàng băng qua giao thông tối thứ Năm, ngoài những âm thanh của các quán *pachinko*^[65] và những trò chơi khác, tôi bất ngờ vì sự hỗn loạn về kiến trúc nơi đây. Những tòa nhà ba hoặc bốn tầng có kiến trúc tiên phong nằm cùng với các tòa hình khối hộp nhọt nhèo phủ đầy áp phích và những tòa văn phòng sang trọng, ở giữa chúng là một rừng dây cáp điện lộn xộn, khiến tôi nghĩ rằng cả thành phố có thể chìm trong bóng tối chỉ với một tia lửa.

“Ở đây này,” Mizuki nói, kéo tay tôi tới một con hẻm từ đường lớn dẫn vào. “Giờ anh sẽ biết quán cà phê yêu thích của tôi.”

Làn da lạnh ngắt của nàng làm tôi bất ngờ, như thể nàng là một loài bò sát tuyệt đẹp, trong lúc chúng tôi vào trong con đường chật chội và thiếu sáng kia. Ở các tầng khác nhau của các tòa nhà có vẻ đang được xây dở, vài bóng đèn điện chiếu sáng mấy tấm bảng hiệu kinh doanh viết bằng chữ *kanji*.

“Chúng là nhà thổ ư?”

“Vài cái thì đúng là vậy, nhưng ở Nhật thì chuyện có cửa hàng ở bất kì tầng nào của tòa nhà là bình thường. Chúng tôi đông dân đến mức không thể chứa hết các cửa hàng ở tầng trệt được.”

Chúng tôi đứng lại một lúc trước một tòa nhà nhỏ được lát ngói trắng giống như những căn hộ đầu tiên ở Costa Brava^[66]. Cầu

thang ở phía ngoài đi qua bốn cửa hàng với bảng hiệu vẽ tay trên những thanh gỗ. Tấm biển trên tầng áp mái cho thấy bức vẽ một cái đầu người ngoài hành tinh với giọt nước mắt chảy trên má.

“Là quán ở trên kia,” Mizuki chỉ và đi trước tôi lên cầu thang.

Khi đi lên theo nàg, tôi có ấn tượng là Mizuki muốn tôi nhìn ngắm vòng ba săn chắc của nàg dưới lớp váy ngắn kia.

Trên đường tới Namida no Café, tôi có thoáng thấy những quán nhỏ xíu khác như quán bar mà chúng tôi đã biết, dù những chỗ này có phong cách hơn. Một trong số đó có quán Yellow, như để tôn vinh cái tên toàn màu vàng: từ sàn nhà đến tường và nội thất, đến áo của người phục vụ.

Nơi yêu thích của Mizuki hóa ra là một quán bar trong bóng tối, rộng khoảng mười lăm mét vuông với ba cái bàn nhỏ và một cái sofa. Sau quầy bar chất đầy rượu, một cậu thanh niên người Nhật với mái tóc ngắn vuốt ngược chào chúng tôi với một cái gật đầu.

Tôi nhìn thấy ở dưới mắt cậu ta có hình xăm giọt nước mắt.

Máy nghe nhạc đang chạy đĩa than ở một đầu của quầy bar. Bìa đĩa được dựng trên hai chai rượu. *Atmosphere* của Joy Division tìm kiếm trong những đường rãnh cuối cùng của đĩa một lời từ biệt buồn bã và nham hiểm.

Don't walk away in silence

Don't walk away^[67]

Mizuki ngồi tách ra trên ghế sofa. Tôi tìm một cái ghế đầu để ngồi trước mặt nàg, ở phía bên kia của cái bàn kính nứt.

“Đừng có *gentleman* như vậy,” nàg trách móc. “Anh có thể ngồi cạnh tôi.”

Để trông không giống một kẻ hèn nhát, tôi làm theo nhưng vẫn ngồi cách nàg vài gang tay. Nàg gọi đồ nhanh bằng tiếng Nhật

với người phục vụ.

“Cô gọi gì vậy?” Tôi lo lắng hỏi.

“Hai cocktail Stigmata Martyr. Tôi sẽ không nói thành phần đâu, để xem anh có đoán được không.”

Đĩa đã ngừng chạy. Không gian trở nên tĩnh lặng trong khi người phục vụ làm đồ uống cho chúng tôi.

“Đây không có vẻ là một nơi vui vẻ gì.”

“Đúng vậy. Tên quán đã nói lên tất cả rồi: Quán cà phê Nước Mắt.”

“Chúng ta tới đây để khóc ư?”

Sự căng thẳng trên môi Mizuki cho thấy là nàng không thích sự mỉa mai này.

Cuộc xâm lăng của niềm vui

Hai li cocktail, đỏ như màu áo của Mizuki, được đặt xuống bàn kính ngay khi có một vị khách khác vào quán. Một anh chàng tóc bờm xôm với khuôn mặt dài một cách kì lạ ngồi xuống cái bàn cách xa chúng tôi nhất. Theo kích thước của quán này, thì anh ta ngồi cách khoảng hai mét rưỡi.

Choáng ngợp bởi sự thành công là có được ba vị khách trong quán cùng một lúc, anh chàng tóc vuốt ngược bật cái màn bình phẳng ở dưới quầy bar để tiết kiệm thời gian. Màn hình được nối với một kênh YouTube không thể phù hợp hơn: *Sad Songs Channel*^[68].

Lost Song của Ólafur Arnalds, nói về một bông hoa đã đóng băng, là một bản nhạc tân cổ điển với tiếng vĩ cầm than khóc và tiếng piano phiến não lặp đi lặp lại.

Tôi uống một ngụm cocktail có vị nước ép cà chua và rượu gin, trước khi nói với Mizuki: “Tôi không thấy lạ chuyện cô muốn lên núi cao nếu như cô thường xuyên đến quán bar này. Sao cô lại thích nó?”

“Namida no Café là một niềm an ủi cho tôi.”

Tôi uống thêm một ít Stigmata Martyr trong khi chờ đợi Mizuki giải thích. Ngồi gập chân trên ghế, nàng nhìn tôi với ánh mắt mệt mỏi trước khi nói: “Khi anh trông thấy mình ở những giai đoạn đỉnh cao của cuộc đời, không có gì xúc phạm hơn sự xâm lăng của niềm vui. Anh chỉ muốn khóc. Anh vào các cửa hàng lớn có phát nhạc, khách hàng cười lớn và la hét như những kẻ điên. Hay thậm

chí ở quán bar mà chú tôi...”

“Đừng có nói đến nó,” tôi chen vào. “Cái bài hát về lươn đó thật là kinh khủng.”

“Có những bài còn tệ hơn thế, nên đừng tin như vậy.” Gương mặt nhợt nhạt của nàng nở một nụ cười nhẹ. “Điều tôi thích ở quán này chính là việc không phải giả vờ hạnh phúc, hay bịt tai lại, ghét bỏ ai đó. Những bài hát phù hợp với tâm trạng của tôi, đơn giản là một đồng hồ nát. Ở đây, tôi cảm thấy mọi thứ như nó vốn có.”

Cảm động vì lời thú nhận, tôi đóng vai anh trai để thăm dò vẻ đẹp bi thảm đó.

“Tâm trạng thay đổi theo mùa. Những ngày nắng và cả những ngày cực lạnh cũng không kéo dài mãi mãi. Mặc dù tôi hiểu là rất khó để thấy được điều đó khi cô đang ở dưới đáy giếng.”

Nàng nhìn tôi buồn chán trong khi gập chân lại và tựa cằm lên đầu gối. Tôi hiểu là việc thuyết giảng như thế này không có tác dụng gì với nàng, vì thế tôi để tâm đến những chi tiết đã đẩy nàng tới tình trạng này.

“Chồng cô là người như thế nào?”

Mizuki lắc đầu nhẹ, như thể mới tỉnh cơn mơ, trước khi trả lời: “Richard là người đàn ông tốt, có lẽ là quá tốt. Rất vững vàng trong niềm tin của bản thân đến mức tôi luôn đoán trước được anh ấy sẽ làm gì tiếp theo. Anh ấy trở nên quá dễ đoán.”

“Và cô bỏ anh ấy vì điều đó sao?” Tôi hỏi, tìm kiếm một sự phản chiếu trong trường hợp của mình. “Vì anh ấy làm cô chán?”

“Chuyện phức tạp hơn vậy nhiều... Có thể nói là anh ấy quá tốt bụng, chu đáo và thấu hiểu, đến mức khiến tôi muốn làm điều ngược lại hoàn toàn. Giống như âm và dương, cuối cùng tôi lại trở thành điều trái ngược với anh ấy.”

“Tôi không hiểu.”

“Tôi cũng không hiểu,” nàng thở dài, “vì thế tôi đã đến tận đây. Tôi đã mong là khoảng cách sẽ giúp tôi hiểu ra.”

Sau câu này, một sự im lặng bao trùm nhưng không gây khó chịu. Bằng cách nào đó, chúng tôi đã bắt đầu câu chuyện từ phần ngọn. Giờ tôi đã biết kết cục câu chuyện của nàng, nhưng không biết diễn biến.

Về phần mình, nàng cũng chẳng biết gì về câu chuyện của tôi. Tôi chỉ nói rằng người yêu đã bỏ tôi lại trong thế kẹt.

Và có lẽ tôi cũng không cần phải giải thích nhiều. Có thể biết rằng cả hai chúng tôi đều là những kẻ thất bại trong tình yêu đã phải tới quán bar của nước mắt là đủ, mặc dù tôi đã không còn muốn khóc nữa.

Như thể đọc được suy nghĩ của tôi bằng cách nào đó, đột nhiên Mizuki đề nghị: “Tôi thấy quá đủ với quán bar rồi. Anh có muốn về nhà tôi không?”

“Như thế không được,” tôi chỉ ra một điều rõ ràng. Tôi biết là cô sống chung với chú...”

“Phải, nhưng chú ấy ở tầng dưới còn tôi ở tầng trên. Đi hai cửa khác nhau. Anh sợ gì chứ?”

Geiko, maiko và danna

Không biết chuyện gì xảy ra, tôi đã ngồi cạnh Mizuki trong taxi. Trong tôi là một đồng hồ loạn của cảm xúc, cảnh báo và mong ước còn khó phân biệt hơn những thành phần của li Stigmata Martyr tôi mới uống.

Trong khi tài xế lái xe đến khu nhà ở ngoại ô, dưới chân một trong những ngọn núi bao quanh Kyoto, tôi liếc sang quan sát người phụ nữ đã kéo tôi đến vực thẳm của riêng mình. Nàng hấp dẫn lạ thường, từ đôi chân đến gương mặt của công chúa phương Đông, và không thể quên được những thứ ở giữa.

Bất kì người đàn ông nào trong vị trí của tôi cũng sẽ cố trải qua một đêm điên rồ và khó quên với nàng, nhưng dù tốt hay xấu thì tôi đang có đầy trở ngại rồi. Những điều này cứ tích tụ dần trong tâm trí tôi trong khi xe taxi rời khỏi những con đường trung tâm để đi vào các khu đông dân cư hơn.

Không biết gì về những mối lo của tôi, Mizuki có vẻ đang nhìn trong ánh đèn xe một bản đồ bí mật về những gì xảy ra trong thành phố. Trong khi đó, tôi kiểm tra lại những thế lực ngăn cản tôi tiến đến với thiên thần gợi cảm nhưng đầy những tương phản.

Nàng vẫn còn kết hôn, thế đã là quá đủ lí do để không tiếp cận nàng hơn mức hiện tại. Tôi có thể đặt bản thân mình vào vị trí của người chồng bị bỏ lại. Dù nàng đã trở về quê hương, nhưng tôi sẽ cảm thấy tổn thương sâu sắc nếu nàng ngủ với một tên ngoại quốc mới quen.

Mặt khác, đây là vấn đề liệu tôi có tự do để làm điều mình

muốn hay không. Gabriela đã yêu cầu tạm nghỉ trong một khoảng thời gian chưa xác định. Như vậy có nghĩa là tôi nên chờ đợi cô ấy và chung thủy trong suốt khoảng thời gian đó ư? Cô ấy có cảm thấy như vậy với tôi ở Paris hay bất kì nơi nào cô ấy đang ở hiện tại không? Hay có người đàn ông nào đó mà cô ấy không nói ra để không làm tôi tổn thương?

Trong khi đưa ra những giả thuyết chỉ gây thêm tổn thương cho bản thân, tôi cảm thấy những ngón tay lạnh lạnh của Mizuki đang vuốt ve một bên cổ mình.

“Tôi thấy anh có vẻ căng thẳng,” nàng thì thầm vào tai tôi. “Anh phải thả lỏng ra. Tôi không kì vọng sẽ có chuyện gì xảy ra giữa chúng ta, nếu đó là điều anh muốn biết. Tôi sống cho từng khoảnh khắc. Khi ở Namida, tôi chỉ muốn cùng anh đến một nơi nào đó yên tĩnh hơn, chỉ vậy thôi.”

“Tôi thấy hãnh diện đấy,” tôi cố không để nàng nhận thấy sự căng thẳng của mình. “Những chuyến đi này vẫn đang tiết lộ nhiều thứ. Tôi bắt đầu biết rằng mình là một người không biết hưởng thụ những niềm vui của cuộc sống. Vì thế người yêu mới bỏ tôi và cũng vì thế mà cô sẽ thấy thất vọng khi đêm nay kết thúc.”

Như để trả lời, Mizuki đưa ngón trở lên mũi, cái mũi nhỏ nhắn và hoàn hảo, rồi cười. Nàng chỉ vào căn nhà liền kề nhỏ gần cột đèn giao thông mà chúng tôi đã dừng lại.

Há hốc miệng, tôi thấy một *geisha* cùng với một cây đàn đi ra từ căn nhà và bước vào một chiếc xe với cửa kính màu. Chuyển động của cô ấy tinh tế đến mức trông không giống đang bước đi trên mặt đất.

“Đây là người thứ hai tôi nhìn thấy kể từ khi đến thành phố này.”

“Vậy là anh may mắn đó. Không dễ để thấy họ đâu, vào buổi tối càng khó hơn.”

“Thật ư? Tôi đã nghĩ là họ chỉ làm việc vào buổi tối ở những

bữa tiệc riêng tư.”

“Đúng là vậy, nhưng họ di chuyển rất thận trọng, như anh vừa mới thấy đó. Và *geisha* đi làm lúc tờ mờ sáng như chúng ta vừa mới thấy không phải chuyện thường gặp,” nàng nhìn tôi một cách khiêu khích. “Mặc dù đó là một *geisha* hiện đại, giống như tôi.”

“Vậy thì sẽ dễ gặp họ hơn vào ban ngày ư?” Tôi chuyển hướng chủ đề.

“Đúng thế, mặc dù chỉ còn khoảng một nghìn người trên toàn Nhật Bản, anh có thể thấy họ ở khu Gion vào buổi sáng, đang làm việc vất cùng với *maiko* của mình.”

“*Maiko* là gì?”

“Các *geisha* học việc, ở Tokyo, họ bắt đầu ở tuổi mười tám, nhưng ở đây thì mười lăm tuổi là đủ để bắt đầu với nghệ thuật trở thành một *geiko*, đây là cách chúng tôi gọi *geisha* ở Kyoto.”

“*Geiko* và *maiko*... Vậy họ làm gì ngoài chơi đàn và hát? Ý tôi là, ngoài việc ăn mặc chải chuốt tuyệt đẹp và là bậc thầy của nghệ thuật truyền thống Nhật Bản?”

“Anh đang ám chỉ những *geiko* của chúng tôi là gái bán hoa ư?”

“Không,” tôi giơ tay lên để xin lỗi, “không có gì quá...”

“Mặc dù họ tán tỉnh theo những quy tắc cũ và có thể đùa cợt cùng khách hàng, công việc của họ chưa bao giờ bao gồm quan hệ tình dục. Theo truyền thống thì họ có quan hệ với *danna*, là người tình và chỗ dựa của họ, người trả tiền đào tạo tốn kém và những chi phí còn lại của việc làm một *geiko*.”

Ngay lúc đó, xe taxi dừng lại trước một căn nhà gỗ hai tầng. Chúng tôi đã đến nơi. Mizuki trả bốn nghìn yên cho bác tài, ông ấy kích hoạt một thiết bị để mở cửa xe.

Khi xe chạy đi, nàng thông báo trong khi lấy chìa khóa ra khỏi túi: “Giờ anh sẽ biết một *geiko* thực sự làm gì.”

Ca tụng bóng tối

Giống như Mizuki đã nói, chúng tôi có thể lên trên tầng hai nơi nàng ở qua cầu thang ở phía bên trái của bãi xe. Tôi tưởng tượng ông Okamura đang ngủ say ở tầng dưới - giờ đã là hai giờ sáng rồi - trong khi cô cháu ông ta lấy cắp sự thanh bình của một tên *gaijin* tội nghiệp.

Một lần nữa, tôi đi theo nàng tới cửa, ngờ rằng ý chí của tôi khó có thể chịu đựng được buổi sáng sớm này thêm vài vòng nữa.

Nàng mời tôi vào trong căn gác mái. Vì nó là như thế: một không gian mở không có vách ngăn, ngoại trừ một tấm bình phong bằng giấy lùa ngăn cách đệm nằm với phần còn lại của căn phòng.

Ánh sáng nhẹ nhàng từ nhiều nguồn khác nhau chiếu trên sàn tạo cảm giác của một sàn nhảy hiện đại.

“Đây từng là xưởng của chú tôi khi vẫn còn làm điêu khắc,” Mizuki nói. “Từ khi cô tôi mất, chú ấy chỉ làm vài giờ rồi dành hết thời gian tại quán bar ở Gion. Tôi nghĩ là chú ấy có gì đó với bà chủ, nếu không thì tôi cũng không biết tại sao chú ấy suốt ngày ở đó.”

“Có lẽ ông ấy chỉ thi thoảng muốn hát một bài thôi,” tôi không thể tưởng tượng ra chuyện lãng mạn với người phụ nữ cứng nhắc và khô khan đó.

Thực tế thì tôi chưa từng thấy họ nói chuyện một lần nào trong ba lần tôi đã ở đó. Mizuki kéo tôi quay lại với căn hộ khi giải thích: “Khi tôi đến chỗ này ba tháng trước, tôi chuyển tất cả mọi thứ ở đây đến kho để bài trí căn hộ này theo ý mình.”

“Rất đẹp đấy chứ,” tôi nói với ý định sang phía bên kia của tấm bình phong, nơi tôi đoán là có phòng khách.

“Anh ngồi trên giường của tôi đi,” nàng nói với cái bóng của tôi. “Cứ tự nhiên. Tôi cần phải tắm nhanh đã.”

Trước khi tôi kịp phản đối, nàng đã biến mất sau tấm chắn bằng giấy lụa.

Hoàn toàn lạc lõng, phép lịch sự ngăn tôi sang phía bên kia của căn nhà khi chưa được mời. Có lẽ Mizuki đã cởi quần áo - tôi nghe thấy tiếng giày rơi xuống sàn gỗ - và giờ đang khỏa thân đi lại giữa phòng tắm và phía bên kia của căn nhà.

Trong đầu tôi chỉ chấp nhận hai phương án: hoặc là ra khỏi căn nhà này ngay lập tức và lang thang quanh khu dân cư này để tìm xe taxi, hoặc là làm như nàng bảo.

Tôi chọn phương án thứ hai dù không biết sẽ trốn bằng cách nào nếu mọi việc chuyển sang hướng có thể đoán trước được.

Chán nản với bản thân và những nỗi lo lắng, tôi ngồi xuống một bên giường, thậm chí còn không cởi giày. Trước mặt tôi là tấm bình phong kia, qua đó một ánh đèn mạnh hơn chiếu sáng từ phía bên kia căn nhà.

Sau đó ánh mắt tôi hướng sang đồ nội thất duy nhất trong nhà, ngoài chiếc giường thấp: một cái bàn đầu giường với máy phát đĩa CD và tập sách nhỏ đặt bên trên. Tò mò hết thuốc chữa, tôi cầm nó lên.

Đó là phiên bản Mỹ của một cuốn sách mà lâu lắm rồi tôi chưa được cầm. Tác phẩm kinh điển *Ca tụng bóng tối*, do Tanizaki^[69] viết năm 1933.

Tôi đã đọc ở đâu đó rằng tính thẩm mỹ Nhật Bản, ngoài tự tái tạo trong sự bất toàn, cơ bản và phù du, còn coi bóng tối như một yếu tố cơ bản trong kiến trúc của các địa điểm.

Trong khi phương Tây tôn trọng những gì sáng sủa, bóng loáng

và thẳng tắp, người Nhật lại thấy hứng thú với những gì không đối xứng và bị bóng tối che khuất.

Tôi đang chuẩn bị lao vào đọc thì nghe tiếng mở vòi hoa sen ở phía bên kia căn nhà. Vẫn còn say sưa vì đồ uống, giờ giấc muộn màng và niềm hứng thú khi tìm thấy cuốn sách này, trí tưởng tượng của tôi chuyển sang cơ thể đang đứng dưới làn nước ấm.

Khi nhận ra má đang nóng lên và bụng dạ trống rỗng, tôi trốn vào trong cuốn sách nhỏ của Tanizaki.

Hơi thở cuối cùng của cuộc sống

Tôi bị quyến rũ bởi những suy tư của tiểu thuyết gia hiện đại đáng kính nhất Nhật Bản về nét đẹp của kim loại bị xỉn đi theo thời gian.

Tanizaki bị bất ngờ rằng phương Tây dùng dụng cụ bằng kim loại sáng bóng trên bàn ăn, trong khi người Nhật lại thấy những vật sáng loáng như vậy rất xấu. Khi phải dùng ấm, chén hoặc bình bạc, họ thích bề mặt của chúng đã tối màu đi rồi, điều có nghĩa là vật này đã sống và mang trong mình lịch sử.

Ai đó nói rằng có những xúc cảm tinh tế trong một bình trà, do con người và những cuộc trò chuyện xung quanh nó, và tôi đang khám phá dần vẻ đẹp của những điều đã trải qua cơn bão của thời đại.

Tâm hồn tôi giờ có đẹp hơn khi bị đen đi vì sự biến mất của Gabriela không? Việc tôi thấy bản thân đang ở trên giường của một cô *geisha* - hay là *geiko* - hiện đại có thể mang nghĩa là có.

Thời gian làm cho mọi thứ tối đi, rõ ràng vậy. Điều mà tôi không thể ngừng nghĩ tới chính là việc màu đen này có thể được coi là đẹp.

Việc này làm tôi nhớ tới những gì người ta nói về sơ yếu lý lịch mà những người Mỹ muốn vào vị trí quản lý đã gửi đi. Trong khi ở châu Âu chúng tôi chỉ ghi thành tựu, thì một người Mỹ dù có bị phá sản khi lập công ty riêng, vẫn đưa thông tin đấy vào lý lịch như một chiến tích can đảm.

Điều đáng xấu hổ với chúng tôi lại là một trải nghiệm có giá trị

hơn bất cứ bằng cấp hay thành tựu nào đối với người khác. Những người đã biết giếng sâu thế nào sẽ không ngã vào đó lần thứ hai.

Tiếng vòi nước đã tắt và khiến tôi căng thẳng. Ngồi ở mép đệm, tôi cúi người xuống cuốn sách như một thầy tu cố cách li bản thân khỏi những cám dỗ của thế giới.

Tổ tiên của chúng ta dù có muốn hay không, buộc phải cư trú ở trong những căn nhà tối, một ngày họ phát hiện ra nét đẹp của bóng tối và họ không mất nhiều thời gian để sử dụng bóng tối để tạo ra hiệu quả thẩm mỹ.

Nét đẹp của căn phòng Nhật chỉ được tạo ra bằng cách điều chỉnh mức độ mờ đục của bóng tối và không cần thêm phụ kiện gì. Người phương Tây khi nhìn thấy vậy khá bất ngờ với sự trống trải này, tin rằng họ đơn độc trước những bức tường xám xịt và không được trang hoàng gì, một cách giải thích hoàn toàn hợp lý từ góc nhìn của họ, nhưng thể hiện rằng họ chưa hoàn toàn nắm bắt được điều bí ẩn của bóng tối.

Sau đó Tanizaki giải thích rằng ánh sáng gián tiếp là cần thiết để đạt được vẻ đẹp trong một căn nhà Nhật Bản. Những bức tường được sơn các màu nhạt và trung tính để đạt được “ánh sáng hao mòn, mờ ảo và bất ổn”.

Đoạn này trong *Ca tụng bóng tối* chốc lát khiến tôi quên đi sự bồn chồn mà tôi cảm thấy trong tình trạng của mình.

Chúng ta thích sự sáng sửa nhẹ nhàng, tạo ra từ ánh sáng bên ngoài và sự xuất hiện không chắc chắn, bị trói buộc giữa bề mặt các bức tường màu hoàng hôn và chỉ lưu giữ lại hơi thở cuối cùng của cuộc sống, hoặc thậm chí cả sự u ám này, có giá trị hơn tất cả những đồ trang trí trên thế giới và chúng ta không bao giờ cảm thấy mệt mỏi với

hình ảnh này.

Đột nhiên tôi biết rằng cuốn sách nhỏ này không tình cờ ở đây. Sự hiện diện của nó là cố ý và có thể đoán trước được là tôi sẽ đọc nó trước khi thời điểm hiện tại bắt đầu.

Từ đằng sau tấm bình phong, bóng của Mizuki mặc kimono xuất hiện. Cái bóng đủ chính xác để thấy nàng đã thả búi tóc ra và mái tóc dài buông xõa trên vai.

“Anh có thể bật bài đầu tiên trên đĩa không?” Nàng hỏi từ phía bên kia.

Cơ thể căng thẳng tột độ, tôi mở nắp của máy phát để chắc chắn là có đĩa ở trong. Đó là album *BTTB* của Sakamoto Ryuichi^[70] và bài đầu tiên có tên là *Energy Flow*.

Khi giai điệu piano vang lên, ánh sáng nhè nhẹ bên phía tôi vụt tắt, cùng lúc đó ánh đèn ở phía bên kia tấm bình phong mạnh lên, lần theo chính xác từng đường nét.

Những gì tôi thấy tiếp theo khiến tôi phải nín thở.

Điệu múa bóng

Dưới những giai điệu lãng mạn tuyệt đẹp, cái bóng của Mizuki đã mất đi áo kimono và thể hiện hình dáng trần trụi. Đầu tiên nàng không cử động, quay mặt về phía tôi, rồi duỗi tay ra phía trước và quay một vòng.

Theo những hợp âm rải rác của bản *Energy Flow*, nàng di chuyển theo vũ điệu của bóng tối. Bóng tối đẹp nhất thế gian này.

Nàng vũ công hạ tay xuống đồng thời ngẩng đầu lên trần nhà. Trên tấm bình phong họa lên sợi tóc thả xuôi theo lưng, trong khi thể hiện đường nét của bộ ngực với hình dáng hoàn hảo.

Nàng giơ chân lên và giữ ở trên không trung như một vũ công đông cứng trong cử động của mình. Sau đó nàng xoay từ từ, khi ấy cơ thể tạo thành những hình bóng nhẹ nhàng hòa quyện vào nhau.

Cảm giác ngây ngất trước vẻ đẹp khiến tôi nghĩ tới Hội chứng Stendhal^[71], các giác quan của tôi như bị trói chặt trong điệu nhảy ma mị của nàng *geiko* hiện đại kia.

Khi bản nhạc piano kết thúc, ánh đèn trong căn nhà cũng tắt.

Tôi ở yên tại chỗ, ngồi trên giường dù không biết chuyện gì sẽ xảy ra tiếp theo. Tôi không có bất kì sự kiểm soát nào với những gì xảy ra vào tối nay.

Tôi có cảm giác nàng tiến lại gần, rất chậm rãi, với những bước chân trần của một vũ công. Vì không nhìn thấy nàng lại gần, nên tôi giật mình khi giọng nói nàng vang lên bên tai: “Anh có muốn tôi gọi taxi giùm không? Chắc là anh rất mệt rồi.”

Tôi đồng ý, mặc dù có phần nào đó trong tôi không muốn rời xa

cái bóng sẽ sớm hiện thân thành một cơ thể.

Mizuki trở ra để bật đèn ở phía bên kia căn gác mái. Nàng đã mặc lại áo kimono, trong khi gõ các chỉ dẫn vào điện thoại để taxi tới đón tôi.

Tôi nhớ những lời nàng nói ở quán nướng, trước khi tới quán cà phê của những khúc nhạc buồn. Nàng đã nói tối nay tôi sẽ có thể chứng minh được rằng tôi thực sự mừng vì nàng hạnh phúc. Như vậy nghĩa là sao? Đỉnh điểm ham muốn của nàng chính là điệu múa bóng kia ư?

Một lần nữa làm tôi bất ngờ, Mizuki chui xuống dưới chăn và cởi kimono ra. Khuôn mặt chìm trong gối, mắt nhắm nghiền, nàng nói: “Anh để ý màn hình điện thoại của tôi nhé. Khi nào nó sáng lên và rung hai lần, tức là xe taxi đã tới trước cửa. Anh có thể tắt đèn ở công tắc bên cạnh cửa được không?”

Nửa phút sau, nàng đã thở sâu và ngắn, như thể đã chìm hẳn vào giấc mộng.

Tôi ngồi yên lặng bên cạnh, trong lúc nàng ngủ mà không hề quan tâm là tôi ở đó. Mái tóc đen trải trên gối như một con thú lạ với hàng nghìn xúc tu bằng lụa.

Tuân theo sự bức đồng không phải của chính mình, tôi cầm một lọn tóc giữa hai ngón tay và kéo nhẹ để cảm nhận kết cấu của nó. Lọn tóc thậm chí còn mỏng manh hơn vẻ ngoài, vì thế tôi không thể tưởng tượng được làn da nàng sẽ mềm mỏng và mượt mà thế nào.

Chiếc điện thoại trên bàn đầu giường sáng lên và rung hai lần.

Tôi nghĩ taxi đã đến, chấm dứt được những suy nghĩ kia là một điều may mắn. Sau khi khỏa thân nhảy vũ điệu bóng tối, giờ nàng *geiko* này cho phép tôi ngắm nhìn nàng khi ngủ. Những món quà thân mật này đủ để nuôi dưỡng trí tưởng tượng của tôi suốt quãng đời còn lại.

Thông minh đấy, tôi không cần thêm gì nữa.

Tôi đắp chăn lên cánh tay còn hở ra ngoài của nàng trước khi tắt đèn và xuống cầu thang.

Ở phía bên kia hàng rào của căn nhà, tài xế taxi đã đợi với đèn xe bật sáng, ông ấy đang đọc sách, không hề thiếu kiên nhẫn. Trong khi đi ra xe, tôi đột nhiên cảm thấy ngưỡng mộ sâu sắc với vùng quê của sự thanh lịch trầm lặng này.

Khi bầu trời không một gợn mây

Sau một đêm đầy mộng mị với Mizuki là tâm điểm, với nhiều phiên bản khác nhau - cô gái giản dị với thôi thúc muốn tự tử, thiếu nữ ở cùng bộ tộc Ainu, người phụ nữ quyến rũ chết người, vũ công bóng tối - tôi thức giấc với cơn đau đầu khủng khiếp.

Tôi thử ăn sáng với cơm và cá, rồi xuống *onsen* cùng một trong mấy cuốn sách của Titus. Trong lúc đổ xô nước lên đầu, tôi tự nhủ là ông già sẽ lại bị thất vọng khi thấy tôi không hề tìm được thêm tài liệu nào mới.

Tôi đã ở Nhật mười ngày và vẫn chưa có thêm tiến triển gì với chủ đề này, ngoài chuyến thăm ba con ếch và đọc sách của Tanizaki. Thậm chí tôi còn không biết tại sao ếch quán này lại có tên là Ếch Lam. Mấy con ếch với màu sắc không thể có đấy ở đâu ra cơ chứ?

Tôi ngâm mình xuống bồn nước lưu huỳnh như một đô vật sumo. Cơn đau đầu có vẻ lan ra khắp cơ thể khi tôi ngồi xuống.

Ngồi một mình trong suối nước nóng, vào giờ này của buổi sáng, tôi nghĩ các khách trọ tại nơi này hẳn là đang chốt hợp đồng hay dâng hương lên một trong 1.600 ngôi chùa ở đây. Tôi vẫn chưa thăm thú ngôi chùa nào, cộng với hoạt động thực địa ít ỏi của mình, tôi cảm thấy bản thân hoàn toàn vô dụng.

Tốt nhất là quay lại Barcelona càng sớm càng tốt. Tôi có thể giúp Titus biên soạn sách, bên cạnh việc chuẩn bị bài giảng cho năm học tới.

Nghĩ tới chuyện quay lại với các thói quen khiến một cảm giác

cay đắng xâm chiếm lấy tôi. Ít nhất thì tôi đang trải qua những cuộc phiêu lưu kì lạ ở Kyoto này, như phát hiện ra quán karaoke đơn độc hay buổi tiệc tối cuối cùng với Mizuki.

Mặc dù vậy, tôi nhận thức được rằng đây chỉ là một kì nghỉ, như Gabriela ở Paris, và sớm hay muộn tôi cũng phải trở về. Trong số nhiều nguyên do thì là sau mười ngày, số dư trong thẻ tín dụng của tôi đang ở dưới mức tối thiểu.

Trong bốn ngày nữa, thẻ đi tàu của tôi sẽ hết hạn.

Nếu không muốn trả một đồng tiền để đi tàu cao tốc tới Tokyo và Narita, tôi cần phải quay lại sân bay trước khi hết hạn.

Giữa đồng hồ độn những suy nghĩ thực tế và sống còn, tôi cầm lấy một cuốn sách về *Wabi Sabi*. Ngạc nhiên thay, tuyển hợp này có một đoạn trích từ *Nhật kí Anne Frank*^[72] mà tôi không biết:

Tôi nằm trên sàn, nơi yêu thích nhất của mình, để nhìn ngắm bầu trời xanh, cây hạt dẻ vẫn chưa trút lá, những nhành cây vẫn còn óng ánh sương, hải âu cùng các chú chim xám khác vút qua không trung. (...) Phía trên mái nhà là đường chân trời thật trong và xanh. Tôi tự nhủ: Khi vẫn còn ánh mặt trời rạng rỡ, bầu trời không một gợn mây và tôi vẫn có thể cảm nhận thấy điều đó trong tâm hồn, thì tôi không thể buồn bã được.

Liều thuốc tốt nhất cho ai đó đang sợ hãi, hay cảm thấy cô đơn và khổ sở, chính là ra ngoài và tìm một nơi hù quanh có liên kết với trời xanh, thiên nhiên và Chúa. Chỉ có như vậy ta mới cảm thấy mọi thứ đều ổn và rằng Chúa muốn nhìn thấy con người hạnh phúc khi ở giữa thiên nhiên giản dị nhưng tuyệt đẹp. Trong khi tất cả những điều này còn tồn tại, tôi chắc rằng mọi nỗi buồn sẽ tìm được sự an ủi, dù là do bất kì hoàn cảnh nào gây ra.

Những lời của một cô bé mười sáu tuổi sắp bị hành quyết bằng

khí độc khiến tôi thấy xấu hổ với bản thân. Không chỉ vì cô bé viết hay hơn tôi, mà còn vì từ nơi ẩn náu, cô bé vẫn có thể tận hưởng những điều mà một người đàn ông hoàn toàn tự do tự tại lại không cho phép bản thân cảm nhận.

Trong những năm vừa qua, có bao nhiêu lần tôi ra tận hưởng không khí trong lành? Chuyển đi dạo bình yên quanh Nikko là sự tiếp xúc đầu tiên của tôi với miền quê sau một thời gian rất dài.

Đây là chưa nói tới những thú vui khác của cuộc sống, liên tục gây ra những tình huống đạo đức khó xử với một người đàn ông tự tẩu thoát tất cả để tiếp tục than thở là tôi đây.

Chính lúc này và tại đây là một người đàn ông không có trách nhiệm nào khác ngoài việc tận hưởng một trong những thành phố đẹp đẽ nhất trên thế giới. Vấn đề là ở đâu?

Tôi không có câu trả lời cho câu hỏi về mấy con ếch, nhưng câu này thì có: Vấn đề chính là tôi.

Long An Tự

Thay đồ xong, tôi đi xuống quầy lễ tân, một bất ngờ lớn chờ đợi tôi. Mizuki đang ngồi ở ghế gần bàn lễ tân. Trong nỗ lực hóa thân mới, sáng hôm nay nàng ăn vận kiểu lãng mạn và có hơi hướng của thời Victoria. Váy hoa xinh đẹp và giày cao gót. Cặp kính râm và mũ đi biển cho thấy thời tiết ở ngoài khá tốt.

Như thể có hẹn với một cô gái Địa Trung Hải, tôi hôn lên hai má nàng. Đôi má lạnh và mịn như sứ.

“Tôi nghĩ là cô chỉ ra ngoài vào buổi tối thôi chứ,” tôi đùa. “Dù cô nói các *geiko* cũng phải làm việc vất vào ban ngày. Cô muốn tôi hộ tống tới đâu?”

“Tôi muốn chỉ cho anh một thứ có thể truyền cảm hứng cho cuốn sách của anh. Đó không phải là một trong những ngôi chùa ngoạn mục nhất, nhưng đó là nơi bí ẩn nhất.”

Sau đó, nàng chìa tay ra để chúng tôi cùng ra khỏi lễ quán, đây không phải là thói quen đặc trưng của các cô gái Nhật Bản. Ở đây, các cặp đôi không bao giờ đi vừa nắm tay nhau hay thể hiện tình cảm ở nơi công cộng, mà chúng tôi cũng không phải là một cặp đôi. Chúng tôi thậm chí còn không phải là hai người bạn. Vậy thì chúng tôi là gì? Điểm giao nhau giữa hai tâm hồn cô độc.

Trong khi cùng đi ra con phố đông đúc đầu tiên, tôi đặt ra một câu hỏi hiển nhiên: “Cô cảm thấy mình là người Mỹ hay người Nhật nhiều hơn?”

“Về mặt văn hóa thì tôi là dân California. Tôi sống ở đó từ lúc mười tuổi, khi bố mẹ tôi chuyển tới bờ Tây nước Mỹ vì công việc,”

nàng nghĩ một lúc trước khi kết luận. “Hai phần ba cuộc đời tôi trải qua ở Mỹ, thế nên có lẽ tôi là người Mỹ. Tuy nhiên, về mặt tâm linh, tôi thấy mình là người Nhật.”

Một chiếc taxi dừng lại trước khi tôi có thể hỏi nàng muốn nói gì với câu vừa rồi. Sau khi giải thích nhanh với tài xế, nàng chống tay lên đầu gối trắng ngần.

Chiếc xe hòa vào dòng giao thông của buổi trưa ngày thứ Sáu. Tôi không hề biết chúng tôi đang đi đâu, nhưng tôi muốn biết câu chuyện của Mizuki, thế nên tôi hỏi thêm thông tin về cuộc sống của nàng ở California.

“Tôi học ngành tâm lí ở Berkeley, mặc dù chưa bao giờ hành nghề,” nàng giải thích. “Tôi có hứng thú với nghệ thuật, giống như chú tôi vậy, và tôi kết hôn với một người có phòng tranh ngoài trời ở Palo Alto. Tôi có tham gia vào việc kinh doanh.”

“Richard.”

“Phải, tôi ở với anh ấy từ khi kết thúc khóa thạc sĩ lúc hai mươi lăm tuổi. Năm năm và chúng tôi không có một trận cãi vã nào.”

Giọng nàng hơi run, nhưng cặp kính sẫm màu khiến tôi không thấy được vẻ mặt nàng.

“Nhưng nếu anh ấy là người tốt, yêu cô và cô có thể làm điều mình thích cùng với anh ấy... Thế thì tại sao cô lại bỏ anh ấy?”

“Tôi không biết.”

Câu trả lời ngắn gọn và khô khan đó cho thấy nàng không muốn tiếp tục nói chuyện nữa, nhưng tôi từ chối dừng câu chuyện vào lúc này.

“Đêm đầu tiên, cô nói với tôi là cô đã phạm phải sai lầm lớn nhất của cuộc đời. Rằng cô vẫn còn yêu anh ấy nhưng không thể nào quay lại được. Ý cô là sao?”

Câu hỏi này chỉ có vậy, tôi nhận thấy mình đã thiếu thận trọng

đến mức nào. Và không phải chỉ mình tôi cảm thấy vậy, vì nét mặt của Mizuki căng lại trước khi trả lời: “Tôi đã lên giường với bạn thân của anh ấy. Trí tò mò của anh đã thỏa mãn chưa?”

“Xin lỗi, tôi không muốn...”

“Người này trước kia điên cuồng vì tôi, và khi đạt được mong muốn, anh ta vẫn không hài lòng với chuyện đó. Anh ta làm đủ mọi thứ để cho cả thế giới biết, bao gồm cả Richard,” giọng nàng đột nhiên gằn lại. “Kẻ ngu ngốc đó nghĩ rằng bằng cách đấy thì anh ta sẽ có được tôi, nhưng anh ta tính toán sai rồi. Sau đồng hồ độn đó, tôi về Kyoto và giờ thì vẫn chưa quay trở lại.”

Taxi đến trước cổng chùa Ryoan-ji, theo sách hướng dẫn du lịch thì có nghĩa là Long An Tự.

Hiểu rằng mình đã xâm phạm giới hạn của người bạn đồng hành, tôi cố gắng làm bầu không khí đỡ căng thẳng bằng những câu nói thường thấy của một *gaijin*.

“Tôi có đọc được rằng đây là khu vườn thiền với đá nổi tiếng, đúng không?”

“Đây có lẽ là khu vườn khô nổi tiếng nhất Nhật Bản. Những tín đồ Thiền đều đến đây, nhưng tôi không nghĩ là anh hiểu được lí do.”

Vườn khô

Giống như Mizuki đã nói, tôi không thấy được phép màu của bãi cát với mười lăm hòn đá trôi nổi như những hành tinh kì lạ đó. Nhưng những du khách Nhật mê mẩn ngắm nhìn và không ngừng quay đi quay lại để quan sát và chụp ảnh nơi gọi là “vườn khô” này.

Ngồi trên ghế trước khu vườn, hướng dẫn viên của tôi giải thích: “Anh có thể thấy đấy, khu vườn này được tạo nên từ mười lăm hòn đá với kích cỡ khác nhau. Ngoài ra, nó còn có một thứ gây tò mò nữa: Dù đứng ở bất kì chỗ nào, anh vẫn luôn chỉ thấy mười bốn hòn đá, không hơn không kém.”

“Và đây là điểm hấp dẫn của vườn khô này ư?”

“Không phải điểm hấp dẫn, mà là nét riêng,” nàng sửa lại. “Người ta nghĩ rằng tác phẩm Thiền này có từ thế kỉ 15. Do một thầy tu trường phái Rinzai tạo ra.”

“Ý nghĩa của nó là gì?” Tôi quan tâm. “Tôi đoán những hòn đảo đá này không phải là ngẫu nhiên. Chắc hẳn phải có ý nghĩa gì đó trong triết lí Thiền.”

“Chắc là có ý nghĩa gì đó, nhưng không ai biết là gì. Tác giả của nó không để lại một văn bản nào để giải thích. Thế nên khu vườn này trở thành một bí ẩn, gần như một *koan*^[73] không có lời giải.”

“Điều này giống như bí ẩn của nhà trọ mà cô vừa đón tôi. Nó tên là Lữ quánẾch Lam, nhưng tôi chưa từng nhìn thấy một conẾch Lam nào cả.”

Mizuki bỏ kính râm ra để nhìn thẳng vào tôi. Tôi hiểu rằng

mình vừa mới trộn lẫn một câu hỏi thiêng liêng với một sự ngỡ ngẩn của một người với bộ não khô cằn như khu vườn này.

Phần còn lại của buổi chiều, chúng tôi đi thăm hai nơi nữa. Một là Kiyomizudera, ngôi chùa bằng gỗ đỡ được bao quanh bởi những khu rừng kì vĩ trải dài tới những ngọn núi. Chúng tôi thực hiện truyền thống uống nước ở một trong ba con kênh chảy từ núi xuống ao.

Hơn cả những công trình, điều khiến tôi ấn tượng về nơi này là khung cảnh hùng vĩ của rừng núi, và mặt khác, là toàn cảnh Kyoto, nhìn từ trên cao, trông như một thành phố nhỏ hiện đại và vô hồn.

Chuyến thăm cuối cùng trước khi mặt trời lặn là đền Fushimi Inari Taisha, một quần thể đền Thần đạo lớn. Trước những tòa kiến trúc linh thiêng, vài hình nộm bằng gỗ với đầu cáo đảm nhiệm việc bảo vệ các linh hồn. Tôi thấy tò mò về những con vật đeo yếm thư pháp đó.

Tuy nhiên, điều gây ấn tượng nhất của con đường này, chính là dãy những cánh cổng *torii* cong cong màu đỏ, được tạo thành bởi hàng nghìn cây cột, kéo dài tới tận chân núi.

Trở lại với ga tàu - chúng tôi đã đi khá xa khỏi thành phố rồi - tôi có cảm giác chân mình hơi đau. Ngược lại, Mizuki có vẻ như đang ở trong thể trạng tốt nhất, giống như một con chim ăn đêm thức giấc cùng bóng tối.

“Nếu anh đi cùng tôi đến quán bar Samuel, tôi sẽ hát cho anh nghe một bài mà anh sẽ không bao giờ quên.”

“Tôi đang định bảo là tôi sẽ về nghỉ tối nay, nhưng tôi không muốn lỡ màn trình diễn này đâu. Bài hát tên là gì vậy?”

“Ngược lên trong khi bước đi^[74].”

Kiệt sức vì leo từ đền này sang chùa khác, tôi nghĩ là nàng đang trêu mình. Nàng kiên quyết rằng đấy là một trong những ca khúc

ballad Nhật nổi tiếng nhất mọi thời đại.

“Đó là bài mà cô định hát trước khi nhảy xuống vách đá ư?”

“Phải. Tên bài hát rất phù hợp, đúng không?” Nàng nói như thể chuyện tự tử là điều gì đó thú vị. “Nhưng nó không chỉ liên quan đến leo núi hay đi bộ. Đây là một bài hát về hạnh phúc và nỗi buồn.”

“Vậy thì tôi tò mò muốn biết lời bài hát viết gì,” tôi nói khi đã lên con tàu sẽ đưa chúng tôi về khu trung tâm.

“Rồi anh sẽ biết, đừng nghĩ nhiều. Hiện tại thì tối nay tôi sẽ hát cho anh nghe.”

Những chiếc tất thủng lỗ

Khi quay về cái ngõ cổ kính dẫn tới quán trọẾch Lam và quán karaoke, Mizuki làm tôi bất ngờ với một câu hỏi kì lạ: “Anh có biết khi nào thì tình yêu với bạn đời của mình kết thúc không?”

“Không... Khi cô có một cuộc phiêu lưu với ai đó ư?”

“Đây là hậu quả khi kết thúc một chuyện tình, nhưng những dấu hiệu rằng mọi thứ đã kết thúc lại bắt đầu từ lâu.”

“Chúng là gì?” Tôi hỏi, không thoải mái với chủ đề này. “Tôi phản xạ chậm và không biết nhìn nhận những điều này. Nếu mà biết thì...”

“... thì anh có lẽ đã cố tránh để cho con chim thiên đường bay ra khỏi lồng rồi,” nàng cắt ngang. “Ta thường không nghĩ đến điều tôi sẽ nói với anh bây giờ, nhưng đó là một bản chụp X-quang chính xác về tất cả các mối quan hệ. Để xem tôi có thể giải thích được cho anh không...”

Chúng tôi đã tới quán bar mang tên tôi, nhưng vẫn chưa vào trong. Tựa lưng vào tường, Mizuki gập một chân lại trong khi diễn giải lí thuyết của mình.

“Tình yêu là một sự điên rồ và là nguồn cảm hứng. Plato đã nói rằng tất cả sẽ trở thành nhà thơ khi yêu. Không người này thì người kia cũng sẽ trở nên điên khùng để gây ấn tượng với đối phương. Vì thế, khi tất cả mọi thứ đều ổn, bạn đời của anh gây bất ngờ trong dịp sinh nhật hay Giáng Sinh bằng một chuyến du lịch tới một nơi anh không thể tưởng tượng là có tồn tại, hay là bịt mắt anh để đưa tới một nhà hàng bí mật. Những thứ như vậy.”

Mizuki ngừng lại để hít một hơi thật sâu trước khi tiếp tục. “Vì cùng một mục đích, khi người bạn đời bắt đầu tặng quà gì thực tế thì có nghĩa là đam mê đã tàn lụi rồi.”

“Những món quà thực tế mà cô nói là sao?” Tôi cảnh giác.

Món quà gần đây nhất tôi dành cho Gabriela là ghi danh vào một khóa học tiếng Hebrew mà tôi biết rằng đã khiến cô ấy rất vui.

“Ý tôi là những thứ mà anh cần trong cuộc sống hằng ngày, những món quà có thể dùng được: áo mưa cho những ngày mưa, đôi giày mới với cùng kiểu dáng với đôi rất cũ mà anh đang đi, áo sơ mi và quần lót. Đây là chỉ nói đến quần áo. Còn nữa, là những đồ vật mà anh cần, nhưng trong trường hợp bình thường thì anh sẽ tự đi mua. Anh có thể tưởng tượng nàng Juliet của Shakespeare tặng cho người tình vài cái áo sơ mi và quần lót không?”

“Tôi không thích cô cứ hay chỉ trích như vậy,” tôi nổi giận. “Có thể tặng một trăm bông hồng hoặc là một hình trái tim được làm từ chính tóc của mình sẽ lãng mạn hơn, nhưng quà tặng thực tế thể hiện rằng cô không muốn bạn đời của mình thiếu thốn những gì cần thiết. Nếu cô nhìn thấy người yêu của mình đi tất thủng lỗ, cô sẽ tặng anh ấy bốn đôi. Chỉ đơn giản vậy thôi. Có vấn đề gì chứ?”

“Anh có biết Oscar Wilde nói gì không? *Hãy tặng tôi những gì thừa thãi, để cả thế giới có thể có những gì họ cần.* Rõ ràng là ông ta rất giàu có... Dù thế nào thì vấn đề là bạn đời của anh chỉ dành nửa phút để nghĩ ra quà tặng cho anh, trong khi trước đây thì họ lên kế hoạch trong nhiều ngày liền.”

“Trước đây...” Tôi sẵn sàng bác bỏ điều mà tôi cho là một tầm nhìn thiếu chín chắn về tình yêu. “Trước đây thậm chí cô còn không biết rằng bạn đời của mình có đồng tất thủng lỗ đó. Phải sống chung với nhau thì mới biết được. Mỗi quan hệ phát triển theo hướng thường nhật hơn là điều tự nhiên.”

Là một người đàn ông bị người yêu, người còn chưa từng cùng

chung sống đó, tôi nhận ra điều không đồng nhất trong những điều mình nói. Tôi đã nói đỡ cho hàng triệu người dùng quần lót, áo sơ mi và tất mới như một hành động của tình yêu.

Đúng lúc đó, cửa quán bar bật mở và Okamura bước ra. Cái cách mà ông ta la hét cho thấy ông ta lại say rượu rồi.

“Hai người làm cái quái gì ở ngoài này vậy! Ông già tội nghiệp này không muốn uống rượu một mình.”

“Vâng, chúng tôi vào đây,” tôi nói, hài lòng với chuyện dừng chủ đề này ở đây. “Cô còn hứa sẽ hát cho tôi nghe mà.”

“Tôi đang nghĩ sẽ tính tiền anh đấy.”

Không hiểu ý nàng muốn nói gì, chúng tôi vào trong quán karaoke nhỏ. Sau khi gọi rượu sake lạnh không lọc cho hai người, Mizuki yêu cầu bài *Ngước lên trong khi bước đi*.

Với nhạc dạo đầu bằng tiếng mộc cầm và violin, có vẻ như đây là một khúc ballad từ thuở xa lắc rồi. Giai điệu lạc quan một cách ngây thơ.

Ue wo muite arukou
Namida ga koborenai you ni
Omoidasu haru no hi
Hitoribocchi no yoru^[75]

Giọng của Mizuki mượt và du dương bất ngờ, thổi vào giai điệu của những thước phim hoạt hình của thời kì khác.

Đó mới chỉ là phần đầu của các ca khúc mà nàng và người chú hát trong tối hôm đó. Trong khi những chai rượu sake ngày càng với đi trước sự hứng khởi của bà chủ quán.

Hãy cho kẻ ngốc một đêm khoái lạc

Đã là ba giờ sáng khi chúng tôi loạng choạng bước ra khỏi quán. Có lẽ vì chưa bao giờ có một nhóm bạn để làm trò điên khùng, tôi không nhớ mình đã từng uống nhiều như vậy. Tôi hành động từ ý chí của một ai đó đến mức mà tới tận lúc này tôi chưa hề muốn biết.

“Anh nên uống sake thường xuyên hơn,” Mizuki cười trong khi vòng tay ôm eo tôi. “Đêm nay, anh đã rũ bỏ được vẻ ngoài của một giảng viên nhàm chán đang tức giận với cả thế giới rồi.”

“Đêm nay tôi không biết mình là ai nữa.”

“Càng tốt. Thỉnh thoảng tự đánh lạc hướng bản thân cũng được. Anh muốn kết thúc đêm nay thế nào?”

Trong trạng thái lâng lâng do rượu, có quá nhiều khả năng xảy ra trong đầu tôi và tôi thì không muốn nói ra. Mizuki đã tỏ rõ là không còn kết hôn nữa, và sự thiếu vắng những tin nhắn của Gabriela cho thấy rằng tôi cũng không còn quan trọng với cô ấy nữa.

Tôi tự do, nhưng không quen với việc liều lĩnh, nên tôi đưa quyền quyết định cho nàng.

“Hãy tưởng tượng cô là biên kịch và đạo diễn của một bộ phim với nhân vật chính rất giống tôi đi.”

Giống như lúc trước, khi chúng tôi bàn luận về áo sơ mi và tất trước quán bar, giờ chúng tôi nói chuyện trước cửa lữ quán của tôi. Nàng cười sáng khoái với mái tóc bù xù.

“Tôi thích anh giao những trách nhiệm này cho tôi đấy. Kể cho

tôi thêm chi tiết về bộ phim này đi.”

“Người đàn ông trong câu chuyện của cô là một kẻ bảo thủ và luôn sợ sai. Anh ta đã quá quen với việc làm mọi thứ theo cách đúng, ngay cả trong chuyện tình cảm cũng vậy.”

“Tiếp đi.”

“Gần như không biết bằng cách nào, anh ta lại có mặt tại Nhật. Khoảng cách tốt cho anh ta, vì cô người yêu đã yêu cầu tạm nghỉ và không đưa ra tín hiệu tích cực nào.”

“Nói cách khác: Cô người yêu đã chuyển hướng sang người khác, nhưng vẫn không dám nói điều này cho anh ta. Tiếp tục đi.”

Trong những trường hợp bình thường, câu nói này sẽ gây tổn thương sâu sắc cho tôi, nhưng tôi đang quá lâng lâng vì rượu để cảm thấy đau lòng.

“Người đàn ông nhàm chán này gặp một cô gái Nhật rất đẹp và kì lạ đã lớn lên ở Mỹ. Có lẽ đó là người phụ nữ quyến rũ nhất anh ta từng gặp trong đời và mơ tưởng đến một cơ hội khác với cô ấy.”

“Cuộc sống đầy những khả năng mà,” nàng nói trước khi huých tôi bằng hông. “Ai đó đã nói vậy.”

“Hãy tưởng tượng khả năng đó đang ở rất gần và người đàn ông muốn cô ấy một cách mãnh liệt, nhưng đồng thời cũng đang do dự.”

“Do dự điều gì?”

“Cô gái khác thường này đã tặng cho anh ta một điệu múa bóng tối. Đó là cảnh tượng mà anh ta sẽ không bao giờ quên, và có lẽ bộ phim sẽ có cái kết nên thơ nếu anh ta mang theo kí ức này về nhà, thay vì thực hiện mong ước của mình, về logic thì chúng ta đang nói đến một kẻ ngốc thay vì nhân vật chính...”

“Giờ thì tôi không theo kịp anh nữa rồi. Câu hỏi là gì vậy?”

“Nếu cô là biên kịch và đạo diễn, trong hai kết cục đó. Cô sẽ

chọn cái nào cho anh chàng này?”

“Lựa chọn đã rõ ràng rồi. Tôi sẽ cho kẻ ngốc đó một đêm khoái lạc.”

Hạnh phúc ở trên những tầng mây

Về những gì xảy ra ở trên đệm, tôi chỉ nhớ được vài khoảnh khắc. Và đó là một điều đáng tiếc.

Khi có cơ hội ngủ với một nàng *geisha* hiện đại, bạn sẽ muốn ghi nhớ từng giây phút, từng đường nét cơ thể nàng. Nhưng nếu cuộc sống không hoàn hảo thì kí ức về cuộc sống còn bất toàn hơn.

Khi nhớ lại những mảnh kí ức vụn vỡ, với ánh sáng ban trưa chiếu trên đệm, sự phấn khích quay trở lại. Tuy nhiên, việc nàng không ở bên cạnh tôi nữa khiến tôi nghĩ rằng đó chỉ là một giấc mơ.

Khi ngồi dậy, tôi cảm thấy nhẹ nhõm vì không cảm thấy quá tệ. Chỉ hơi chóng mặt một chút. Điều mà Bryan Ferry^[76] nói có thật không, rằng tình yêu là liều thuốc chữa lành mọi thứ?

Giờ ăn sáng đã qua lâu rồi, thế nên tôi xuống thẳng *onsen*. Sau nghi lễ với cái xô nước, tôi ngồi ngập trong nước bên cạnh một người béo tốt có mong muốn thực hành tiếng Anh cơ bản.

Sau khi hỏi tôi tới từ đâu, anh ta lôi ra câu hỏi kinh điển: “Anh đi công tác hay đi du lịch vậy?”

“Du lịch,” tôi tự làm bản thân bất ngờ khi thốt ra từ này.

Người đàn ông gật gật đầu trong khi lăm bắm gì đó bằng tiếng Nhật. Đột nhiên, tôi hỏi anh ta: “Anh có hay tới lữ quán này không?”

“Có chứ, tôi luôn ở tại đây khi tới Kyoto.”

“Vậy anh có biết tại sao nó có tên là Ếch Lam không?”

Phá vỡ sự dè dặt của người Nhật, anh ta phá ra cười khi nghe câu hỏi của tôi. Chắc hẳn anh ta đã nhìn thấy trên mặt tôi rằng tôi đang cảm thấy thật ngu ngốc, vì anh ta đột ngột nói thêm: “Đừng cảm thấy bị xúc phạm, nhưng anh đang ngồi trên một con ếch xanh đấy.”

Đó không phải là tiết lộ duy nhất của buổi sáng hôm đó, nhưng thỉnh thoảng tôi sẽ nghĩ về điều đấy khi quay trở lại với thế giới của mình. Những con ếch xanh là ghế ngồi bằng đá dành cho ai thư giãn trong bể tắm nước nóng. Tôi đã ngồi lên chúng rất nhiều lần mà không nhận ra, giống như ta cũng không nhận ra được những thứ thực sự quan trọng trong cuộc đời dù đã bắt gặp vô số lần.

Chúng ta cứ tìm kiếm xa xôi nhưng hóa ra chúng lại ở gần đến mức ta không có khả năng nhìn thấy, vì chúng ta là người cận thị về tâm linh.

Tiết lộ thứ hai của sáng hôm nay nằm trong tay của lễ tân. Khi nhận cái phong bì mà bà ấy đưa, tôi tự hỏi bà ấy ngủ khi nào, vì bà ấy luôn đứng ở đó.

Tôi cẩn thận mở ra. Bên trong có hai tờ giấy cao cấp được gấp tư. Tờ đầu tiên là một bức thư.

Thân gửi Samuel,

Cảm ơn vì những ngày và đêm tuyệt vời, và trên hết, vì đã chờ đợi tôi và cho tôi sức mạnh khi mọi thứ có vẻ như đã mất.

Anh đã giúp tôi đi qua một cây cầu mà tôi chưa bao giờ nghĩ đến chuyện vượt qua một mình.

Sáng nay, khi ngắm anh ngủ sau khi làm tình, tôi đã quyết định rằng đã đến lúc quay về San Francisco để đối mặt với mọi thứ. Khi anh đọc lá thư này, tôi đã ở sân bay đợi chuyến đi của mình rồi.

Có một điều về Richard mà tôi vẫn chưa nói với anh. Cái đêm biết tin

tôi phản bội, anh ấy đã mất vì tai nạn giao thông. Kết quả khám nghiệm tử thi cho thấy anh ấy đã uống rượu.

Giờ anh hiểu tại sao tôi không còn đường để quay lại rồi chứ?

Nếu những ngày qua anh thấy tôi phù phiếm và thỉnh thoảng có chút kính cần thì lí do là vậy. Tôi đã cố gắng quên đi.

Giờ thì tôi biết điều đó là có thể.

Bạn của anh, ngày hôm qua

MIZUKI

Tái bút: Mong là anh thích món quà đằng sau lá thư này. Tôi đã mất một lúc để dịch nó.

*Ngước lên trong khi bước đi
Để nước mắt không chảy xuống
Tôi nhớ ngày mùa xuân
Một buổi tối cô độc*

*Ngước lên trong khi bước đi
Đếm những ngôi sao mờ ảo
Tôi nhớ ngày mùa hạ
Một buổi tối cô độc*

*Hạnh phúc ở trên những tầng mây
Hạnh phúc ở trên trời cao*

*Ngước lên trong khi bước đi
Để nước mắt không chảy xuống
Vừa bước đi vừa khóc*

Một buổi tối cô độc

Tôi nhớ ngày mùa thu

Một buổi tối cô độc

Nỗi buồn là bóng của vì sao

Nỗi buồn là bóng của vầng trăng

Ngước lên trong khi bước đi

Để nước mắt không chảy xuống

Tôi nhớ ngày mùa xuân

Một buổi tối đơn độc

Hồi kết

Wabi Sabi

Trong khi máy bay vẫn đi vòng trên đường băng Prat, tôi hành động như phần lớn những hành khách khác. Bỏ qua yêu cầu không sử dụng điện thoại cho đến khi máy bay dừng lại hẳn, tôi bật điện thoại lên để gặp một người bạn trong nước.

Phía trên hộp tin nhắn SMS và biểu tượng Whatsapp hiện ra hai hình tròn. Những tin nhắn đầu tiên là về khoản phí mà tôi trả khi mua sắm ở sân bay Narita.

Khi mở Whatsapp ra, tôi nhận được một bất ngờ thú vị. Tôi đọc tin nhắn với một xúc cảm mới trong lòng.

Marc đã chào đời và hôm nay là ngày đầu tiên bé về nhà.

Thằng bé rất muốn gặp cha đỡ đầu của nó đấy.

Gửi anh những nụ hôn từ cả hai mẹ con :) :)

MERITXELL

Mạo hiểm việc bị tiếp viên nhắc nhở, tôi trả lời lại ngay:

Tôi biết là đã hơn mười giờ đêm rồi, nhưng người cha đỡ đầu này không thể đợi để được gặp con trai đỡ đầu.

Nhân tiện, tôi không biết cô sống ở đâu.

x x x x

SAMUEL

Bốn mươi lăm phút sau, xe taxi dừng lại trước một tòa nhà

trong quận Gracia. Sau khi dỡ hành lí xuống, tôi bấm chuông tầng một.

Giọng nói trong hệ thống liên lạc kêu lên “Samuel?” trước khi cửa mở ra với một tiếng rè rè rất to.

Tôi leo lên cầu thang với những bước chân chiến thắng, sinh ra từ sự nhiệt tình mà ngay bản thân tôi cũng không hiểu nổi.

Cô bác sĩ thú y đợi tôi trước cánh cửa mở với một nụ cười tự hào. Tôi ôm cô ấy trước khi vào bên trong, nơi đang hỗn loạn. Tôi nhìn với ánh mắt phê bình đồng quần áo bẩn trên ghế, đồng bát đĩa chưa rửa và cái cửa sổ với tấm màn xoắn lại và hỏng hóc.

Tôi quyết định rằng trong lần ghé thăm tới, tôi sẽ khắc phục vấn đề này.

“Thằng bé mới dậy,” cô ấy thông báo. “Anh vào đây...”

Tôi ghé nhìn cái nôi, nơi một con người bé nhỏ, mới chỉ có mặt trên đời được ba ngày, đang nhìn tôi rất chăm chú. Tôi đã đọc được rằng những đứa trẻ còn quá nhỏ vẫn chưa thể nhìn hay mỉm cười, nhưng tôi có cảm giác rằng thằng bé vui vẻ vì tôi đang ở đó.

Tôi nắm lấy bàn tay tí hon và thằng bé ngáp ngủ, lười biếng ngo nguậy cái đầu với lớp tóc đen mỏng.

“Thằng bé thích anh đấy,” Meritxell nói. “Hôm qua có một đồng nghiệp của tôi đến chơi và nó khóc mỗi khi cô ấy chạm vào.”

“Cô nghĩ vậy ư?”

“Phải, trẻ con rất thông thái và biết nhiều thứ. Marc cảm nhận được rằng anh sẽ là người quan trọng trong cuộc đời của nó.”

Chỉ đùa thôi, tôi giả vờ nghiêm túc để che giấu cảm xúc của mình.

“Tôi là cha đỡ đầu và có thể yêu cầu gặp thằng bé hằng ngày nếu muốn. Tôi đã nhận trách nhiệm nuôi nấng nó.”

“Anh có thể đến bất kì khi nào anh muốn. Anh có muốn bế nó không?”

Vượt qua nỗi sợ sẽ làm thằng bé đau, tôi đưa tay xuống đỡ lưng nó, tẩm lưng chỉ rộng bằng một cuốn sách, và đưa thằng bé lại gần ngực mình trong khi đỡ cái đầu to bằng tay kia.

“Anh đang làm rất tốt. Như thể anh đã ôm trẻ con cả đời rồi vậy. Anh có muốn một li rượu không?”

Tôi chấp nhận lời mời mà không rời mắt khỏi đứa bé. Trong khi Meritxell mở nút chai rượu Montsant^[77], tôi tiếp tục đùa: “Không biết cha ruột của thằng bé là ai, nhưng tôi nói trước là Marc sẽ không giống anh ta hay giống cô. Thằng bé giống cha đỡ đầu của nó.”

“Nếu anh nói vậy...”

Cô ấy rót cho tôi một li rượu đặc và đậm màu như đêm tối, rồi ngồi xuống trước mặt tôi. Trông cô ấy có vẻ bất ngờ vì đứa bé lại yên lặng đến vậy với một người mà vài phút trước nó không hề biết.

Ba ngày sau khi trở thành mẹ, tôi nghĩ rằng Meritxell không hề mất đi một chút nào về đẹp bình dị của mình.

“Chuyện anh muốn đến đây hằng ngày là nghiêm túc chứ?” Cô ấy hỏi.

“Nếu chuyện đó làm phiền cô thì...”

“Tôi sẽ rất vui nếu anh đến,” ánh mắt cô ấy sáng lên vẻ hài lòng, “và cả Marc cũng vậy. Tôi hỏi vậy vì anh đấy.”

“Đừng nghĩ nhiều vì tôi. Mùa hè còn dài và tôi không phải làm việc cho đến tận tháng Chín. Nguy cơ duy nhất tôi thấy là cuối cùng tôi sẽ yêu cô. Tôi đùa thôi...”

Meritxell nở nụ cười nghịch ngợm.

“Nếu chuyện đó xảy ra, sẽ rất kì lạ với anh khi bắt đầu mối quan hệ với một người vừa mới sinh đứa con không phải của anh đấy.”

“Không có gì là hoàn hảo, điều này tôi mới hiểu được gần đây.

Nếu như thằng bé không được sinh ra, tôi không muốn nói rằng mình không thể yêu thương nó như con đẻ.”

Cô ấy nhìn tôi ngổ ngàng và chau mày, như thể tôi vừa mới trêu chọc cô ấy. Cô ấy giắt lấy li rượu từ tôi để uống một ngụm trong khi tuyên bố: “Tôi không biết anh làm gì ở Nhật, nhưng anh có vẻ khác.”

“Tôi mong là không phải thay đổi theo hướng xấu đi.”

“Ngược lại, tôi thấy anh thoải mái hơn. Trực giác không lừa tôi: Đúng là anh cần chuyển đi đấy.”

“Có lẽ là vậy, mặc dù điều tôi trải qua ở đó tôi cũng có thể học được ở đây.”

“Anh đã học được gì?” Cô ấy hỏi, bị mê hoặc.

“Rằng thật ngu ngốc khi tìm kiếm xa xôi những gì ta có ngay bên cạnh, và rằng mọi thứ không bao giờ xảy ra như ta muốn. Không có gì là hoàn hảo và không có gì tồn tại mãi mãi. Mọi thứ đều thay đổi... như Marc. Trong khi thằng bé nằm trong vòng tay tôi, chúng ta không nhận ra nhưng nó sẽ lớn lên và khám phá thế giới.”

Meritxell lại gần và vuốt má tôi trước khi hỏi: “Nếu tất cả đều thay đổi... thì giờ chúng ta đang ở đâu?”

“Ở một nơi có tất cả mọi khả năng của vũ trụ.”

Lời cảm ơn

Dành tặng Izaskun Arretxe, nữ biên tập viên đã giúp cuốn sách này được hoàn thành, sau rất nhiều năm. Cảm ơn vì đã kiên nhẫn và nhiệt tình đến vậy.

Dành tặng Marian Penalva, người đầu tiên đã tin tưởng vào cuốn sách này.

Dành tặng Jordi Cantavella, vì những định hướng và ý kiến khôn ngoan.

Dành tặng Katinka Rosés, Alex Rovira và Albert Valero, vì đã đồng hành cùng tôi trong ba chuyến đi tới Nhật.

Dành cho Héctor García, vì dù không quen biết, đã đón tiếp chúng tôi ở Tokyo như một người bạn tốt.

Dành tặng Marisa Tonezzer, vì đã cổ vũ tôi viết cuốn *Viết thường hai chữ “tình yêu”* đúng lúc.

Dành tặng Sandra Bruna, người đại diện và thiên thần hộ mệnh của tôi.

Dành tặng tất cả độc giả. Cảm ơn vì đã cho tôi vinh dự chia sẻ cuộc phiêu lưu này với các bạn.

[1] Cách thể (hoặc cách): Trạng thái của danh từ, tính từ và đại từ thường thấy trong các ngôn ngữ Ấn - Âu để thể hiện chức năng trong một câu.

[2] *Escuela Oficial de Idiomas*: Hệ thống các trung tâm dạy tiếng Tây Ban Nha như một ngoại ngữ (bên cạnh một số ngôn ngữ hiện đại khác) do cơ quan giáo dục địa phương của các vùng tự trị tài trợ và tổ chức.

[3] Nhóm ngôn ngữ bắt nguồn từ Trung Đông, hiện được sử dụng tại Tây Á, Bắc Phi, Đông Bắc Phi và Malta. Những ngôn ngữ Semit phổ biến có thể kể đến tiếng Ả Rập, tiếng Amhara, tiếng Hebrew, tiếng Malta...

[4] J. R. R. Tolkien (1892 - 1973): Tiểu thuyết gia, giáo sư người Anh, được biết đến nhiều nhất qua tác phẩm *The Lord of the Rings*.

[5] Quốc đảo trong truyền thuyết được cho là đã chìm xuống đáy đại dương.

[6] Plato (427 - 347 TCN): Nhà triết học Hy Lạp cổ đại.

[7] Một loại mì Ý, thường có hình vuông hoặc tròn, với nhân nhồi bên trong (thịt, rau hoặc phô mai).

[8] Một series phim hài của Mỹ, chiếu trên truyền hình từ năm 1989 đến năm 1998.

[9] Friedrich Nietzsche (1844 - 1900): Nhà triết học người Đức, được xem là một nhân vật quan trọng có ảnh hưởng lớn trong triết học hiện đại.

[10] Ludwig Wittgenstein (1889 - 1951): Nhà triết học người Áo, được coi là một trong những nhà triết học quan trọng nhất thế kỉ 20.

[11] Michel Foucault (1926 - 1984): Nhà triết học người Pháp.

[12] *Der Himmel über Berlin*: Phim tình cảm, kì ảo phát hành năm 1907 của đạo diễn Wim Wenders.

[13] Kinkaku-ji, tức chùa Gác Vàng, là ngôi chùa nằm trong di sản văn hóa cổ đô Kyoto, Nhật Bản.

[14] *Sencha* là một loại trà xanh của Nhật Bản, được chế biến bằng cách hâm lá trà trong nước nóng. *Kabusecha* là loại *sencha* được trồng trong bóng mát.

[15] *Gyokuro* là một loại trà xanh trồng trong bóng râm của Nhật Bản, nhưng khác với *kabusecha* chỉ được phủ bóng một tuần, *gyokuro* được phủ bóng trong khoảng ba tuần.

[16] Một trong năm vị cơ bản cùng với vị ngọt, chua, đắng và mặn.

[17] Nghệ thuật sân khấu truyền thống của Nhật Bản, được biểu diễn từ thế kỉ 14.

[18] *Wabi Sabi Love: The Ancient Art of Finding Perfect Love in Imperfect Relationships* của tác giả Arielle Ford.

[19] Ca khúc *Wabi Sabi Love* của nhóm nhạc Nikosia.

[20] Phép màu đã đi đâu? / Mây mờ che phủ tâm hồn tươi sáng của bạn / Hãy ôm lấy tôi, / Giờ tôi là một đứa trẻ / Nài xin một nụ cười.

[21] Đừng phàn nàn nhỏ nhẹ nữa, / Cuộc đời hoàn toàn không hoàn hảo. / Mọi thứ đều gặp ghềnh và thô ráp / Đó chính là điều buồn cười.

[22] Tình yêu Wabi Sabi, / Vòng tròn không bao giờ nối lại. / Hãy đắm / Những ước mơ khờ của chúng ta / Vào thế giới này.

[23] Ban nhạc rock alternative từ Chicago, Illinois (Mỹ), thành lập từ năm 1994.

[24] (Tạm dịch) Cách chống lại nỗi cô đơn.

[25] Hãy kéo chăn một cách mù quáng / Lấp đầy trái tim với khói mù / Và điều đầu tiên bạn muốn / Sẽ là điều cuối cùng bạn cần.

[26] Johann Sebastian Bach (1685-1750): Nhà soạn nhạc người Đức thuộc thời kì Baroque (1600-1750).

[27] Studio hoặc xưởng.

[28] *Quảng trường Cách mạng*. Nơi đây từng được đặt theo tên Nữ vương Isabel Đệ Nhị (1830 - 1904), nhưng rồi đổi tên như hiện tại sau Cách mạng Vinh quang năm 1868.

[29] Phim độc lập, không phải do các hãng phim lớn sản xuất hay phân phối.

[30] Lữ quán, quán trọ truyền thống của Nhật Bản, xuất hiện từ thời Edo (1603 - 1868).

[31] Vùng vành đai nóng của Ấn Độ Dương nằm giữa bán đảo Ả Rập và vùng Tây Nam Iran.

[32] Khăn trùm đầu (mạng che mặt và khăn choàng) của phụ nữ Hồi giáo.

[33] Murakami Haruki (sinh năm 1949): Nhà văn đương đại người Nhật Bản. Các tác phẩm của ông đã được dịch ra hơn 50 ngôn ngữ trên thế giới.

[34] *Hitsuji o meguru bouken*: Tiểu thuyết thứ ba của Murakami Haruki, được xuất bản lần đầu tại Nhật vào năm 1982.

[35] *Umibe no Kafuka*: Tiểu thuyết xuất bản năm 2002 của Murakami.

[36] *1Q84*: Tiểu thuyết gồm 3 tập của Murakami, xuất bản trong

khoảng thời gian từ năm 2009 đến năm 2020.

[37] *Kokkyou no minami, taiyou no nishi*: Tiểu thuyết xuất bản năm 1992 của Murakami.

[38] *Noruwei no mori*: Tiểu thuyết xuất bản năm 1987 của Murakami, và là tác phẩm đã đưa ông trở thành một trong những nhà văn hàng đầu của Nhật Bản.

[39] Cải ngựa Nhật Bản, rể được dùng làm gia vị và có vị cay cực mạnh.

[40] (Tiếng Nhật Bản) Người nước ngoài.

[41] Sự cố nhà máy điện hạt nhân Fukushima I sau trận động đất và sóng thần Sendai tháng Ba năm 2011.

[42] Chiến tranh thế giới II (1939 - 1945).

[43] Dịch vụ tàu tốc hành đặc biệt, nối sân bay quốc tế Narita với nhiều ga quan trọng ở Tokyo.

[44] Chữ Hán được sử dụng trong hệ thống chữ viết tiếng Nhật hiện đại cùng với *hiragana* (chữ mềm) và *katakana* (chữ cứng).

[45] Những cô gái được đào tạo khả năng múa, hát, chơi nhạc cụ truyền thống, đặc biệt là cách nói chuyện và dẫn dắt câu chuyện trong các buổi tiệc của giới thượng lưu.

[46] Hào nhoáng, nhưng không có giá trị thực sự. Thường dùng để miêu tả các tác phẩm nghệ thuật, các phong cách thiết kế, trang trí...

[47] Này nắm, bạn đến từ đâu thế? / Cây nắm xinh đẹp, bạn đến từ đâu thế? / Một cây trong rừng / Một cây nắm trong rừng biến thành kèn trumpet / Các nốt nhạc bay tới mây xanh / Pupp-Lu-Papa-Pulu Pappa... / Đừng kể chuyện này với trời xanh nhé.

[48] Những từ hoặc cụm từ khó phát âm đúng khi đọc nhanh.

[49] *Good Times with Older Dogs* của tác giả Dorothee Dahl.

[50] Ngôi sao điện ảnh người Mỹ. Phim được nhắc tới ở đây là *Hachiko: A Dog's Tale*, dựa trên câu chuyện có thật về chú chó trong thành đội chủ.

[51] Nhóm nhạc punk rock của Anh, thành lập năm 1975.

[52] Hai trong năm thành viên của Sex Pistols.

[53] Các tổ chức tội phạm truyền thống của Nhật Bản.

[54] Danh hài, ngôi sao sân khấu và truyền hình của Mỹ.

[55] Nữ biên kịch, đạo diễn, nhà sản xuất phim người Mỹ.

[56] Món ăn truyền thống của Nhật Bản, gồm nước dùng dashi (được làm từ cá và tảo biển) nấu cùng với tương miso và những

nguyên liệu khác như rong biển, đậu phụ...

[57] *Lost In Translation*: Bộ phim tâm lí lãng mạn của đạo diễn Sofia Coppola, ra mắt năm 2003, diễn viên chính là Bill Murray và Scarlett Johansson.

[58] Diana Krall (Sinh năm 1964): Nghệ sĩ piano và ca sĩ nhạc jazz người Canada.

[59] Stevie Nicks (Sinh năm 1948): Ca sĩ, nhạc sĩ người Mỹ, giọng ca chính của nhóm nhạc Fleetwood Mac.

[60] Em luôn sợ đổi thay / Vì em đã gầy dựng cuộc đời mình
quanh anh / Những thời gian khiến anh liêu lĩnh hơn / Cả những
đứa trẻ cũng dần lớn lên / Và em cũng đang già đi. (Ca khúc
Landslide của Fleetwood Mac)

[61] Rabindranath Tagore (1861 - 1941): Nhà thơ, triết gia Bà La Môn, nhạc sĩ, nhà dân tộc chủ nghĩa người Ấn Độ.

[62] Hòn đảo lơ lửng đi về đâu / Nó sẽ đưa chúng ta đi về đâu? /
Chắc chắn có điều gì đó đang chờ chúng ta / Ở chân trời của Trái
Đất tròn này / Những lúc khó khăn rồi sẽ trôi qua / Những điều
buồn bã cũng sẽ trôi qua / Nhưng chúng ta sẽ không từ bỏ! /
Chúng ta ghét phải khóc, vậy nên hãy cười và tiến về phía trước /
Bất ngờ chưa, hòn đảo lơ lửng!

[63] (Tiếng Nhật) Chào buổi tối.

[64] Rượu sake thông thường sẽ trải qua quá trình lọc thô bằng vải.

[65] Trò chơi bắn bi sắt ăn tiền trên máy rất phổ biến ở Nhật Bản.

[66] Vùng ven biển thuộc Cataluña, nằm phía Đông Bắc Tây Ban Nha.

[67] Đừng ra đi trong yên lặng / Đừng ra đi

[68] Tạm dịch: Kênh Những Khúc hát buồn.

[69] Tanizaki Junichiro (1886-1965); Một trong những nhà văn nổi tiếng của Nhật Bản thế kỉ 20. Tác phẩm được nhắc đến ở trên là *Inei Raisan* - Tiểu luận về mỹ học Nhật Bản.

[70] Sakamoto Ryuichi (Sinh năm 1952): Nhà soạn nhạc người Nhật.

[71] Hội chứng Stendhal (hay hội chứng Florence) là tên gọi của hiện tượng một người bị choáng, hoảng loạn, ảo giác hay thậm chí là đau tim và ngất luôn sau khi thấy quá nhiều tác phẩm nghệ thuật tuyệt đẹp cùng một lúc.

[72] *Anne Frank: The Diary of Young Girl*: Cuốn sách gồm các trích đoạn từ nhật kí do Anne Frank trong hai năm khi đi trốn cùng gia đình vào giai đoạn Đức Quốc Xã chiếm đóng Hà Lan.

[73] Công án: Những câu đố triết lí các Thiền sư thường đặt ra để kích thích tư duy của các Thiền sinh.

[74] Ca khúc *Ue wo muite arukou* (1961) của Sakamoto Kyu, còn có tên khác là *Sukiyaki* ở các nước nói tiếng Anh.

[75] Ngược lên trong khi bước đi / Để nước mắt không chảy xuống / Tôi nhớ ngày mùa xuân / Một buổi tối đơn độc.

[76] Ca sĩ, nhạc sĩ người Anh. Ông từng là giọng ca chính trong nhóm nhạc Roxy Music, một trong những đĩa đơn thành công của nhóm mang tên *Love is the Drug*.

[77] Khu vực sản xuất rượu vang ở Cataluña, phía đông bắc Tây Ban Nha.

Table of Contents

Start

Tác giả

Mở đầu

Maneki neko

Con mèo vẫy chào

Động vật có nguy cơ tuyệt chủng

Anh có nói tiếng Atlantis không?

Hãy chào vận may và vận may sẽ chào lại bạn

Âm nhạc tỏa sáng giúp chữa lành ta từ bên trong

Khảo cổ tình cảm

Những lí do của thiên thần

Kim Các Tự

Umami

Vũ trụ luôn dịch chuyển

Tình yêu Wabi Sabi

Cách chống lại nỗi cô đơn

Một đề nghị bất ngờ

Chuẩn bị cho chuyến đi

Kyoto

Cái chết của Mishima Yukio

Trận động đất cuối cùng ở Tokyo

Chờ đợi núi Phú Sĩ

Kyoto

Đừng kể chuyện này với trời xanh

Okamura

Có tồn tại sự u sầu toàn thế gian không?

Quãng thời gian hạnh phúc với những chú chó già

Đã chị cấm kị
Không có gì tồn tại mãi mãi
Chỉ có Thần mới biết câu trả lời
Bức ảnh cuối cùng mà chúng tôi cùng cười
Những tấm bưu thiếp du hành mười bốn bậc thang
Vòng tròn tro bụi

Quán cà phê của những khúc hát buồn

Người đàn ông cô độc ở Tokyo
Hóa thân thành hoa
Không nhìn, không nghe, không nói
Hòn đảo lơ lửng dẫn đến đâu?
Niềm hạnh phúc của người Ainu
Namida no Café
Cuộc xăm lặn của niềm vui
Geiko, maiko và danna
Ca tụng bóng tối
Hơi thở cuối cùng của cuộc sống
Điệu múa bóng
Khi bầu trời không một gợn mây
Long An Tự
Vườn khô
Những chiếc tất thủng lỗ
Hãy cho kẻ ngốc một đêm khoái lạc
Hạnh phúc ở trên những tầng mây

Hồi kết

Wabi Sabi

Lời cảm ơn